NỘI DUNG MỚI

Tổng quan kinh tế và ngoại thương

Kinh tế

Ngoại thương

Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ

Xuất nhập khẩu trong một số lĩnh vực

Nông thuỷ sản và thực phẩm

Hàng dệt may

Giầy dép

Đồ nội thất

Sản phẩm điện tử

Sản phẩm nhựa tiêu dùng

Một số loại hàng hóa khác

Một số qui chế quản lý nhập khẩu

Thực phẩm nói chung

Rau quả tươi và khô

Rau quả chế biến

Pho mát, sữa và các sản phẩm sữa

Gia súc và động vật

Thịt và các sản phẩm thịt

Đồ uống

Hàng dệt may

Gốm, sứ, thủy tinh đựng thực phẩm

Sản phẩm nhựa tiêu dùng

Đồ chơi

Hàng mây tre lá

Xe đạp

Đồ nội thất

Bật lửa dùng để hút thuốc

Vật liệu gỗ đóng gói hàng nhập khẩu

NỘI DUNG TÁI BẢN

(Có bổ sung và cập nhật)

Một số luật điều tiết thương mại

Sơ lược về Luật chống bán phá giá

Sơ lược về Luật chống trợ giá

Qui trình điều tra bán phá giá, trợ giá, và áp thuế

Văn hóa và tập quán kinh doanh

Một số nét khái quát và đặc trưng

Giao tiếp kinh doanh

Ăn ở và đi lại

Giờ làm việc và ngày nghỉ

Thâm nhập thị trường

Tiềm năng thị trường

Xây dựng hình ảnh thị trường Việt Nam

Nghiên cứu sơ bộ thị trường

Chiến lược cạnh tranh và đối tác

Tham gia triển lãm, hội chợ

Tìm hiểu đối tác kinh doanh

Trang chủ (website)

Thư điện tử

Thư chào hàng

Đăng ký thương hiệu

Thành lập công ty

Một số triển lãm, hội chợ lớn và có uy tín

TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ NGOẠI THƯƠNG

Kinh tế

Hiện nay và trong nhiều thập kỷ nữa, Hoa Kỳ vẫn là nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Năm 2005, GDP của Hoa Kỳ ước đạt xấp xỉ 12,5 nghìn tỷ USD (tính theo giá Đô la cùng năm), chiếm khoảng 28% tổng GDP toàn thế giới. Nếu tính theo sức mua (PPP) thì GDP của Hoa kỳ chiếm khoảng 20%. Thu nhập bình quân đầu người ở Hoa Kỳ năm 2005 đạt 42.000 USD.

GDP của Hoa Kỳ so với GDP của thế giới

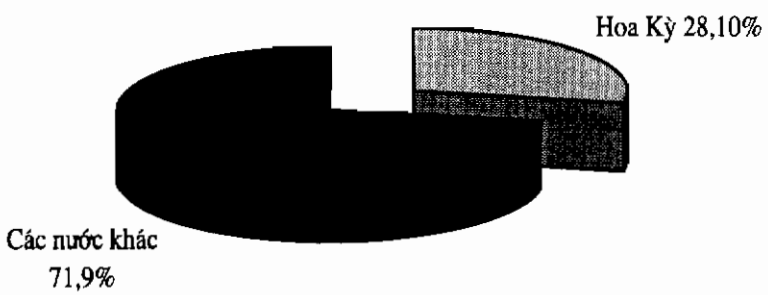

Bảng: GDP của Hoa Kỳ
và thế giới năm 2005
(Tính theo giá Đô la Mỹ cùng năm)

Thứ tự	Nước	GDP (triệu USD)	Tỷ lệ % của thế giới
	Toàn thế giới	**44.433.002**	**100%**
1	Hoa Kỳ	12.485.725	28,1%
2	Nhật bản	4.571.314	10,3%
3	Đức	2.797.343	6,3%
4	Trung Quốc	2.224.811	5,0%
5	Vương Quốc Anh	2.201.473	5,0%
6	Pháp	2.105.864	4,7%
7	Italia	1.766.160	4,0%
8	Canada	1.130.208	2,5%
9	Tây Ban Nha	1.126.565	2,5%
10	Hàn Quốc	793.070	1,8%

Nguồn: Wikipedia

Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của Hoa Kỳ năm 2005 gồm dịch vụ 78,7%, công nghiệp chế tạo 20,3%, và nông nghiệp 1%. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Hoa Kỳ vẫn có xu hướng tăng.

Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ

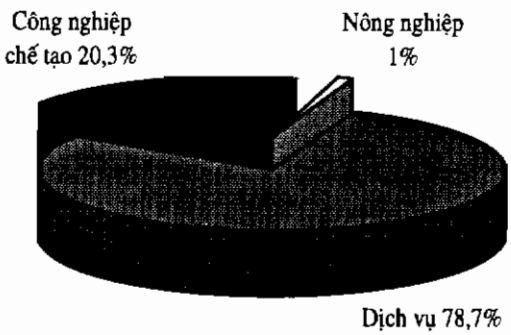

Tốc độ tăng trưởng

Kể từ thập kỷ 90 trở lại đây, Hoa Kỳ đã duy trì được mức tăng trưởng GDP cao hơn mức tăng trưởng chung của cả khối G7. Mức tăng trưởng GDP bình quân của Hoa Kỳ trong thập kỷ 90 là 3,6% trong khi đó mức tăng chung của cả khối G7 trong cùng thời kỳ chỉ là 2,6%. Tuy nhiên, tốc độ tăng GDP thực tế bình quân của Hoa Kỳ từ năm 2000 trở lại đây thấp hơn so với thập kỷ 90 và không ổn định như thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

Bảng: Tăng trưởng GDP thực tế (%)
(Tính theo giá Đô la năm 2000)

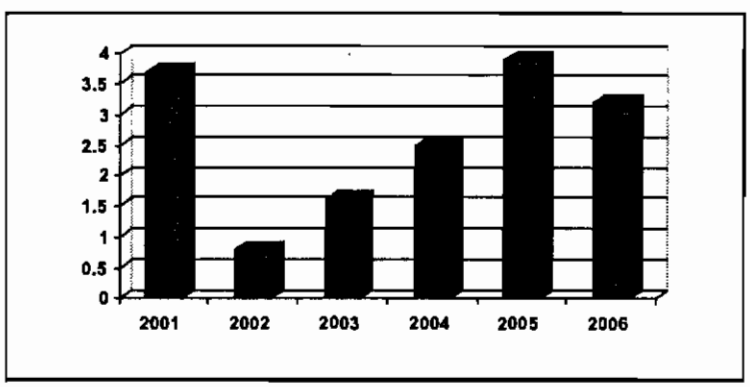

Nguồn: Cục Phân tích kinh tế Hoa Kỳ

Hoa Kỳ rất mạnh và đóng vai trò chi phối thế giới trong các lĩnh vực tài chính tiền tệ, thương mại điện tử, thông tin, tin học, bưu điện, du lịch, vận tải hàng không, vận tải biển, y tế, giáo dục, điện ảnh, tư vấn v.v. Trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, hiện nay, Hoa Kỳ chiếm khoảng 50% tổng lưu lượng thanh toán và đầu tư quốc tế thực hiện bằng đồng đô la. Năm 2005, Hoa Kỳ xuất khẩu khoảng 380 tỷ USD dịch vụ.

Các ngành công nghiệp chính của Hoa Kỳ bao gồm: dầu lửa, sắt thép, ô tô, hàng không, viễn thông, hóa chất, điện tử, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng, khai thác gỗ, khai khoáng. Các ngành chế tạo hàng không, điện tử, tin học, nguyên tử, vũ trụ, hóa chất là những ngành công nghiệp mũi nhọn của Hoa Kỳ. Các sản phẩm nông nghiệp chính của Hoa Kỳ gồm lúa mỳ, các loại ngũ cốc khác, ngô, hoa quả, bông, thịt bò, thịt lợn, gia cầm, sản phẩm sữa, lâm sản, cá.

Ngoại thương

Hoa Kỳ là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Hoa Kỳ là một trong ba nước thành lập ra Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Hoa Kỳ đã ký hiệp định thương mại tự do song phương với một số nước, và dành ưu đãi thương mại đơn phương cho nhiều nước đang và chậm phát triển. Hiện nay, Hoa Kỳ có quan hệ buôn bán với 230 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trung quốc đã vượt Nhật bản trở thành bạn hàng lớn thứ 3 của Hoa Kỳ sau Canada và Mêhicô là hai nước thành viên của NAFTA.

Tổng kim ngạch thương mại quốc tế (gồm cả hàng hóa và dịch vụ) của Hoa Kỳ năm 2005 đạt xấp xỉ 3.270 tỷ USD, tăng khoảng 12% so với năm 2004, trong đó kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá khoảng 2.570 tỷ, chiếm 78% và bằng 20% GDP.

Năm 2005, thâm hụt cán cân thương mại hàng hóa quốc tế của Hoa Kỳ tiếp tục tăng 17,5% (giảm so với mức tăng

22% của năm 2004) từ 666 tỷ USD năm 2004 lên 783 tỷ năm 2005. Kim ngạch xuất khẩu hàng đạt 894,6 tỷ USD, tăng 10,8%, trong khi đó kim ngạch nhập khẩu hàng hóa là 1.677,4 tỷ, tăng 13,8%. Bảng dưới đây cho thấy kể từ năm 2001 đến nay mức thâm hụt thương mại hàng hóa của Hoa Kỳ năm sau đều cao hơn năm trước.

Bảng: Xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ

(Đơn vị: triệu USD)

	2001	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Tổng xuất khẩu	1.004,9	974,7	1.016,1	1.151,9	1.275,2
Hàng hoá	718,7	682,4	713,4	807,4	894,6
Dịch vụ	286,2	292,3	302,7	344,4	380,6
Tổng nhập khẩu	1.367,7	1.395,8	1.511,0	1.763,2	1.992,0
Hàng hoá	1.145,9	1.164,7	1.260,7	1.472,9	1.677,4
Dịch vụ	221,8	231,1	250,3	290,3	314,6
Tổng cán cân	-362,8	-421,1	-494,9	-611,3	-716,7
Hàng hoá	-427,2	-482,3	-547,3	-665,5	-782,7
Dịch vụ	64,4	61,2	52,4	54,1	66,0

Xuất khẩu

Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ đạt xấp xỉ 894,6 tỷ Đô la, tăng 87,2 tỷ (10,8%) so với năm 2004. Ba nhóm hàng có mức tăng cao nhất là máy bay và các thiết bị hàng không vũ trụ; các sản phẩm dầu lửa; và xe động cơ. Riêng ba nhóm hàng này năm 2005 đã tăng 18,3 tỷ, chiếm 24% tổng trị giá xuất khẩu tăng. Hai nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm lớn nhất là bán dẫn, giảm 1,8 tỷ (14%) và ngũ cốc, giảm 1,6 tỷ (13%).

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa
(Đơn vị: triệu USD)

	2002	2003	2004	2005
Tổng kim ngạch	**682,4**	**713,4**	**807,4**	**894,6**
Phương tiện vận tải	144.655	142.948	155.902	180.517
Sản phẩm điện tử	140.428	140.838	149.450	155,408
Hóa chất và các sản phẩm liên quan	91.702	102.330	121.383	132.734
Máy móc	63.262	63.462	76.744	82.087
Nông thuỷ sản và thực phẩm chế biến	58.345	64.706	66.908	68.698
Khoáng sản và kim loại	39.924	42.980	50.588	62.911
Lâm sản	22.825	23.566	25.637	27.809
Sản phẩm liên quan tới năng lượng	14.431	16.639	21.783	29.892
Sản phẩm dệt may	17.298	17.033	17.633	17.864
Các sản phẩm chế tạo khác	15.004	14.859	16.923	19.111
Giầy dép	520	495	450	507

Nhập khẩu

Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 1.677,4 tỷ, tăng 204,5 tỷ USD (14%) so với năm 2004. Nhiều nhóm hàng có mức tăng trên 4 tỷ, trong đó nhóm sản phẩm năng lượng có mức tăng cao nhất là 75,1 tỷ chiếm 37% tổng trị giá tăng nhập khẩu, chủ yếu là do giá dầu thế giới tăng.

Bảng: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa
(Đơn vị: triệu USD)

	2002	2003	2004	2005
Tổng kim ngạch	**1.164,7**	**1.260,7**	**1.472,9**	**1.677,4**
Sản phẩm điện tử	229.245	238.833	280.146	305.268
Phương tiện vận tải	227.147	232.212	253.775	271.464
Sản phẩm liên quan tới năng lượng	109.800	147.183	195.553	273.197
Hóa chất và các sản phẩm liên quan	106.924	123.922	141.683	163.050
Khoáng sản và kim loại	85.616	89.204	120.897	137.367
Máy móc	85.181	93.138	108.564	123.258
Sản phẩm dệt may	81.585	87.241	94.045	100.485
Các sản phẩm chế tạo khác	72.129	74.765	83.226	91.306
Nông thuỷ sản (kể cả sản phẩm chế biến)	55.591	60.899	67.012	73.050
Lâm sản	37.048	38.769	47.591	50.003
Giầy dép	15.379	15.560	16.498	17.834

Các nhóm hàng có kim ngạch giảm nhiều nhất là bán dẫn và mạch tích hợp (giảm 831 triệu USD), và máy ảnh và thiết bị (giảm 503 triệu USD).

Cán cân

Như bảng trên cho thấy, kể từ năm 2001 đến nay, thâm hụt thương mại hàng hóa của Hoa Kỳ liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2005, thâm hụt thương mại hàng hóa đã lên tới mức 782,7 tỷ (tăng 17,5%).

Các nhóm hàng có mức thâm hụt lớn nhất trong năm 2005 là: các sản phẩm năng lượng (- 243,3 tỷ), sản phẩm

điện tử (- 149,9 tỷ, tăng 14,7% so với năm 2004), các phương tiện vận tải (- 90,9 tỷ), dệt may (- 82,6 tỷ), các mặt hàng chế tạo khác (- 72,2 tỷ), máy móc (- 41,2 tỷ). Nhóm hàng điện tử có mức và tỷ lệ tăng nhập siêu cao là do các công ty Hoa Kỳ tiếp tục di chuyển sản xuất ra nước ngoài để tận dụng giá lao động rẻ và để phục vụ thị trường Châu Á đang tăng trưởng mạnh.

Đáng chú ý là Hoa Kỳ vốn dĩ là nước xuất siêu nông sản, nhưng từ năm 2004 trở lại đây lại trở thành nước nhập siêu. Hoa Kỳ đã giảm xuất siêu nông sản từ 7,5 tỷ năm 2001 xuống 3,8 tỷ năm 2003 và nhập siêu tăng vọt từ 104 triệu năm 2004 lên xấp xỉ 4,4 tỷ năm 2005. Nhập siêu tăng vọt là do xuất khẩu ngũ cốc và hạt có dầu giảm, xuất khẩu thịt bò và thịt gia súc chưa phục hồi được; trong khi đó kim ngạch nhập khẩu hoa quả tươi, chè, và cà phê tiếp tục tăng mạnh do tăng cả về lượng tiêu thụ và giá nhập khẩu.

Các bạn hàng chính

Hoa Kỳ, Canada, và Mêhicô là ba nước thành viên Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ đã di chuyển cơ sở sản xuất sang Canada và Mêhicô để tận dụng giá lao động rẻ và các ưu đãi đầu tư của hai nước này, kéo theo đó là nhiều bán sản phẩm được xuất khẩu từ Hoa Kỳ sang hai nước này để chế biến tiếp hoặc lắp ráp thành sản phẩm hoàn chỉnh và nhập trở lại Hoa Kỳ. Do vậy, những nhóm hàng chế tạo và liên quan thường là những nhóm hàng có kim ngạch trao đổi hai chiều lớn nhất giữa Hoa Kỳ với hai nước này.

Cananda

Cananda vẫn tiếp tục là bạn hàng thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ. Năm 2005, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa

Hoa Kỳ và Canada là 470,8 tỷ USD, tăng 12%, trong đó Hoa Kỳ xuất sang Canada 183,2 tỷ và nhập từ Canada 287,5 tỷ. Như vậy, thâm hụt thương mại hàng hóa của Hoa Kỳ với Canada năm 2005 là 104,3 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2004.

Các nhóm hàng Hoa Kỳ xuất khẩu chính sang Canada năm 2005 gồm: thiết bị vận tải (58,4 tỷ), hoá chất và các sản phẩm liên quan (26,4 tỷ), khoáng sản và kim loại (19,1 tỷ), các sản phẩm điện tử (18,9 tỷ), máy móc (18,0 tỷ), nông sản (11,2 tỷ), lâm sản (9,1 tỷ), các sản phẩm năng lương (8,5 tỷ).

Các sản phẩm Hoa Kỳ nhập khẩu chủ yếu từ Canada năm 2005 gồm: thiết bị vận tải (77,2 tỷ), các sản phẩm năng lượng (66,1 tỷ), lâm sản (28,2 tỷ), khoáng sản và kim loại (25,6 tỷ), hoá chất và các sản phẩm liên quan (25,5 tỷ), nông sản (15,0 tỷ), sản phẩm điện tử (12, 5 tỷ), máy móc (12,1 tỷ).

Mêhicô

Mêhicô vốn là bạn hàng lớn thứ hai của Hoa Kỳ. Năm 2005, kim ngach buôn bán hàng hóa hai chiều giữa hai nước vẫn tăng khoảng 9%, đạt 270,9 tỷ USD, song Mêhicô đã tụt xuống vị trí thứ ba sau Trung Quốc. Thâm hụt thương mại hàng hóa của Hoa Kỳ với Mêhicô năm 2005 là 67,5 tỷ.

Các mặt hàng chính Hoa Kỳ xuất sang Mêhicô năm 2005 gồm: hoá chất và các sản phẩm liên quan (18,1 tỷ), thiết bị vận tải (16,6 tỷ), các sản phẩm điện tử (16,1 tỷ), máy móc (11,4 tỷ), nông sản (9,7 tỷ), khoáng sản và kim loại (9,3 tỷ), các sản phẩm năng lượng (5,5 tỷ), dệt may - chủ yếu là vải (4,7 tỷ).

Các mặt hàng chính Hoa Kỳ nhập khẩu từ Mêhicô năm 2005 gồm: các sản phẩm điện tử (40,2 tỷ), thiết bị vận tải (34,5 tỷ), các sản phẩm năng lượng (25,0 tỷ), máy móc (20,2 tỷ), khoáng sản và kim loại (11,4 tỷ), nông sản (9,3 tỷ), dệt may (8,3 tỷ), hoá chất và các sản phẩm liên quan (5,4 tỷ).

Trung Quốc

Kể từ khi Trung Quốc trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), kim ngạch buôn bán giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã liên tục tăng với tốc độ cao. Năm 2003, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản trở thành bạn hàng lớn thứ ba, và năm 2005 đã vượt Mêhicô để trở thành bạn hàng lớn thứ hai của Hoa Kỳ chỉ còn sau Canada.

Năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc với Hoa Kỳ là 281,5 tỷ USD tăng 52,5 tỷ so với năm 2004, trong đó Trung Quốc xuất sang Hoa Kỳ 242,6 tỷ (chỉ kém Canada khoảng 45 tỷ) và chỉ nhập của Hoa Kỳ xấp xỉ 39 tỷ. Hiện nay, Trung Quốc là nước xuất siêu lớn nhất vào Hoa Kỳ. Xuất siêu của Trung Quốc vào Hoa Kỳ từ năm 2001 đến năm 2005 lần lượt là: 84,1 tỷ, 104,2 tỷ, 124,9 tỷ, 163,5 tỷ, và 203,8 tỷ. Lý do là nhiều công ty Hoa Kỳ và các nước khác đầu tư vào Trung Quốc nhằm tận dụng lao động rẻ ở nước này để sản xuất, trong đó phần lớn được xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Các mặt hàng Hoa Kỳ nhập khẩu lớn nhất từ Trung Quốc năm 2005 gồm: các sản phẩm điện tử (86,7 tỷ), các sản phẩm chế tạo khác (46,6 tỷ), hàng dệt may (26,9 tỷ), máy móc (21,3 tỷ), khoáng sản và kim loại (17,6 tỷ), giày dép (12,7 tỷ), hoá chất và các sản phẩm liên quan (12,2 tỷ).

Bảng: Một số bạn hàng lớn nhất của Hoa Kỳ

(Thứ tự theo tổng kim ngạch XNK năm 2005)

Đơn vị: triệu USD

STT	Nước/vùng lãnh thổ	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Cán cân
1	Canađa	287.534	183.235	- 104.299
2	Trung Quốc	242.638	38.857	- 203.781
3	Mêhicô	169.216	101.667	- 67.549
4	Nhật bản	137.831	51.499	- 86.333
5	Đức	84.345	29.227	- 55.118
6	Anh	50.758	34.065	- 16.693
7	Hàn Quốc	43.155	26.210	- 16.944
8	Đài Loan	34.574	20.527	- 14.047
9	Pháp	33.499	20.658	- 12.841
10	Malaixia	33.695	9.472	- 24.223

Các nước bạn hàng lớn tiếp theo của Hoa Kỳ là Nhật bản, Đức, Anh, Hàn Quốc, Đài loan, Pháp, Malaysia. Các nước bạn hàng lớn nhất của Hoa Kỳ thường cũng là những nước xuất siêu lớn nhất vào thị trường này.

Nhóm các nước EU

Nếu tính gộp cả 25 nước EU thành một thị trường chung thì nhóm này là bạn hàng lớn nhất của Hoa Kỳ với tổng kim ngạch hai chiều năm 2005 là 474,4 tỷ USD, trong đó Hoa Kỳ xuất 167,4 tỷ và nhập 307 tỷ, thâm hụt 139,6 tỷ.

Các nhóm hàng Hoa Kỳ nhập khẩu lớn nhất từ EU 25 cũng là những nhóm hàng Hoa Kỳ bị thâm hụt lớn nhất, trong đó nhóm các thiết bị vận tải nhập 66 tỷ và bị thâm hụt 29 tỷ, nhóm hoá chất và các sản phẩm liên quan nhập 67,8 tỷ và bị thâm hụt 30,3 tỷ, nhóm máy móc nhập 33 tỷ và bị thâm hụt 19 tỷ, nhóm các sản phẩm năng lượng nhập 22,5 tỷ và bị thâm hụt 18 tỷ.

Thị trường xuất khẩu của Hoa Kỳ

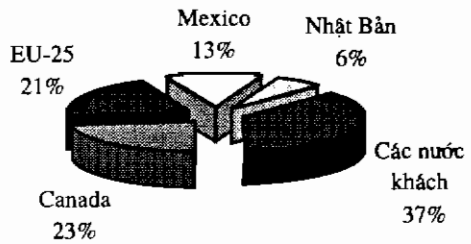

Các nguồn nhập khẩu của Hoa Kỳ

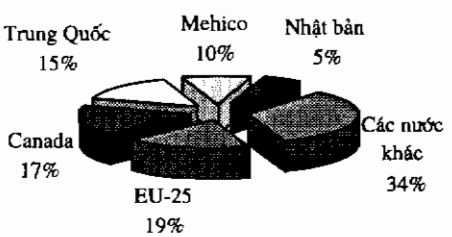

Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ

Việt Nam và Hoa Kỳ bắt đầu đàm phán chính thức về bình thường hóa quan hệ vào năm 1991. Tháng 2 năm 1994, Hoa Kỳ bỏ cấm vận kinh tế đối với Việt Nam. Hai nước thiết lập lại quan hệ ngoại giao vào ngày 12 tháng 7 năm 1995 và tiến hành trao đổi đại sứ đầu tiên vào tháng 5 năm

1997. Tháng 12 năm 2001, Hiệp định Thương mại song phương giữa hai nước (BTA) bắt đầu có hiệu lực. Sự kiện quan trọng gần đây nhất đánh dấu bình thường hóa hoàn toàn quan hệ giữa hai nước là ngày 20 tháng 12 năm 2006, Tổng thống Bush đã ký luật thiết lập quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam.

Song song với quan hệ chính trị và ngoại giao, quan hệ kinh tế và thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã không ngừng phát triển. Kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều giữa hai nước đã tăng từ 220 triệu USD năm 1994 - năm Hoa Kỳ bỏ cấm vận kinh tế đối với Việt Nam - lên 1.4 tỷ USD năm 2001 - năm trước khi BTA có hiệu lực - và có thể đạt xấp xỉ 9,5 tỷ USD năm 2006. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành bạn hàng thương mại lớn thứ 40 của Hoa Kỳ.

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Hoa Kỳ (2001-2005)

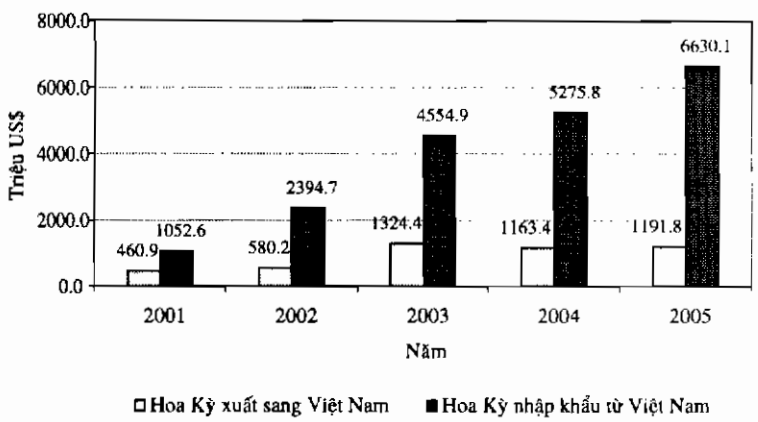

Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng vọt từ khoảng 1 tỷ USD năm 2001 lên 6,5 tỷ USD năm 2005, và có thể đạt 8,5 tỷ USD năm 2006. Nếu tính riêng về xuất khẩu hàng hóa, hiện nay, Việt Nam là nước xuất khẩu lớn thứ 35 vào thị trường Hoa Kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2005 gồm: dệt may (44,8%); giầy dép (11%); đồ gỗ (10,7%); thuỷ hải sản kể cả thuỷ hải sản chế biến (9,6%); nông lâm sản và thực phẩm kể cả thực phẩm chế biến (6,1%) trong đó chủ yếu là cà phê, hạt điều, tiêu, mật ong tự nhiên, cao su thiên nhiên); dầu khí và sản phẩm dầu khí (7,7%).

Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ

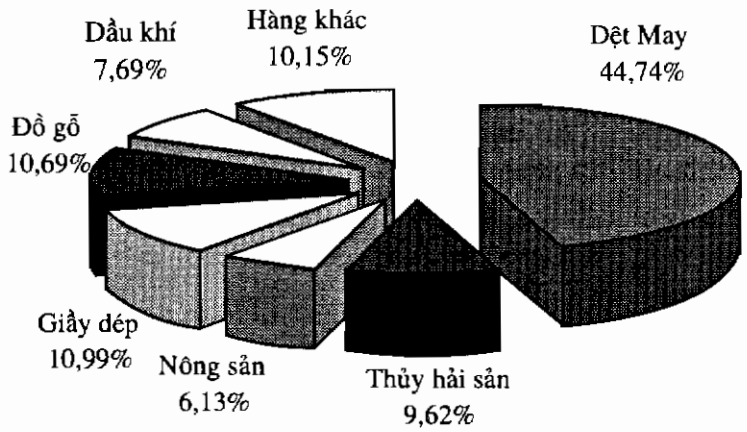

Xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Việt Nam

Năm 2005, xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Việt Nam đạt 1,15 tỷ USD. Các mặt hàng Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu gồm máy bay dân dụng, máy móc, thiết bị và phụ tùng, phụ tùng máy bay, phân bón, nguyên liệu công nghiệp như bông, bột giấy, nhựa, phụ kiện gia công giầy,v.v. Nói chung, xu hướng nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ chủ yếu là thiết bị, phụ tùng công nghệ cao, mặc dù rất đắt tiền nhưng là hàng không thể mua từ các nước khác, hoặc các nguyên liệu, phụ liệu phục vụ gia công hàng xuất khẩu.

XUẤT NHẬP KHẨU TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

Danh mục xuất và nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ gồm rất nhiều chủng loại khác nhau với kim ngạch rất lớn. Do không thể giới thiệu hết được tất cả các lĩnh vực, nên trong khuôn khổ cuốn sách này chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu tóm tắt một số lĩnh vực mà chúng tôi cho rằng Việt Nam nên quan tâm, tức là các nhóm hàng nước ta đang hoặc có tiềm năng xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong 5 – 10 năm tới.

Nông thuỷ sản và thực phẩm

Hoa Kỳ là nước sản xuất lớn về nông nghiệp. Tuy nhiên, năm 2005 nông nghiệp chỉ đóng góp khoảng 1% GDP của nước này. Sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ được cơ giới hóa cao, cần tương đối ít lao động và có năng suất cao; do vậy, giá thành sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ trên đơn vị trọng lượng tương đối thấp. Ở Hoa Kỳ lao động nông nghiệp chỉ chiếm 0,7% tổng số lao động của nước này nhưng cũng đóng góp tới 1% GDP, trong khi đó ở nước ta nông nghiệp sử dụng trên 60% lao động nhưng chỉ tạo ra khoảng 23% GDP.

Hoa Kỳ vừa là nước xuất khẩu lớn nhất thế giới về nông thuỷ sản và thực phẩm, đồng thời cũng là nước nhập khẩu lớn nhất thế giới đối với nhóm hàng này. Năm 2005, Hoa Kỳ xuất khẩu xấp xỉ 68,7 tỷ USD, tăng 2,7% so với năm

2004 và nhập khẩu 73 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2004. Trong nhiều thập kỷ qua, năm 2004 là năm đầu tiên cán cân thương mại hàng nông thuỷ sản và thực phẩm của Hoa Kỳ bị thâm hụt tới 104 triệu USD so với mức thặng dư 3,8 tỷ USD năm 2003. Năm 2005, thâm hụt này đã vọt lên tới trên 4,3 tỷ USD.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới thâm hụt này là kim ngạch xuất khẩu hạt có dầu năm 2005 giảm từ 8,9 tỷ USSD xuống 6,6 tỷ USD (giảm 28%), ngũ cốc giảm từ 2,9 tỷ USD xuống 1,1 tỷ USD (giảm 13,9%) do sản lượng giảm, giá quốc tế giảm, và lưu thông hàng hoá ở cảng Hoa Kỳ bị chậm lại do bão Katrina. Đồng thời nhập khẩu tất cả các mặt hàng nông sản của Hoa Kỳ đều tăng.

Xuất khẩu

Các nông sản xuất khẩu chủ đạo của Hoa Kỳ bao gồm lúa mì, ngô, lúa mạch, đỗ tương, hạt có dầu, thức ăn gia súc, bông và thuốc lá. Riêng kim ngạch xuất khẩu ngũ cốc năm 2005 của Hoa Kỳ đã đạt tới gần 11,1 tỷ USD (trong đó ngô và lúa mì chiếm khoảng 83%), tiếp theo là các loại hạt có dầu xấp xỉ 6,6 tỷ USD, thức ăn gia súc 4,6 tỷ USD, bông 4,0 tỷ USD, và thức ăn tổng hợp cho trẻ sơ sinh, mạch nha và các thức ăn khác đạt 3,2 tỷ USD. Xuất khẩu thịt gia súc và thịt bò đã tăng trở lại sau khi giảm mạnh (từ 3,5 tỷ USD năm 2003 xuống còn 606 triệu USD năm 2004 do ảnh hưởng của bệnh bò điên), năm 2005 tăng 72% so với năm 2004 đạt 1,04 tỷ USD.

Bảng: Các mặt hàng nông thuỷ sản và thực phẩm xuất khẩu chính của Hoa Kỳ

(Đơn vị: triệu USD)

Các mặt hàng	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng kim ngạch	**60.109**	**58.345**	**64.706**	**66.908**	**68.698**
Ngũ cốc	9.397	9.929	10.429	12.883	11.096
Hạt có dầu	5.642	5.790	8.153	8.911	6.527
Thức ăn gia súc	4.508	4.189	4.207	4.160	4.535
Bông	2.164	2.015	3.203	4.222	3.920
Thức ăn tổng hợp cho trẻ sơ sinh, mạch nha và các thức ăn khác	2.729	2.582	2.546	2.868	3.149
Cá (tươi, đông lạnh, chế biến ...)	2.411	2.287	2.354	2.735	2.995
Các loại hạt ăn được	1.309	1.542	1.785	2.242	2.925
Gia cầm	2.376	1.817	2.022	2.280	2.795
Da sống, và các sản phẩm bằng da	2.650	2.390	2.492	2.730	2.580
Thịt lợn	1.364	1.286	1.330	1.866	2.246
Động vật và thịt động vật	1.631	1.460	1.778	1.460	1.821
Dầu/mỡ động thực vật	1.405	1.917	1.986	1.965	1.808
Rau tươi hoặc đông lạnh	1.304	1.353	1.408	1.449	1.621
Mì ống, mì sợi và bánh mì	1.153	1.184	1.287	1.381	1.575
Rau và nấm đã chế biến	1.387	1.365	1.408	1.449	1.548
Sản phẩm sữa	723	618	679	1.066	1.195
Thịt gia súc và bò	3.335	2.952	3.501	605	1.041
Các loại qủa tươi	2.168	2.178	2.138	2.421	2.751
Coca, socola, bánh kẹo	997	817	914	946	991

Nguồn: Tổng hợp từ nguồn USITC

Các thị trường xuất khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm chính của Hoa Kỳ năm 2005 là Canada (11,15 tỷ USD), Nhật bản (9,84 tỷ USD), Mêhicô (9,68 tỷ USD), EU 25 (7,95 tỷ USD), Trung Quốc (5,65 tỷ USD), và Hàn Quốc (2,65 tỷ USD). Xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Canada và Mêhicô có xu hướng tăng ổn định và dài hạn. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO và mở cửa thị trường nông sản, xuất khẩu nông sản và thực phẩm của Hoa Kỳ vào thị trường này đã tăng nhanh, năm 2003 tăng 141% so với năm 2002, và năm 2004 tăng 14,6% so với năm 2003. Tuy nhiên, năm 2005, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sang Trung Quốc đã giảm khoảng 4% so với năm 2004.

Nhập khẩu

Trước năm 2004, Hoa Kỳ luôn là nước xuất siêu về nông thuỷ sản và thực phẩm, song từ năm 2004 Hoa Kỳ đã trở thành nước nhập siêu với tốc độ tăng rất cao. Năm 2005, Hoa Kỳ đã nhập siêu khoảng 4,3 tỷ USD hàng nông sản và thực phẩm, tăng trên 4.000% so với mức 104 triệu USD năm 2004.

Nhập khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm của Hoa Kỳ có xu hướng tăng trong các năm gần đây do thị trường có nhu cầu đối với các loại sản phẩm có trị gía gia tăng cao, tươi sống, và cần nhiều lao động như các loại hoa qủa, hạt, rau, cà phê, chè, các loại đồ uống, và thuỷ sản. Tăng thu nhập cá nhân ở Hoa Kỳ là nguyên nhân chính dẫn đến tăng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm có trị giá gia tăng cao được nhập khẩu từ nước ngoài như vừa nêu, đặc biệt là trong thời gian không phải là mùa vụ đối với các loại nông sản này ở Hoa Kỳ. Sự gia tăng người nước ngoài nhập cư vào Hoa Kỳ cũng là những nguyên nhân dẫn đến tăng nhập khẩu các loại nông thuỷ sản và thực phẩm.

Nhập khẩu nông thuỷ sản của Hoa Kỳ tăng cũng một phần do năng lực vận tải phát triển cho phép tiết kiệm thời

gian và chi phí vận tải hàng hóa, và một phần do Hoa Kỳ giảm bớt các hàng rào nhập khẩu nông sản. Nhiều nước đang phát triển, thường là với sự hợp tác đầu tư của nước ngoài, đã tận dụng lợi thế so sánh như giá lao động rẻ, khí hậu thuận lợi và tỷ giá ngoại hối thuận lợi phát triển mạnh các loại nông thuỷ sản có trị giá cao chủ yếu để xuất khẩu sang các nước phát triển, trong đó có Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ và các nước phát triển đã cam kết tại Hội nghị Bộ trưởng WTO ở Hồng Kông tháng 12/2005 sẽ loại bỏ thuế quan, trợ cấp và các hàng rào bảo hộ nông nghiệp để mở cửa thị trường cho nông sản của các nước nghèo cũng là một cơ hội mới cho nhiều nước xuất khẩu nông sản, trong đó có Việt Nam.

Khoảng 43% kim ngạch nhập khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm của Hoa Kỳ trong năm 2005 là các sản phẩm nuôi trồng. Mười năm qua, tỷ lệ tăng trưởng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trung bình 8% năm. Thực phẩm chế biến và đồ uống chiếm khoảng 50% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ về nông thuỷ sản và thực phẩm trong năm 2005. Nhìn chung, kim ngạch nhập khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm đều tăng, một số sản phẩm như thủy sản; chè và cà phê; rượu mạnh; các loại bia; đường và chất tạo ngọt; và Coca, socola và các loại bánh kẹo là những sản phẩm có tỷ lệ tăng trưởng nhập khẩu cao nhất, trong đó thủy sản và cà phê là hai mặt hàng tăng trưởng cao nhất.

Thuỷ sản là nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất. Kim ngạch của riêng nhóm hàng này năm 2004 xấp xỉ 11,2 tỷ USD, chiếm gần 17% tổng kim ngạch nhập khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm. Xu hướng tăng nhập khẩu thuỷ sản vẫn sẽ tiếp tục vì thuỷ sản được coi là thực phẩm tốt cho sức khỏe hơn là các loại thực phẩm có nguồn gốc động vật. Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này xấp xỉ 12 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2004, chiếm gần 16,31% tổng kim ngạch nhập khẩu nông thuỷ sản và thực phẩm.

Cà phê cũng là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn và đáng quan tâm đối với Việt Nam. Hoa Kỳ là nước tiêu thụ và nhập khẩu cà phê lớn nhất thế giới. Người Mỹ uống cà phê như người Việt Nam uống chè. Hoa Kỳ không trồng cà phê nên tất cả cà phê tiêu dùng ở Hoa Kỳ kể cả cà phê nguyên liệu đều từ nguồn nhập khẩu. Nhu cầu nhập khẩu cà phê của nước này tương đối ổn định mỗi năm trên 1 triệu tấn. Tuy nhiên, do giá cà phê thế giới thường biến động nên trị giá nhập khẩu cũng thường biến động theo.

Trị giá nhập khẩu cà phê vào Hoa Kỳ các năm 2001, 2002, 2003, 2004, và 2005 lần lượt là 1,515, 1,524, 1,776, 2,064, và 2,775 tỷ USD. Khoảng 70% cà phê nhập khẩu vào Hoa Kỳ là loại cà phê arabica (chủ yếu từ Côlômbia, Brazil, Mêhicô...) và 30% còn lại là cà phê robusta (chủ yếu từ Việt Nam và Inđônêxia). Năm 2005 nhập khẩu cà phê của Hoa kỳ tăng 34,5% so với năm 2004, do giá quốc tế tăng và sản lượng cà phê từ các nhà cung cấp giảm thấp nhất trong 4 năm qua.

Bảng: Các mặt hàng nông thuỷ sản và thực phẩm nhập khẩu chính của Hoa Kỳ

(Đơn vị: Triệu USD)

Các mặt hàng	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Tổng kim ngạch	**55.599**	**55.591**	**60.899**	**67.102**	**73.050**
Thuỷ sản có vỏ (tôm, cua, sò...)	5.908	5.910	6.492	6.472	6.696
Cá (tươi, đông lạnh, chế biến...)	3.824	4.122	4.438	4.696	5.223
Thịt gia súc và bò	4.062	4.038	3.302	3.909	4.410
Rượu mạnh đã chưng cất	2.848	3.111	3.453	3.734	4.106
Coca, socola và các loại bánh kẹo	2.301	2.662	.535	3.627	3.927
Rau tươi hoặc đông lạnh	2.628	2.758	3.250	3.650	3.871

Rượu vang và các loại thức uống đã lên men	2.316	2.740	3.307	3.445	3.797
Cà phê và chè	1.915	1.942	2.228	2.560	3.309
Các loại bia từ malt	2.333	2.566	2.664	2.752	3.081
Mì ống, mì sợi và bánh mì các loại	1.902	2.191	2.501	2.719	3.016
Dầu và mỡ động hoặc thực vật	1.128	1.285	1.491	2.193	2.294
Rau và nấm đã chế biến	1.493	1.574	1.779	2.044	2.147
Động vật và thịt động vật	1.509	1.510	1.683	1.972	2.128
Sản phẩm sữa	1.574	1.488	1.654	1.911	2.102
Các loại quả tươi	3.259	3.507	3.697	3.970	4.562
Thức ăn tổng hợp trẻ sơ sinh, mạch nha và thức ăn chế biến sẵn	659	795	920	1.211	1.345
Đồ uống không cồn, không kể nước ép hoa quả	745	823	966	1.158	1.329
Đường và các chất tạo ngọt khác	843	961	1.035	979	1.323
Thịt lợn	1.129	1.026	1.143	1.335	1.314

Nguồn: Nguồn: Tổng hợp từ nguồn USITC

Các nước xuất khẩu chính nông thuỷ sản và thực phẩm vào Hoa Kỳ là Canada (15 tỷ USD), EU (14,8 tỷ USD), Mêhicô (9,4 tỷ USD), Trung Quốc (3,4 tỷ USD), và Ôxtrâylia (2,6 tỷ USD). Riêng kim ngạch nhập khẩu từ Canada và Mêhicô là hai nước thành viên NAFTA chiếm khoảng 33,5%, và vẫn có xu hướng tăng ổn định và dài hạn. Nhập khẩu nhóm hàng này từ Trung Quốc trong 4 năm qua kể từ khi nước này gia nhập WTO đều tăng cao; năm 2002

tăng khoảng 27,4% so với năm 2001; năm 2003 tăng 30% so với năm 2002; năm 2004 tăng 18,5% so với năm 2003; năm 2005 tăng 15% so với năm 2004.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Việt nam đang xuất khẩu một số mặt hàng nông thủy sản sang Hoa Kỳ như: tôm đông lạnh, fillet cá, cá ngừ chế biến, thịt cua (ghẹ) chế biến, cà phê, hạt điều, tiêu. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu nông thuỷ sản (kể cả hàng đã chế biến) của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt khoảng 1 tỷ USD, trong đó gần 630 triệu USD là hàng thuỷ sản và khoảng 400 triệu USD là hàng nông sản. Trong các mặt hàng nông sản, cà phê đạt 182 nghìn tấn trị giá 150 triệu USD; hạt điều đạt 35 nghìn tấn trị giá 153 triệu USD; tiêu đạt hơn 20 nghìn tấn trị giá 31 triệu USD.

Mặc dù kim ngạch nhập khẩu nông thủy sản của Hoa Kỳ lớn và có xu hướng tăng cao, nhất là thủy sản và rau qủa nhiệt đới; song tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong vài ba năm tới có thể sẽ không đáng kể. Nguyên nhân chính do hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực là tôm và phi lê cá đều đang phải chịu thuế chống bán phá giá và bị cấm tiêu thụ ở một số bang do dư lượng kháng sinh. Cà phê, điều và tiêu khó có khả năng tăng đột biến về số lượng, chưa kể giá có thể giảm do biến động chung của thị trường thế giới. Trước mắt, ngoài những mặt hàng hiện đang xuất như kể trên, chưa thấy có mặt hàng nông sản mới nào có khả năng thâm nhập vào thị trường này với trị giá đáng kể.

Hàng dệt may

Hoa Kỳ là thị trường tiêu dùng và nhập khẩu lớn nhất thế giới về hàng dệt may. Theo thống kê của của Uỷ ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ, năm 2003, tổng trị giá sản phẩm dệt may tiêu thụ ở Hoa Kỳ (bao gồm xơ, sợi, vải,

thảm, hàng dệt trang trí và dùng trong nhà, quần áo...) xấp xỉ 190 tỷ USD, trong đó 105 tỷ là hàng sản xuất nội địa, còn lại là nhập khẩu.

Sản xuất nội địa

Mặc dù ngành công nghiệp dệt may Hoa Kỳ đã và đang liên tục giảm sút do sức cạnh tranh ngày càng giảm sút so với các nước đang phát triển chủ yếu do chi phí lao động không ngừng tăng, Hoa Kỳ vẫn là nước sản xuất lớn hàng dệt may. Năm 2005, giá trị sản lượng công nghiệp quần áo của nước này đạt 30,2 tỷ USD, công nghiệp dệt vải đạt 24,3 tỷ, công nghiệp xơ sợi đạt 17,2 tỷ, và công nghiệp dệt thảm đạt 14 tỷ. Công nghiệp dệt may Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở các bang phía Nam, trong đó North Carolina và South Carolina là hai bang có ngành công nghiệp dệt may lớn nhất.

Xuất khẩu

Sản phẩm ngành công nghiệp dệt may Hoa Kỳ chủ yếu được tiêu thụ trong nước. Xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt xấp xỉ 17,9 tỷ USD trong đó vải và xơ sợi chiếm khoảng 60%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước trong khu vực như Canada, Mêhicô, và các nước vùng Caribê và Trung Mỹ). Vải (kể cả đã cắt) được chuyển sang các nước này để gia công thành quần áo và các sản phẩm khác, sau đó được nhập khẩu trở lại vào Hoa Kỳ.

Nhập khẩu

Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may của Hoa Kỳ lên tới 100,5 tỷ USD và thâm hụt tới 82,6 tỷ.

Thâm hụt mậu dịch hàng dệt và may của Hoa Kỳ ngày càng lớn do nhập khẩu tăng mạnh hơn xuất khẩu. Phần lớn sự gia tăng nhập khẩu trong năm 2005 là do kết quả của việc loại bỏ hạn ngạch nhập khẩu từ ngày 1/1/2005 đối với

hàng dệt may từ 39 nước là thành viên WTO. Trong khi đó, sản xuất nội địa giảm 0,5% đối với hàng dệt và 3% đối với hàng may. Tăng nhập khẩu từ các nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc là nguyên nhân chính làm tăng thâm hụt.

Đối với quần áo, Hoa Kỳ là một trong hai thị trường nhập khẩu chính của thế giới bên cạnh EU. Năm 2005, trong số 100,5 tỷ USD nhập khẩu hàng dệt may thì 76,5 tỷ là hàng quần áo, chiếm 76%. Năm 2005, trong số 82,6 tỷ USD nhập siêu hàng dệt may thì nhập siêu hàng may chiếm khoảng 72,4 tỷ. Bảy nhóm hàng may có kim ngạch nhập khẩu trên 2 tỷ USD năm 2005 là: sơ mi nam nữ (23,7 tỷ); quần nữ (9,7 tỷ); quần nam (7,8 tỷ); áo khoác, váy, và áo khoác ngoài nữ (6,9 tỷ), quần áo lót và đồ ngủ (5,4 tỷ), áo len (2,8 tỷ); áo jacket và khoác ngoài nam (2,6 tỷ); găng tay kể cả găng tay thể thao (2,7 tỷ).

Bảng: Kim ngạch nhập khẩu một số hàng dệt may

(Đơn vị: triệu USD)

Tên nhóm hàng	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Thảm và chiếu	1.410	1.531	1.662	1.829	1.993
Chăn	230	353	391	459	514
Vỏ gối và vải trải giường	765	903	1.046	1.353	1.904
Vải trải bàn/bếp và khăn	1.080	1.236	1.418	1.646	1.864
Rèm	397	576	725	858	1.017
Vải trải giường và các hàng nội thất khác	515	735	1.001	1.144	1.284
Gối, đệm và túi ngủ	340	417	437	645	860
Thảm thêu và các vật treo tường	5	6	4	3	6
Quần áo					

Comple nam và quần áo thể thao	1.026	974	1.143	1.139	1.359
Áo khoác nam	1.992	1.876	2.001	2.134	2.255
Quần nam	6.980	6.973	7.459	7.568	7.776
Quần nữ	7.668	7.996	8.923	9.325	9.663
Áo sơ mi	19.676	19.765	21.285	22.474	23.664
Áo len	2.933	2.959	2.729	2.632	2.809
Vét, váy và áo khoác nữ	4.417	4.235	4.803	5.866	6.941
Váy nữ	1.675	1.550	1.524	1.465	-59
Váy ngủ, đồ mặc ngủ và đồ lót	4.796	4.961	5.044	5.246	5.418
Tất	923	1.031	1.091	1.316	1.366
Quần áo hỗ trợ thân thể	1.434	1.648	1.579	1.800	1.854
Khăn quàng cổ, mùi xoa	457	432	494	698	748
Găng tay và găng tay thể thao	2.119	2.176	2.386	2.533	2.757
Đồ đội đầu	1.288	1.279	1.358	1.526	1.509
Quần áo da và phụ kiện	2.121	1.869	1.743	1.605	1.512
Quần áo lông thú và phụ kiên	264	245	285	334	314
Quần áo cao su, nhựa và vải tráng phủ	381	349	371	462	470
Quần áo không dệt	411	401	401	395	419
Các loại đồ mặc khác	3.433	3.287	3.630	3.828	4.204
Các hàng dệt khác	3.198	3.340	3.754	4.319	4.651

Nguồn Bộ Nông nghiệp Hoa kỳ

Các nước xuất khẩu dệt may chính vào Hoa Kỳ là Trung Quốc, Mêhicô, Ấn độ, Hồng kông, Canada, Hàn Quốc, Inđônêsia, Honduras, Việt Nam, và Italia.

Bảng: Các nước xuất khẩu dệt may chính vào Hoa Kỳ

(Đơn vị: triệu USD)

	2001	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Trung Quốc	6.536	8.744	11.609	14.558	22.405
Mêhicô	8.945	8.619	7.941	7.793	7.246
Ấn độ	2.633	2.993	3.212	3.633	4.617
Hồng Kông	4.403	4.032	3.818	3.959	3.607
Indônêsia	2.553	2.329	2.376	2.620	3.081
Việt Nam	49	952	2.484	2.720	2.881
Pakistan	1.924	1.983	2.215	2.546	2.904
Bangladesh	2.205	1.990	1.939	2.066	2.457
Canada	3.162	3.199	3.118	3.086	2.844
Honduras	2.348	2.444	2.507	2.678	2.629
Thái Lan	2.441	2.203	2.072	2.198	2.124
Philippines	2.248	2.042	2.040	1.938	1.921
Cộng	39.448	41.528	45.330	49.795	58.717
Các nước khác	30.792	30.655	32.104	33.516	30.489
Tổng cộng	**70.240**	**72.183**	**77.434**	**83.310**	**89.205**

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Trung Quốc vào Hoa Kỳ không những lớn nhất mà còn có tốc độ tăng trưởng cao. Sau khi hạn ngạch nhập khẩu hàng dệt may được xóa bỏ giữa các nước thành viên WTO, xuất khẩu dệt may của Trung Quốc vào Hoa Kỳ đã tăng vọt. Năm 2005, Trung Quốc xuất vào Hoa Kỳ xấp xỉ 27 tỷ USD, tăng 42,5 % so với năm 2004 và chiếm xấp xỉ 27 % tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau khi Hoa Kỳ áp dụng trở lại hạn ngạch đối với Trung Quốc từ tháng 5/2005 thì tốc độ tăng nhập khẩu hàng dệt may từ nước này vào Hoa Kỳ đã chậm lại.

Trung Quốc hoàn toàn có thể thống trị thị trường dệt may thế giới nói chung và Hoa Kỳ nói riêng nếu không bị hạn chế bởi điều khoản tự vệ với Hoa Kỳ và EU. Sức mạnh cạnh tranh của Trung Quốc chủ yếu nhờ (1) chi phí lao lao động trên mỗi đơn vị sản phẩm rất thấp do mức lương thấp và năng suất lao động cao; (2) Trung Quốc có thể sản xuất các loại vải, phụ kiện trang trí, bao bì, và hầu hết các phụ kiện khác dùng để sản xuất hàng dệt may và các sản phẩm dệt khác; (3) Trung Quốc được giới chuyên môn đánh giá là một nơi tốt nhất về sản xuất quần áo, và các sản phẩm dệt may khác với bất kỳ chất lượng nào hay với bất cứ mức giá nào; (4) Trung Quốc có khả năng cung cấp hàng dệt may với số lượng lớn trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, hiện tại, một số chủng loại dệt may Trung quốc đã bị Hoa Kỳ hạn chế trở lại bằng hạn ngạch cho đến hết năm 2008.

Tiếp theo Trung Quốc, Ấn Độ được đánh giá có khả năng cạnh tranh lớn thứ hai ở thị trường Hoa Kỳ. Năm 2005, Ấn Độ xuất khẩu vào Hoa Kỳ 5,2 ỷ USD, tăng 26,5 % so với năm 2004. Sức mạnh cạnh tranh của Ấn Độ dựa vào lực lượng lao động nhiều, khá rẻ, lành nghề; có khả năng thiết kế; là một trong những nước sản xuất sợi và vải lớn nhất thế giới; có thể sản xuất rất nhiều loại quần áo khác nhau; được coi là nguồn cung cấp cạnh tranh về các sản phẩm dệt sử dụng trong nhà như vải trải giường, khăn tắm.

Trong số các nước ASEAN, chỉ có Việt Nam và ở chừng mực thấp hơn là Inđônêsia được đánh giá là có khả năng cạnh tranh với Trung Quốc và Ấn Độ.

Nhập khẩu từ Việt Nam

Năm 2005, Hoa Kỳ nhập của Việt Nam xấp xỉ 3 tỷ USD hàng dệt may, tăng khoảng 6% so với năm 2004. Năm 2006, kim ngạch nhóm hàng này ước đạt 3,4 – 3,5 tỷ USD. Hiện nay, Việt Nam là một trong 10 nước xuất khẩu lớn nhất hàng dệt may (chủ yếu là quần áo) vào Hoa Kỳ.

Kể từ 11 tháng 1 năm 2007, hàng dệt may Việt Nam không còn phải chịu hạn ngạch nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên, do Chính quyền Hoa Kỳ đang áp dụng cơ chế giám sát nhập khẩu hàng dệt may Viêt Nam và cam kết sẽ tự khởi điều tra bán phá giá nếu thấy có dấu hiệu bán phá giá; cho nên, nguy cơ bị điều tra và áp thuế chống bán phá giá rất cao nếu ta không có những biện pháp hữu hiệu để tránh tăng trưởng nóng về số lượng và sụt giảm mạnh về giá.

Giầy dép

Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất thế giới về giầy dép. Năm 2005, tổng giá trị giầy dép tiêu thụ tại Hoa Kỳ khoảng 19,7 tỷ USD, trong đó sản xuất trong nước là 1,9 tỷ (tính theo trị giá xuất xưởng), còn lại là hàng nhập khẩu (tính theo trị giá hải quan). Nếu tính theo giá bán lẻ thì tổng trị giá tiêu dùng giầy dép ở Hoa Kỳ năm 2005 xấp xỉ 60 tỷ USD.

Sản xuất nội địa

Theo thống kê của Uỷ ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ, năm 2005, ở Hoa Kỳ chỉ còn 310 cơ sở sản xuất giầy dép (so với 381 cơ sở năm 2001) với 18.000 công nhân và giá trị tổng sản lượng là 2,4 tỷ USD. Sản phẩm giầy dép sản xuất ở Hoa Kỳ chủ yếu đế giầy và những giầy dép loại không phổ thông và cạnh tranh không phải trên cơ sở giá

mà trên cơ sơ như chủng loại đặc biệt (ví dụ, như giầy dép ngoại cỡ hoặc khâu tay), chất lượng, kênh phân phối, mẫu mốt mới, và thương hiệu.

Xuất khẩu

Xuất khẩu giầy dép của Hoa Kỳ không đáng kể và liên tục giảm. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Hoa Kỳ tuy tăng 12,7% so với năm 2004 nhưng cũng chỉ đạt 507 triệu USD. Xuất khẩu giầy dép của Hoa Kỳ phần lớn là đế giầy để gia công thành thành phẩm và nhập trở lại Hoa Kỳ. Do vậy, những nước xuất khẩu lớn nhất giầy dép vào Hoa Kỳ như Trung Quốc, Canada, Mêhicô, Việt Nam, Cộng hoà Đôminican đồng thời là những bạn hàng nhập khẩu chủ yếu về giầy dép của Hoa Kỳ.

Nhập khẩu

Khoảng trên 90% lượng giầy dép tiêu thụ ở Hoa Kỳ là hàng nhập khẩu. Năm 2005, Hoa Kỳ nhập khẩu tới 17,83 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2004 và 14,5% so với năm 2003. Giá bình quân giầy dép nhập khẩu tiếp tục giảm do giầy dép thường giá thấp chiếm tỷ lệ tiêu thụ ngày càng tăng.

Trung Quốc là nước xuất khẩu giầy dép lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2005, Trung Quốc xuất khẩu vào Hoa Kỳ 12,65 tỷ USD giầy dép, tăng 11,5 % so với năm 2004 và chiếm 71% trị giá nhập khẩu giầy dép của Hoa Kỳ. Tiếp theo Trung Quốc là Italia và Brazil, chiếm tương ứng 8% và 7%. Nhập khẩu từ Việt Nam tăng ổn định ở mức cao, bình quân mỗi năm 40 – 45% kể từ năm 2002 là năm bắt đầu thi hành Hiệp định thương mại song phương giữa hai nước. Năm 2005, Việt Nam đã vượt Inđônêxia trở thành nước xuất khẩu lớn thứ 4 về giầy dép vào Hoa Kỳ.

Bảng: Các nước xuất khẩu giầy dép chủ yếu vào Hoa Kỳ *(Đơn vị: triệu USD)*

	2001	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Trung Quốc	9.767	10.242	10.546	11.348	12.654
Italy	1.261	1.182	1.241	1.250	1.137
Brazil	1.162	1.080	1.040	1.081	1.019
Việt Nam	132	224	325	473	717
Indonesia	725	731	570	493	510
Thái Lan	315	278	285	287	292
Mexico	312	279	275	242	247
Tây Ban Nha	273	269	235	225	192
CH Dominican	193	140	138	137	141
Ấn độ	101	96	110	125	139
Cộng	14.241	14.520	14.765	15.662	17.048
Các nước khác	1.008	859	794	836	786
Tổng cộng	**15.249**	**15.379**	**15.560**	**16.498**	**17.834**

Do thâm hụt thương mại nói chung của Hoa Kỳ với Trung Quốc ngày càng lớn và thị phần giầy dép của Trung Quốc tại Hoa Kỳ quá lớn và ngày càng tăng, để tránh phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu từ Trung Quốc, đồng thời để chủ động đối phó với khả năng tăng giá đồng Nhân dân tệ và tình trạng tăng giá và thiếu lao động đang xuất hiện và gia tăng trong ngành giầy dép Trung Quốc, một số công ty Hoa Kỳ đang có xu hướng tìm thêm nguồn hàng từ các nước khác, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, để đối phó với tình trạng trên, một số nhà cung cấp nước ngoài (đặc biệt là

các công ty Đài Loan) cũng đang có xu hướng di chuyển bớt một số cơ sở sản xuất ở Trung Quốc sang một số nước khác, trong đó có Việt Nam.

Tại khu vực Đông Nam Á, Inđônêsia cũng là một nguồn cung cấp chính về giầy dép cho thị trường Hoa Kỳ. Tuy nhiên, do tình hình chính trị và xã hội Inđônêsia không được ổn định, nên các công ty Hoa Kỳ cũng có xu hướng giảm bớt nhập khẩu từ thị trường này, trong đó Việt Nam là một trong những thị trường thay thế. Kim ngạch xuất khẩu giầy dép của Inđônêsia vào Hoa Kỳ năm 2004 chỉ đạt 493 triệu USD, giảm 13,5% so với năm 2003 và 32,5% so với năm 2002. Năm 2005, xuất khẩu giầy dép của Inđônêsia vào Hoa Kỳ chỉ đạt 510 triệu USD, tăng khoảng 3,5%.

Nhập khẩu từ Việt Nam

Năm 2005, Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ 717 triệu USD giầy dép, tăng 51,5% so với năm 2004. Năm 2006, kim ngạch này ước đạt 950 triệu USD. Hiện nay, Việt Nam là nước xuất khẩu lớn thứ 4 về giầy dép vào Hoa Kỳ, sau Trung Quốc, Italy và Brazil.

Kim ngạch xuất khẩu giầy dép của Việt Nam sang Hoa Kỳ được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao trong các năm tới do một số nhà nhập khẩu Hoa Kỳ có kế hoạch mở rộng đặt hàng từ Việt Nam, nhất là các loại hàng có yêu cầu sản xuất phức tạp và chất lượng từ trung bình khá trở lên để tận dụng thế mạnh lao động khéo tay của ta.

Bàn, ghế, giường, tủ

Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ lớn các loại bàn, ghế, gường, tủ ... (sau đây gọi tắt theo tiếng Anh là furniture bao gồm cả furniture văn phòng và furniture nhà ở).

Tổng tiêu dùng

Theo thống kê của Uỷ ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ, tổng giá trị sản lượng tiêu thụ các mặt hàng này tại Hoa Kỳ năm 2005 là 93,6 tỷ USD (giá xuất xưởng), tăng khoảng 7,2% so với năm 2004. Trong số này có 69,3 tỷ là hàng sản xuất trong nước và 24,3 tỷ là hàng nhập khẩu.

Sản xuất nội địa

Năm 2005, Hoa Kỳ có 16.100 cơ sở sản xuất furniture với 455 nghìn công nhân, giảm 1.400 cơ sở và 45 nghìn công nhân so với năm 2001. Năm 2005, ngành công nghiệp này của Hoa Kỳ đạt giá trị tổng sản lượng là 72,3 tỷ USD, tăng xấp xỉ 6% so với năm 2004.

Xuất khẩu

Hầu hết sản phẩm của ngành công nghiệp furniture Hoa Kỳ là tiêu dùng trong nước. Trị giá xuất khẩu furniture của Hoa Kỳ năm 2005 chỉ đạt khoảng 3 tỷ USD, bằng 4,1% tổng giá trị sản lượng. Canada và Mêhicô là hai thị trường xuất khẩu furniture chính của Hoa Kỳ, chiếm khoảng 59% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này. Nguyên nhân là do chi phí vận chuyển sang hai nước này thấp và Mêhicô nhập nhiều linh kiện và phụ kiện thuộc nhóm hàng này từ Hoa Kỳ để lắp ráp thành thành phẩm và tái xuất trở lại Hoa Kỳ.

Nhập khẩu

Tổng trị giá nhập khẩu furniture của Hoa Kỳ năm 2005 là 24,3 tỷ USD, tăng 11,4% so với năm 2004. Các chủng loại nhập khẩu chính năm 2005 gồm: (1) Furniture gỗ không bọc đệm đạt 11,3 tỷ, chiếm 46,4% tổng kim ngạch; (2) Furniture kim loại có bọc đệm hoặc không bọc đệm đạt 5,4 tỷ, chiếm 22%; (3) Furniture gỗ có bọc đệm đạt 2,6 tỷ, chiếm 10,8%; (4) Còn lại là các loại furniture khác và linh kiện furniture, chiếm xấp xỉ 21%.

Trung Quốc là nước xuất khẩu furniture lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2005, xuất khẩu furniture của Trung Quốc vào Hoa Kỳ đạt 11,7 tỷ USD, tăng 2 tỷ so với năm 2004, và chiếm 79% trị giá tăng nhập khẩu furniture trong năm của Hoa Kỳ. Năm 2005, Trung Quốc chiếm 48% thị phần nhập khẩu furniture của Hoa Kỳ, tăng so với 45% trong năm 2004.

Nhập khẩu từ Trung Quốc tăng là do: (1) Giá thành sản xuất thấp trong khi đó chất lượng ngày càng được nâng cao; (2) Nhiều công ty nước ngoài kể cả một số công ty hàng đầu của Hoa Kỳ đã di chuyển sản xuất sang Trung Quốc để tận dụng giá lao động rẻ dẫn đến tăng khả năng cung của nước này; (3) Một số nhà sản xuất furniture Hoa Kỳ cũng nhập một số bộ phận furniture sử dụng nhiều lao động từ Trung Quốc để lắp ráp vào sản phẩm của mình sản xuất tại Hoa Kỳ; (4) Chi phí vận tải thấp; (5) Quan hệ giữa các nhà sản xuất ở Trung Quốc với các nhà bán lẻ Hoa Kỳ ngày càng chặt chẽ.

Bảng: Nhập khẩu furniture của Hoa Kỳ

(Đơn vị: triệu USD)

Chủng loại	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Furniture gỗ không bọc đệm	6.909	8.184	9.086	10.274	11.276
Furniture gỗ bọc đệm	1.352	1.637	1.985	2.337	2.623
Furniture kim loại có hoặc không bọc đệm	3.600	3.919	4.399	4.896	5.381
Các loại khác và linh kiện	2.978	3.288	3.565	4.312	5.017
Tổng cộng	**14.839**	**17.028**	**19.035**	**21.819**	**24.296**

Nhập khẩu từ Việt Nam

Xuất khẩu furniture của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng mạnh trong mấy năm qua. Kim ngạch nhóm hàng này đã tăng từ 13 triệu USD năm 2001 lên 684 triệu USD năm

2005, đưa Việt Nam lên đứng thứ bẩy trong số các nước xuất khẩu furniture vào Hoa Kỳ.

Furniture của Việt Nam xuất vào Hoa Kỳ chủ yếu là hàng thuần gỗ. Năm 2005, kim ngạch của riêng mặt hàng này là 592 triệu USD, chiếm 86,5% tổng kim ngạch xuất khẩu furniture của Việt Nam sang Hoa Kỳ. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu lớn thứ hai vào Hoa Kỳ đối với nhóm hàng thuần gỗ sau Trung Quốc. Hai nguyên nhân chính dẫn đến sự tăng trưởng này là khả năng cung của Việt Nam tăng mạnh (trong đó có đóng góp lớn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài) và nhóm hàng đồ gỗ dùng trong phòng ngủ của Trung Quốc đang bị Hoa Kỳ đánh thuế chống bán phá giá.

Tuy nhiên, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sang Hoa Kỳ đã chậm lại. Năm 2005 tăng khoảng 80%, song 8 tháng đầu năm 2006 chỉ tăng khoảng 25%. Bất lợi lớn nhất đối với công nhiệp chế biến gỗ của ta hiện nay là phụ thuộc nhập khẩu gỗ và các nguyên phụ liệu khác. Thế mạnh của ta là lao động rẻ và khéo tay. Một trong những điểm yếu chung nữa của các doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam là qui mô sản xuất nhỏ, khó có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn hoặc trở thành nhà sản xuất chiến lược của các đối tác Hoa Kỳ. Do vậy, để có thể cạnh tranh và tăng kim ngạch xuất khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư hoặc liên kết để tăng khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn và chuyển hướng sản xuất nhiều hơn hàng dùng trong nhà, kết hợp nhiều chất liệu khác nhau, và phức tạp sử dụng nhiều lao động khéo tay.

Furniture bằng kim loại, nhựa hoặc các chất liệu khác còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng xuất khẩu furniture của Việt Nam sang Hoa Kỳ, mặc dù nhu cầu đối với các mặt hàng này ở Hoa Kỳ cũng rất lớn.

Sản phẩm điện tử

Hàng điện tử đề cập trong phần này bao gồm các nhóm sản phẩm như: máy tính và phụ kiện, máy điện thoại và điện

tín, bóng bán dẫn và mạch tích hợp, các thiết bị phát thanh và truyền hình, đồ điện tử tiêu dùng, máy và dụng cụ y tế, máy văn phòng, các thiết bị và máy móc đo lường và thí nghiệm, băng đĩa trắng và đã ghi, các thiết bị dẫn đường và điều khiển từ xa, đồ quang học, máy ảnh và thiết bị ảnh, đồng hồ, các dụng cụ tính toán v.v.

Hoa Kỳ là thị trường xuất nhập khẩu khổng lồ về các sản phẩm điện tử. Năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nhóm hàng này của Hoa Kỳ là 460,7 tỷ USD, trong đó xuất khẩu 155,4 tỷ (tăng 4% so với năm 2004) và nhập khẩu xấp xỉ 305,3 tỷ (tăng 9%).

Thâm hụt thương mại hàng điện tử của Hoa Kỳ năm 2005 xấp xỉ 150 tỷ USD, tăng 14,7% so với năm 2004. Lý do chủ yếu do tăng nhập khẩu máy điện thoại và điện tín (9,9 tỷ USD); máy thu vô tuyến và đầu video (5,2 tỷ USD); và máy tính, và linh kiện và phụ kiện máy tính (4,7 tỷ USD).

Xuất Khẩu

Các mặt hàng điện tử xuất khẩu có kim ngạch lớn nhất của Hoa Kỳ năm 2005 là: (1) bán dẫn và mạch tích hợp (34,2 tỷ USD); (2) máy tính, và linh kiện và phụ kiện máy tính (28,9 tỷ USD); (3) thiết bị y tế (xấp xỉ 21 tỷ USD); (4) dụng cụ đo lường, thí nghiệm và điều khiển (17,4 tỷ USD); và (5) máy móc điện thoại và điện tín (14,2 tỷ USD).

Mười thị trường xuất khẩu chính của Hoa Kỳ năm 2005 là Canada (18,9 tỷ USD), Mêhicô (16,6 tỷ USD), Nhật Bản (11 tỷ USD), Trung Quốc (8 tỷ USD), Đức (7,9 tỷ USD), Hàn Quốc (7,9 tỷ USD), Anh (7,5 tỷ USD), Malaysia (6,3 tỷ USD), Singapore (6 tỷ USD), và Đài Loan (5,5 tỷ USD). Riêng mười thị trường này chiếm 61,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng điện tử của Hoa Kỳ

Nhập Khẩu

Hiện nay, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn nhất hàng điện tử vào Hoa Kỳ. Năm 2005, Trung Quốc xuất khẩu 86,7 tỷ USD hàng điện tử vào Hoa Kỳ, tăng 25,4% so với năm 2004 và 84% so với năm 2003. Năm 2005, hàng điện tử nhập từ Trung Quốc chiếm khoảng 28,5% tổng nhập khẩu hàng điện tử của Hoa Kỳ (so với khoảng 10% năm 2000). Khoảng 2/3 xuất khẩu hàng điện tử của Trung Quốc vào Hoa Kỳ là sản phẩm của các công ty quốc tế có cơ sở sản xuất tại Trung Quốc.

Mêhicô, Nhật Bản, và Malaixia là ba nước xuất khẩu lớn tiếp theo vào Hoa Kỳ. Ba nước này chiếm khoảng 32,5% thị phần nhập khẩu Hoa Kỳ. Năm 2005, kim ngạch của Mêhicô tăng 3,1%, của Nhật Bản giảm 1,6%, và của Malaixia tăng 23,7%. Đáng chú ý là hàng điện tử nhập từ Hàn Quốc và Đài Loan trong mấy năm qua liên tục giảm. Năm 2005, Hàn Quốc giảm tới 22% và Đài loan giảm 1,2% chủ yếu do cạnh tranh của Trung Quốc.

Bảng: Các nước xuất khẩu hàng điện tử lớn nhất vào Hoa Kỳ

(Đơn vị: triệu USD)

	2001	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**
Tổng cộng	**229.571**	**229.245**	**238.833**	**280.146**	**305.268**
Trung Quốc	27.231	36.270	47.150	69.153	86.176
Mêhicô	37.221	35.029	34.560	38.945	40.160
Nhật Bản	35.676	30.745	29.177	32.020	31.510
Malaysia	17.751	19.501	20.695	22.273	27.554
Canada	13.868	10.605	9.768	10.960	12.457
Hàn Quốc	15.409	15.411	15.955	19.699	15.381

Đài Loan	17.391	16.594	15.654	16.418	16.221
Đức	7.242	7.295	7.983	9.039	9.963
Singapore	11.462	10.669	10.066	10.477	9.853
Anh	5.805	4.597	4.795	5.317	5.411
Các nước khác	40.451	42.530	43.030	45.846	50.043

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt một số nhóm hàng điện tử chính:

Máy tính, linh kiện, và phụ kiện là nhóm có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ. Năm 2005, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của Hoa Kỳ đã tăng xấp xỉ 4,7 tỷ USD lên 94 tỷ, trong khi đó xuất khẩu của Hoa Kỳ loại hàng này chỉ đạt 28,9 tỷ (thâm hụt 65,1 tỷ). Lý do tăng trưởng nhập khẩu là nhu cầu tiêu dùng máy tính cá nhân, nhất là máy tính xách tay trên thế giới nói chung và ở Hoa Kỳ nói riêng tăng. Xuất khẩu máy tính và phụ kiện của Trung Quốc vào Hoa Kỳ vừa chiếm thị phần lớn nhất vừa có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu máy tính và phụ kiện của Trung Quốc vào Hoa Kỳ tăng 18,6 %, đạt xấp xỉ 40,3 tỷ USD. Tổng nhập khẩu máy tính và linh kiện của Hoa Kỳ năm 2005 chỉ tăng xấp xỉ 4,9 tỷ USD, trong khi đó kim ngạch nhập từ Trung Quốc tăng trên 6,3 tỷ. Thị phần máy tính và phụ kiện của Trung Quốc trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ đã tăng từ 12% năm 2000 lên 43% năm 2005.

Lý do chính dẫn đến tăng trưởng xuất khẩu cao của Trung Quốc là nhiều nhà sản xuất lớn trên thế giới đã chuyển sản xuất vào Trung Quốc để tận dụng giá nhân công rẻ ở nước này. Nhiều nhà sản xuất màn hình Đài Loan và Hàn Quốc đã chọn Trung Quốc là nơi sản xuất chính; nhờ đó, Trung Quốc đã trở thành một trong những nước sản xuất lớn nhất thế giới về màn hình. Năm 2004, Trung Quốc đã

sản xuất 44 triệu màn hình LCD, tăng 42% so với năm 2003.

Ngoài Trung Quốc, nhập khẩu từ Malaisia mấy năm qua cũng tăng: năm 2004 tăng 9% (trong đó máy tính xách tay tăng 34%) và năm 2005 tăng 13,3%. Một trong những lý do nhập khẩu từ Malaisia tăng là Dell (một trong những công ty sản xuất máy tính xách tay hàng đầu thế giới) đã xây dựng 2 cơ sở sản xuất ở đây. Trong khi đó, thị phần của các nước xuất khẩu chính khác như Nhật Bản, Singapore, và Đài Loan trong mấy năm vừa qua đã giảm.

Máy điện thoại và điện tín là nhóm hàng điện tử có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ 2. Năm 2005, Hoa Kỳ nhập khẩu nhóm hàng này đạt trị giá 49,2 tỷ USD, tăng 9,9 tỷ (25%) và thâm hụt cán cân thương mại tăng lên 35 tỷ (xuất khẩu chỉ đạt 14,2 tỷ). Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này tăng trong năm 2005 chủ yếu do tăng nhập khẩu điện thoại di động. Nhập khẩu điện thoại di động tăng là do tăng số người dùng và do nhu cầu đổi mới máy có các chức năng như chụp hình, khả năng chơi trò chơi, và truy nhập thư điện tử.

Nguồn cung cấp chính gần đây cũng có sự chuyển dịch từ các nước công nghiệp phát triển sang các nước có chi phí lao động thấp. Năm 2000, Canada và Nhật Bản cung cấp khoảng 40% nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ, trong khi đó Trung Quốc, Hàn Quốc và Malaisia gộp lại chỉ chiếm khoảng 25%. Năm 2005, thị phần của Canada và Nhật bản giảm chỉ còn 10,5% trong khi đó tổng cộng thị phần của Trung Quốc, Hàn Quốc, và Malaisia đã tăng lên đến 58%, trong đó riêng Trung Quốc chiếm khoảng 29,5%. Cũng như các nhóm hàng điện tử khác, phần lớn sự tăng trưởng này là do các nhà sản xuất lớn trên thế giới đã di chuyển nhiều cơ sở sản xuất vào các nước này để tận dụng giá nhân công lao động rẻ, nhất là ở Trung Quốc.

Bóng bán dẫn và mạch tích hợp là nhóm hàng đứng thứ 3 về kim ngạch nhập khẩu. Đối với nhóm hàng này, Hoa Kỳ là nước xuất siêu. Năm 2005, Hoa Kỳ xuất 34,2 tỷ USD (giảm 2,7% so với năm 2004) và nhập khẩu 25,4 tỷ (giảm 3,2%), thặng dư giảm 1,2% xuống còn xấp xỉ 8,8 tỷ. Mặc dù, Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn, song tầm quan trọng của nó đang suy giảm tương đối so với các thị trường khác trên thế giới. Năm 2004, tiêu dùng thế giới đối với bóng bán dẫn tăng 28% trong khi đó nhu cầu ở Hoa Kỳ chỉ tăng 9%. Các nước châu Á là nguồn cung cấp chính cho Hoa Kỳ về bóng bán dẫn và mạch tích hợp. Năm 2004, các nước này cung cấp gần 80% nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Máy thu vô tuyến và đầu video là ngành công nghiệp hầu như không còn tồn tại ở Hoa Kỳ. Năm 2004, tổng sản lượng của ngành này ở Hoa Kỳ chỉ còn xấp xỉ 4,5 tỷ USD, trong đó xuất khẩu 0,9 tỷ (chủ yếu là linh kiện công nghệ cao). Năm 2005, Hoa Kỳ nhập tới 22,7 tỷ USD máy thu vô tuyến và màn hình, tăng 5,2 tỷ (xấp xỉ 30%) so với năm 2004.

Mêhicô, Trung Quốc và Nhật bản là ba nước xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2005, ba nước này cung cấp 78% nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ, trong đó riêng Mêhicô chiếm khoảng 44% thị phần nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Đối với một số nhóm hàng điện tử khác xin xem bảng dưới đây:

Tên hàng	SX trong nước	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng tiêu dùng[1]
Máy tính và phụ kiện	85.000	28.862	93.950	150.087
Máy điện thoại điện tín	52.765	14.183	49.220	87.803
Bóng bán dẫn và mạch tích hợp	86.190	34.195	25.425	72.585
Máy móc và dụng cụ y tế	48.000	20.970	20.548	47.578
Điện tử tiêu dùng (không kể vô tuyến và màn hình)	4.900	2.679	25.866	28.087
Dụng cụ hoa tiêu và thiết bị điều khiển từ xa	40.000	3.217	3.241	40.023
Vô tuyến và màn hình	3.000	857	22.712	24.854
Máy circuit không quá 1000V	12.240	5.327	6.818	13.731
Mạch in	4.816	1.781	2.123	5.158
Phim và giấy ảnh	16.298	2.091	1.845	16.052
Thiết bị phát thanh và truyền hình	2.900	1.544	3.830	5.186
Máy phát âm thanh và tín hiệu hình	4.248	1.092	2.409	5.565
Băng đĩa đã ghi	6.750	3.422	1.499	4.826
Băng đĩa trắng	2.350	1.195	4.248	5.403
Máy và thiết bị ảnh	2.149	1.175	1.880	2.853
Các loại đồng hồ	630	255	3.795	4.169
Máy circuit trên 1000V	3.800	509	401	3.691
Bóng và điện trở	1.750	1.286	2.177	2.641
Máy văn phòng	2.435	751	1.793	3.476
Bóng hình electron không kể CRTs	700	192	214	722
Dụng cụ vẽ và tính toán 900	485	335	749	

[1] *Tổng tiêu dùng bằng tổng giá trị sản lượng sản xuất trong nước trừ trị giá xuất khẩu và cộng trị giá nhập khẩu.*
Số liệu năm 2005 – đơn vị: triệu USD

Sản phẩm nhựa tiêu dùng

Nhựa thành phẩm được đề cập trong phần này bao gồm: ống nhựa, vòi nhựa; tấm nhựa trải nền, tấm nhựa dán tường, trần nhà nhựa; mảnh nhựa, băng nhựa, phim nhựa; các thiết bị và sản phẩm dùng trong phòng tắm và buồng vệ sinh; các sản phẩm dùng để vận chuyển và bao gói hàng hóa; dụng cụ làm bếp, dụng cụ bàn ăn, đồ dùng làm vệ sinh và các sản phẩm gia dụng khác; các sản phẩm nhựa dùng trong xây dựng...Tất cả các số liệu, thông tin và phân tích trong phần này không bao gồm nhựa nguyên liệu, nhựa công nghiệp, và phế thải nhựa.

Nhu cầu thị trường

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa nói trên ở Hoa Kỳ rất lớn. Không kể số lượng sản xuất nội địa, năm 2004, Hoa Kỳ nhập khẩu các sản phẩm này trị giá trên 13 tỷ USD. Dưới đây là số liệu thống kê nhập khẩu nhóm hàng này của Hoa Kỳ trong 3 năm gần đây.

Bảng: Nhập khẩu nhựa thành phẩm của Hoa Kỳ

(Đơn vị: nghìn USD)

Tên nhóm hàng	2002	2003	2004
Sản phẩm nhựa ở dạng cây, que, sợi có đường kính hơn 1mm	362.777	389.022	389.502
Ống cứng, ống mềm, vòi, và linh kiện đấu nối	664.988	736.226	847.826
Nhựa trải sàn, dán tường, trần nhà	370.243	419.998	436.551
Phim và tấm nhựa có phủ chất kết dính	468.837	503.857	577.433
Phim và tấm nhựa không phủ chất kết dính, không tráng hoặc kết hợp với vật liệu khác	1.985.034	2.249.765	2.623.734
Phim và tấm nhựa chưa liệt kê các mã khác	794.091	849.347	1.043.460
Các thiết bị và sản phẩm nhựa dùng trong buồng tắm và buồng vệ sinh	138.159	154.704	163.443
Sản phẩm nhựa dùng để vận chuyển, đóng gói, che đậy hàng hoá	2.719.722	3.159.835	3.692.480
Tổng cộng	**10.144.517**	**11.421.295**	**13.211.910**

Qua bảng số liệu trên chúng ta thấy nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ năm nào cũng tăng. Năm 2003 tăng 12,6% so với năm 2002 và năm 2004 tăng 15,7% so với năm 2003. Xu hướng tăng nhập khẩu này chắc chắn sẽ tiếp tục do nhu cầu tăng và sản xuất nội địa tiếp tục giảm do giá thành sản xuất ngày càng cao và các vấn đề về môi trường.

Các nước xuất khẩu chính vào Hoa Kỳ

Canada là nước xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2004, Canada xuất vào Hoa Kỳ xấp xỉ 5,6 tỷ USD, chiếm 42% thị phần. Các nước xuất khẩu lớn tiếp theo (theo kim ngạch năm 2004) là Trung Quốc (23,8%), Mêhicô, Đài Loan, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Anh.

Riêng đối với nhóm hàng dụng cụ bàn ăn, dụng cụ làm bếp, và các đồ gia dụng và đồ làm vệ sinh khác Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn nhất vào Hoa Kỳ. Năm 2004, kim ngạch xuất khẩu vào Hoa Kỳ của Trung Quốc nhóm hàng này đạt xấp xỉ 1,4 tỷ USD, tăng 21,7% so với năm 2003 và chiếm gần 66% tổng kim ngạch nhập khẩu loại hàng này của Hoa Kỳ.

Bảng: Các nước xuất khẩu chính vào Hoa Kỳ

(Đơn vị: nghìn USD)

	2002	2003	2004	So sánh 04/03
Canada	4.412.239	4.839.892	5.557.851	14,8%
Trung Quốc	2.391.312	2.612.398	3.149.355	14,8%
Mêhicô	603.755	667.152	865.899	29,8%
Đài Loan	648.259	684.019	751.407	9,9%
Nhật Bản	540.192	583.405	668.463	14,6%
Đức	476.610	564.360	585.772	3,8%
Hàn Quốc	189.275	391.020	491.149	25,6%
Vương Quốc Anh	262.495	252.800	291.620	15,4%

Một số loại hàng hóa khác

Ngoài những nhóm hàng hóa đã đề cập ở các phần trên, chúng tôi xin cung cấp số liệu sản xuất nội địa, xuất khẩu, nhập khẩu, và tổng tiêu dùng của Hoa Kỳ đối với một số loại hàng hóa khác mà Việt Nam quan tâm như sau:

Số liệu năm 2004 – đơn vị: triệu USD

Loại hàng	SX trong nước	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng tiêu dùng[2]
Gỗ tròn và sản phẩm gỗ thô	55.500	1.708	658	54.449
Các sản phẩm nghệ thuật	45.000	1.806	9.662	52.857
Gỗ xẻ	22.500	1.930	8.808	29.079
Thiết bị điều hòa và phụ kiện	24.859	5.794	8.533	27.598
Động cơ điện, máy phát điện, và thiết bị liên quan	21.100	4.673	7.020	23.446
Máy móc gia dụng kể cả dùng trong kinh doanh	16.129	5.193	12.489	23.425
Máy và thiết bị nông nghiệp và làm vườn	21.236	6.098	6.216	21.354
Gỗ vơ nia và gỗ tấm	13.800	1.037	7.115	19.878
Dụng cụ thể thao	12.000	1.670	4.581	14.911
Dụng cụ cầm tay không dùng điện	12.286	2.361	4.136	14.062
Đồ trang sức quý và các sản phẩm liên quan	6.136	2.270	7.492	11.358
Ghế ô tô và máy bay	7.200	1.395	4.841	10.646
Các loại đèn thắp sáng và linh kiện	6.000	677	5.319	10.641
Đồ chơi	2.010	412	8.848	10.445
Xi măng	8.000	63	1.139	9.076
Một số đồ kim loại dùng tr ong xây dựng	5.822	982	3.063	7.902
Bu lông, ốc, vít ... kim loại dùng trong công nghiệp	6.500	1.672	2.977	7.805
Bơm chất lỏng	6.594	2.725	2.673	6.543
Xe máy và phụ túng	6.500	917	3.809	6.391
Thùng gỗ	5.200	145	635	5.690
Trò chơi	1.520	1.089	5.199	5.631

[2] *Tổng tiêu dùng bằng tổng giá trị sản lượng sản xuất trong nước trừ trị giá xuất khẩu và cộng trị giá nhập khẩu.*

Chai, lọ, hũ ... thuỷ tinh	4.400	185	659	4.874
Dụng cụ cầm tay dùng điện	1.800	180	2.122	3.742
Đồ đựng hành lý	881	195	3.044	3.730
Thiết bị vệ sinh bằng sứ và kim loại	2.700	159	1.062	3.603
Đồ dùng để nấu nướng và làm bếp	1.500	198	2.170	3.472
Dụng cụ để viết và các sản phẩm liên quan	2.450	228	1.215	3.436
Bơm dùng cho xe động cơ	3.000	771	1.173	3.402
Kính phẳng	2.800	1.882	1.959	2.877
Chổi, bàn chải các loại	2.065	239	945	2.772
Dao, kéo, kim may, và các sản phẩm liên quan	1.900	553	1.133	2.480
Gạch men lát nền và ốp tường	810	27	1.631	2.414
Đồ gia dụng thuỷ tinh	1.450	183	947	2.214
Túi xách tay	235	87	1.926	2.074
Đồ gốm gia dụng	325	107	1.683	1.902
Đồ trang sức giả và các sản phẩm liên quan	952	109	947	1.790
Xe đạp và một số loại linh kiện xe đạp	615	266	1.260	1.609
Búp bê	140	22	1.005	1.123
Các sản phẩm bằng da, sợi, nhựa ở dạng tấm	396	26	532	902
Một số loại hàng da khác	585	124	384	845
Các loại lược chải tóc, không dùng điện	600	19	166	747
Tấm kê trên bàn ăn và sản phẩm liên quan	212	24	518	706
Ô, dù, roi điều khiển súc vật, và gậy	70	8	341	403

Đồ dùng hút thuốc (bật lửa, tẩu, các loại linh kiện)	250	99	191	343
Đồ bạc và các mặt hàng kim loại quý liên quan	423	180	81	324
Phụ liệu quần áo (khoá, chốt, móc, khuy bấm v.v.)	350	158	81	273
Dụng cụ và tay nắm dụng cụ bằng gỗ	103	51	151	202
Dụng cụ âm nhạc và phụ kiện		456	1.503	
Lốp, xăm thủy lực (mới)	14.500	2.550	6.163	18.113
Các loại lốp khác	1.100	108	158	1.150
Cao su tự nhiên	0.0	37	1.466	1.429
Chất tẩy rửa	22.500	2.929	1.568	21.139

MỘT SỐ QUI CHẾ QUẢN LÝ NHẬP KHẨU

Tiếp theo phần giới thiệu khái quát một số luật về thương mại và/hoặc có liên quan đến thương mại của Hoa Kỳ đã in ở Tập I, trong phần này chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết thêm một số qui chế cụ thể quản lý nhập khẩu vào thị trường này.

Các nhà xuất khẩu nước ngoài cần chủ động yêu cầu các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ cung cấp đầy đủ và chính xác các yêu cầu luật pháp liên quan đến chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, đóng gói, dán nhãn v.v. của hàng hóa để đảm bảo hàng sản xuất ra phù hợp với các yêu cầu của Hoa Kỳ đối với hàng nhập khẩu. Có một số qui chế quản lý nhập khẩu không liên quan trực tiếp đến người xuất khẩu nước ngoài, song người xuất khẩu cũng cần phải biết để chủ động hợp tác, hỗ trợ, và cung cấp thông tin giúp đối tác nhập khẩu hàng của mình thực hiện tốt các qui định của pháp luật nước nhập khẩu. Hơn nữa, các chính sách và qui chế quản lý nhập khẩu có thể có thay đổi; vì vậy, các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ cũng như các nhà xuất khẩu nước ngoài cần phải thường xuyên theo dõi và cập nhật những sự thay đổi này.

Có một số loại hàng hóa nhất định có thể bị cấm nhập hoặc hạn chế nhập khẩu vì lý do bảo hộ mậu dịch và an ninh hoặc để bảo vệ sức khỏe và lợi ích người tiêu dùng và bảo tồn động thực vật.

Ngoài các yêu cầu về Hải quan, nhiều qui định cấm và hạn chế nhập khẩu còn chịu sự điều tiết của nhiều luật lệ

thuộc quyền quản lý của các cơ quan công quyền khác. Hải quan Hoa Kỳ có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với các cơ quan này để thực thi có hiệu quả các qui định cấm và hạn chế nhập khẩu. Ví dụ, luật lệ có thể cấm hoàn toàn không cho nhập khẩu; hạn chế nhập qua một số cảng nhất định; hạn chế tuyến vận tải nội địa, kho chứa, hoặc sử dụng; hoặc yêu cầu phải xử lý, gắn nhãn, hoặc chế biến trước khi nhập khẩu. Trong những trường hợp này, hàng nhập khẩu chỉ được thông quan nếu đáp ứng được các yêu cầu qui định trong các luật lệ liên quan.

Do không thể giới thiệu tất cả rất nhiều qui chế khác nhau đối với rất nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau trong khuôn khổ một cuốn sách, nên chúng tôi sẽ chọn giới thiệu tóm tắt một số qui chế đối với một số nhóm hàng Việt Nam hiện đang xuất khẩu hoặc có tiềm năng xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong những năm tới. Ngoài ra, để các doanh nghiệp có điều kiện nghiên cứu kỹ thêm các qui chế quản lý nhập khẩu đối với mặt hàng quan tâm, chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu các nguồn tài liệu hoặc địa chỉ trang web có các thông tin liên quan để các doanh nghiệp tham khảo thêm.

Sơ lược về rào cản kỹ thuật

Không sử dụng tiêu chuẩn quốc tế

Mức độ sử dụng các tiêu chuẩn do các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế ban hành ở Hoa Kỳ tương đối thấp, hoặc thậm chí các tiêu chuẩn này không được biết đến tại Hoa Kỳ. Tất cả các bên của Hiệp định Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) đều cam kết sử dụng rộng rãi hơn các tiêu chuẩn quốc tế; nhưng mặc dù khá nhiều tiêu chuẩn của Hoa kỳ được coi "tương đương về mặt kỹ thuật" với các tiêu chuẩn quốc tế, và một số các tiêu chuẩn đó thực tế đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới, rất ít các tiêu chuẩn quốc tế được áp dụng trực tiếp và một số tiêu chuẩn của Hoa Kỳ còn mâu thuẫn trực tiếp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Tiêu chuẩn các sản phẩm điện và điện tử sử dụng ở Hoa Kỳ rất hay khác với các tiêu chuẩn quốc tế. Hơn nữa, ở Hoa Kỳ không có thị trường thống nhất toàn liên bang đối với hàng điện và điện tử do có sự khác biệt về yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn sản phẩm giữa liên bang và bang, giữa các khu vực hoặc bang với nhau, hoặc thậm chí giữa các quận và thành phố với nhau. Do vậy, các nhà sản xuất nước ngoài muốn tiêu thụ những sản phẩm này tại các nơi khác nhau ở Hoa Kỳ phải thay đổi các tiêu chuẩn cho phù hợp không những với tiêu chuẩn liên bang mà còn với các tiêu chuẩn ở các địa phương cụ thể. Sự thay đổi này dẫn đến phát sinh chi phí sản xuất. Trong nhiều trường hợp chi phí vượt quá mức có thể thâm nhập thị trường.

Đối với thiết bị điện, các cơ sở kiểm tra chất lượng của Underwriter Laborratories (UL) hoàn toàn tuỳ ý đối với các tiêu chuẩn liên quan đến chứng chỉ an toàn và đôi khi có thể tuỳ tiện thay đổi các tiêu chuẩn này. UL liệt kê những sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn đang được áp dụng, nhưng không phê chuẩn các sản phẩm đó. Việc phê chuẩn này do nhiều tổ chức kiểm tra chất lượng và cấp chứng chỉ chất lượng thực hiện. Ví dụ, đầu năm 1993, UL đã sửa đổi tiêu chuẩn 1028 về quy cách của công tắc tắt/bật của dụng cụ cắt tóc và cạo râu. Qui cách mới do UL đặt ra không làm tăng thêm độ an toàn của các sản phẩm, nhưng đã làm tăng chí phí đáng kể đối với các nhà sản xuất nước ngoài.

Các quy định khác nhau ở cấp tiểu bang

Ở Hoa Kỳ có hơn 2.700 cơ quan chính quyền cấp bang và thành phố có qui định cụ thể về các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn đối với các sản phẩm được bán hay lắp đặt trong phạm vi địa hạt của các cơ quan này. Những yêu cầu này thường là không đồng nhất hoặc nhất quán với nhau, hoặc thậm chí không minh bạch. Ví dụ, một số bang đôi khi đặt ra những tiêu chuẩn về môi trường cao hơn nhiều so với mức do luật Liên bang quy định. Một ví dụ khác, luật của

Bang Pennsylvania chỉ qui định nguyên liệu nhồi trong đồ chơi không được có chất gây hại, trong khi đó luật của Bang Ohio lại qui định khắt khe hơn là nguyên liệu nhồi trong đồ chơi phải là mới và phải được kiểm tra phòng truyền nhiễm bệnh do vi khuẩn. Sự không thống nhất về yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn sản phẩm điện và điện tử như nói ở trên cũng là một thí dụ điển hình về hàng rào kỹ thuật gây cản trở thương mại đối với hàng nhập khẩu.

Mặc dù những qui định trên áp dụng không phân biệt đối với các sản phẩm nội địa hay nhập khẩu từ nước ngoài, song các công ty Hoa Kỳ vẫn có lợi thế hơn vì họ là công ty bản xứ đã hoạt động trên thị trường nhiều năm và đã nắm được tất cả các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn. Sản phẩm của các công ty Hoa Kỳ thông thường được tiêu thụ nhiều hơn trên thị trường nội địa nên kinh tế qui mô cho phép họ có thể cải tiến sản phẩm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuân của từng vùng, bang, hoặc quận. Ngay cả đối với các công ty Hoa Kỳ mới tham gia thị trường thì việc tìm hiểu thông tin cũng dễ dang hơn các công ty nước ngoài.

Đối với các công ty nước ngoài, thu thập các thông tin cần thiết liên quan và đáp ứng các qui định và thủ tục yêu cầu quả thực là một thách thức lớn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì hiện nay, không có một nguồn thông tin tập trung nào về các tiêu chuẩn và đánh giá tính hợp chuẩn. Một công ty ở EU đã ước tính sự phức tạp của các yêu cầu về tiêu chuẩn và chứng nhận chất lượng đã làm họ mất khoảng 15% tổng doanh số bán hàng. Chỉ riêng chi phí chứng nhận cũng đã chiếm khoảng 5% tổng doanh số bán hàng. Chi phí bảo hiểm trách nhiệm đối với sản phẩm theo yêu cầu của luật pháp Hoa Kỳ cũng là một khoản không nhỏ.

Các chi phí ẩn đối với các sản phẩm nhập khẩu có thể còn lớn hơn vì nếu sử dụng các linh kiện sản xuất tại Hoa kỳ đã được thử nghiệm sẵn có thể tiết kiêm được rất nhiều

thời gian và chi phí thử nghiệm và chứng nhận chất lượng sản phẩm. Yếu tố này đặc biệt đúng đối với các sản phẩm điện.

Ngoài ra, các tổ chức tư nhân cung cấp bảo đảm chất lượng có thể áp đặt phải sử dụng một số linh kiện sản phẩm cụ thể theo các chương tình của riêng họ không phù hợp với các tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng quốc tế (ví dụ như ISO 9000). Một số sản phẩm (ví dụ các thiết bị mạng viễn thông) phải qua một quy trình đánh giá đắt tiền nhưng không được cấp chứng chỉ chất lượng và không xem xét đến các yêu cầu của từng người mua.

Phụ thuộc quá nhiều vào chứng chỉ bắt buộc

Trong khi trên thế giới đang có xu hướng hạn chế hoặc giảm thiểu sự can thiệp của bên thứ ba vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, thì ở Hoa kỳ vẫn tiếp tục lệ thuộc vào các chứng chỉ chất lượng của bên thứ ba đối với rất nhiều sản phẩm công nghiệp.

Trong một số lĩnh vực như thiết bị điện và đồ gia dụng, sự phát triển công nghệ và sự hiểu biết của người tiêu dùng đã cho phép nhiều nước trên thế giới giảm yêu cầu thử nghiệm và chứng nhận chất lượng trước khi tiếp thị sản phẩm ra thị trường; thay vào đó chủ yếu dựa vào chứng chỉ chất lượng của bản thân các nhà sản xuất và sự giám sát và quản lý của các cơ quan quản lý chất lượng nhà nước đối với hàng hóa sau khi đã đưa vào lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên, tại Hoa kỳ, chứng chỉ chất lượng của bên thứ ba đối với các sản phẩm này vẫn còn là một yêu cầu bắt buộc (kể cả về mặt pháp lý và tập quán) trước khi đưa hàng ra lưu thông trên thị trường. Yêu cầu này đã làm phát sinh các chi phí cao không hợp lý đối với các nhà cung cấp nước ngoài. Hơn nữa, thời gian chờ kiểm nghiệm và cấp chứng nhận chất lượng cũng có thể làm mất cơ hội thâm nhập thị trường. Ví dụ, sẽ không có nhà nhập khẩu nào chịu ký hợp đồng nhập khẩu bàn là của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ

nếu như sản phẩm này chưa được kiểm nghiệm và cấp chứng chỉ chất lượng bởi một tổ chức kiểm nghiệm và cấp chứng chỉ chất lượng được Hoa Kỳ công nhận (UL chẳng hạn).

Một số qui chế quản lý nhập khẩu thực phẩm nói chung

Tất cả các loại thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu đều phải tuân thủ theo các qui định của Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act -FDCA), Luật về Bao bì và Nhãn hàng (Fair Packaging and Labeling Act - FPLA), và một số phần của Luật Y tế (PHSA).

FDA chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về nhập khẩu thực phẩm vào Hoa Kỳ. Các quy định của FDA về nhập khẩu thực phẩm rất nhiều và chặt chẽ. Ngoài các qui định của FDA, có thể có các quy định của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) và/hoặc Cục Nghề cá Hoa Kỳ (NMFS) đối với một số mặt hàng nông thủy sản cụ thể.

Vì đây là tài liệu hướng dẫn nhập khẩu nên chúng tôi sẽ tập trung giới thiệu các khía cạnh của các luật tương ứng áp dụng trực tiếp đối với nhập khẩu thực phẩm. Tuy nhiên, những người kinh doanh thực phẩm ở Hoa Kỳ cũng cần biết là còn có nhiều các quy định khác của FDA liên quan đến lưu thông hàng hóa giữa các bang, việc thử nghiệm hàng trước khi đưa vào lưu thông thương mại v.v.

Theo luật, thực phẩm nhập khẩu thuộc quyền quản lý của FDA sẽ phải được FDA kiểm tra tại cảng đến trước khi được phép nhập khẩu vào thị trường. Nếu hàng đến bị phát hiện không phù hợp với những quy định hiện hành, thì có thể bị giữ lại tại cửa khẩu. FDA có thể cho phép tái chế lô hàng cho phù hợp trước khi có quyết định cuối cùng có cho phép nhập vào Hoa Kỳ hay không. Tuy nhiên, mọi công

việc tuyển lựa lại, tái chế, hoặc làm lại nhãn hàng phải được tiến hành dưới sự giám sát của nhân viên FDA. Mọi chi phí liên quan do người nhập khẩu chịu. Nếu hàng đã được tái chế hoặc làm lại nhãn mà vẫn không đạt yêu cầu thì FDA sẽ yêu cầu tái xuất hoặc tiêu hủy.

Việc cho phép tái chế hàng là ưu đãi mà FDA có thể giành cho người nhập khẩu chứ không phải quyền đương nhiên các nhà nhập khẩu được hưởng. Vì vậy, nếu người nhập khẩu tiếp tục có các chuyến hàng tương tự không phù hợp, thì sẽ có nguy cơ bị FDA coi là lạm dụng ưu đãi và sẽ không tiếp tục cho phép người nhập khẩu tái chế hàng. Thay vào đó, FDA sẽ yêu cầu người nhập khẩu hủy hoặc tái xuất khẩu lô hàng.

Các nhà xuất khẩu nước ngoài nếu nhiều lần vi phạm xuất hàng không đủ tiêu chuẩn vào Hoa Kỳ cũng dễ bị FDA đưa vào diện Cảnh báo Nhập khẩu và hàng của họ sẽ bị FDA tự động giữ lại hoặc kiểm tra chặt chẽ hơn *(xem phần cảnh báo nhập khẩu dưới đây)*. Hơn nữa, nếu các nhà xuất khẩu nước ngoài giao hàng không đủ tiêu chuẩn và/hoặc đúng với các qui định của FDA, và hàng bị từ chối nhập khẩu vào thị trường sẽ gây tổn hại kinh tế và phiền toái cho người nhập khẩu. Trong trường hợp này, người xuất khẩu không những phải bồi thường thiệt hại cho người nhập khẩu mà còn có nguy cơ mất khách hàng.

Dưới đây là tóm tắt một số qui định của Luật FDCA, và một số qui định dưới luật của FDA liên quan đến nhập khẩu thực phẩm vào Hoa Kỳ. Ngoài các qui định chung đối với nhập khẩu thực phẩm được nêu trong mục này, các nhà xuất khẩu cần phải tìm hiểu thêm những qui định riêng có thể có đối với từng mặt hàng cụ thể. Các nhà xuất khẩu cũng có thể và nên liên hệ với các cơ quan quản lý Hoa Kỳ liên quan đến sản phẩm của mình để biết thêm các chi tiết cụ thể.

Luật về Thực phẩm, Dược phẩm, và Mỹ phẩm

FDCA là luật bao quát nhất về thực phẩm tại Hoa Kỳ. Nếu muốn nhập khẩu thực phẩm vào Hoa Kỳ, cần phải làm quen với các điều khoản của luật này. Dưới đây là những mục đích và yêu cầu cơ bản của Luật FDCA áp dụng cho cả thực phẩm sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu từ nước ngoài.

Bảo vệ sức khoẻ người tiêu dùng

Thực phẩm làm giả, kém phẩm chất được coi là bất hợp pháp, và không được phép tiêu thụ và nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Thực phẩm bị coi là hàng giả kém phẩm chất trong các trường hợp sau: (1) Có tạp chất độc hoặc có khả năng gây hại lẫn vào trong qúa trình sản xuất hoặc chế biến hoặc tự nhiên phát sinh; (2) Có chứa chất phụ gia mà FDA đã xác định không an toàn; (3) Có dư lượng thuốc trừ sâu không được phép sử dụng, hoặc vượt quá mức cho phép của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA); (4) Dùng các chất phẩm mầu không được FDA cho phép; (5) Có thành phần bị coi là bẩn, ôi thiu, bị phân huỷ; (6) Sản phẩm từ động vật có bệnh hay chết không phải do giết mổ; (7) Sản phẩm được chế biến, đóng gói, hoặc lưu giữ trong điều kiện không vệ sinh mà có thể bị ô nhiễm do bẩn hoặc gây hại cho sức khoẻ; (8) Hàng đựng trong vật liệu bao bì có chứa chất độc hoặc chất có hại. Một số vật liệu bao bì được coi là chất phụ gia và phải tuân thủ các quy định về chất phụ gia.

Bảo vệ quyền lợi kinh tế của người tiêu dùng

Không được che dấu dưới bất kỳ hình thức nào về những hư hỏng hay kém chất lượng có trong thực phẩm. Nhãn hàng thực phẩm không được có các nội dung giả mạo hoặc gây hiểu lầm, hoặc không ghi đầy đủ các thành phần theo quy định của pháp luật. Một loại thực phẩm này không được bán dưới tên một loại thực phẩm khác. Không được

loại hoặc tách bỏ một phần hoặc toàn bộ một chất được coi là thành phần có giá trị của một loại thực phẩm, và không được dùng bất kỳ chất nào khác để thay thế. Các hộp đựng thực phẩm không được làm, tạo hình hoặc bao gói để có thể gây hiểu sai lệch. Trong trường hợp nhập khẩu một loại thực phẩm đã hình thành tiêu chuẩn đóng hộp, mặt hàng đó phải phù hợp với tiêu chuẩn của nó hoặc trên nhãn hàng phải ghi rõ không đạt so với yêu cầu. Tất cả những qui định nói trên của luật là nhằm đảm bảo cho người mua và người tiêu dùng biết được giá trị đích thực của hàng hóa.

Thông tin trên nhãn hàng

Luật quy định rằng các thông tin trên nhãn hàng phải được ghi rõ ràng để người tiêu thụ bình dân có thể đọc và hiểu được trong điều kiện mua và sử dụng thông thường.

Nếu nhãn hàng có ghi bằng tiếng nước ngoài, thì trên nhãn đó vẫn phải ghi cả bằng tiếng Anh tất cả các thông tin theo qui định. Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải ghi bằng tiếng Anh tên nước xuất xứ. Điều luật 21CFR101 qui định chi tiết về kích cỡ và thể loại, vị trí, v.v. của các thông tin ghi trên nhãn hàng. Dưới đây là tóm tắt các thông tin cần thiết ghi trên nhãn hàng dán/gắn trên bao bì hàng hóa:

1) Tên và địa chỉ đầy đủ của người sản xuất, người đóng gói, hoặc người phân phối. Có thể không cần ghi địa chỉ nếu công ty đó có tên niêm yết trong thành phố đó, hoặc có tên trong danh bạ điện thoại. Nếu thực phẩm không phải do người, công ty có tên trên nhãn hàng sản xuất, thì tên công ty phải ghi thêm "manufactured for" (sản xuất cho), "distributed by" (phân phối bởi) hoặc các chữ tương tự.

2) Ghi chính xác số lượng thực phẩm bên trong. Trọng lượng phải theo đơn vị đo lường Anh - Mỹ là pound (1 pound = 0,454 kg), và ga lông Mỹ (1

ga lông = 3,79 lít). Hệ đo lường mét có thể được ghi thêm cùng với hệ đo lường Anh - Mỹ. Luật có các quy định cụ thể, chi tiết về vị trí, kích cỡ, v.v. và cách ghi trọng lượng tịnh. Có nhiều cách ghi nhãn khác nhau tuỳ theo kích cỡ của bao bì, bản chất của sản phẩm là chất lỏng hay chất rắn, v.v.

3) Tên thông thường của thực phẩm phải được ghi trên mặt chính, cùng với hình dạng của sản phẩm (ví dụ: "thái miếng", "nguyên con", "thái lát", v.v.)

4) Trừ khi thực phẩm đã được tiêu chuẩn hóa, các chất thành phần phải được ghi bằng tên thông thường theo thứ tự trọng lượng từ cao đến thấp. Nhãn của các thực phẩm đã được tiêu chuẩn hóa chỉ cần ghi các thành phần mà trong tiêu chuẩn ghi là tuỳ ý (optional). Các thành phần ghi trên nhãn của một thực phẩm là các chất được dùng làm nguyên liệu trộn vào khi chế biến thực phẩm đó. Nếu một thành phần nào đó được coi là đặc tính riêng của thực phẩm đó, thì có thể phải ghi tên thành phần đó cùng với tên thực phẩm đó. (ví dụ: tôm trong món ăn tôm cocktail). Phụ gia thực phẩm và phẩm mầu được coi là các thành phần của thực phẩm trừ đối với bơ, pho mát, và kem.

Thông tin về dinh dưỡng

Nhãn hàng thực phẩm phải có thông tin về dinh dưỡng nhằm giúp cho người tiêu dùng lựa chọn thực phẩm phù hợp và tốt cho sức khỏe của mình. Điều luật 21CFR phần 101 quy định rất cụ thể và đầy đủ các thông tin cần có trên nhãn hàng. Đối với một số sản phẩm hay nhóm sản phẩm đặc biệt còn có thêm các quy định riêng. Các quy định về ghi thành phần dinh dưỡng đã được sửa đổi bổ sung đầy đủ hơn năm 1993. Những điều khoản và yêu cầu mới có hiệu lực từ 8/5/1994. Yêu cầu tối thiểu, được qui định trong điều luật 21CFR101.9, bao gồm các nội dung như sau:

(1) Liều lượng dùng và số lần dùng của mỗi hộp;

(2) Tổng lượng calo và lượng calo từ chất béo mỗi lần dùng;

(3) Tổng lượng chất béo và lượng chất béo no (saturated) tính theo gram; tổng lượng choresrol và sodium (miligram), tổng lượng Carbohydrate, dietary fiber, đường và protein tính bằng gam mỗi lần dùng;

(4) Phần trăm của tất cả các thành phần liệt kê tính theo tỷ lệ cần cho cơ thể trong một ngày trên cơ sở lượng calo cần thiết hàng ngày là 2.000 calo;

(5) Tỷ lệ % trong mức khuyến cáo tiêu thụ hàng ngày (recommended daily allowances - RDA) của Mỹ của một số loại vitamin và chất khoáng của một lần dùng;

(6) Ghi các trị giá cần hàng ngày, các trị giá kiến nghị tính bằng gram hoặc miligram - tuỳ theo từng thành phần - đối với chất béo, chất béo no, cholesterol, sodium, carbohydrate, dietary fiber, cùng với lượng calo trên gram đối với chất béo, carbohydrate, và protein.

(7) Các chất dinh dưỡng khác được coi là thành phần cơ bản trong thức ăn của người có thể được liệt kê nếu những chất này chiếm ít nhất 2% RDA của Mỹ.

Bắt đầu từ ngày 01/1/2006, trên nhãn cung cấp các thông tin về dinh dưỡng thực phẩm phải ghi thêm hàm lượng chất béo chuyển hóa (Trans Fat) ngay sau dòng về hàm lượng chất béo no (Saturated Fat). Yêu cầu này trên nhãn đối với rau quả và cá tươi là tự nguyện. Kể từ ngày 01/1/06, các sản phẩm trên nhãn không ghi hàm lượng axít béo chuyển hóa sẽ không được phép lưu thông trên hoặc nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ.

Căn cứ theo luật Bảo vệ người tiêu dùng và dán nhãn chất dị ứng thực phẩm ban hành năm 2004, kể từ ngày 01/1/2006, các nhà sản xuất phải ghi rõ (bằng tiếng Anh,

đơn giản, dễ hiểu) trên nhãn các loại thực phẩm chứa protein có nguồn gốc từ 8 loại thực phẩm gây dị ứng như: sữa, trứng, cá, thuỷ sản giáp xác (cua, tôm, tôm hùm), các hạt cây (almon, pecan,walnut), lạc, lúa mì, và đỗ tương. Trên trang web tại địa chỉ http://www.cfsan.fda.gov/~dms/wh-alrgy.html có thông tin và hướng dẫn cụ thể cách ghi nhãn.

Tháng 11/2005 ở Canada đã có một cô gái bị chết ngay sau khi hôn người yêu. Lý do là người yêu của cô trước đó đã ăn bơ lạc còn cô gái xấu số thì vốn dĩ bị dị ứng với lạc.

Các quy định về nhãn hàng thực phẩm còn hướng dẫn cụ thể cho từng loại nhãn hàng, và cho phép thể hiện nhãn hàng theo nhiều kích thước và dạng khác nhau tuỳ theo hình dạng và kích thước của bao bì. Nếu cần thêm thông tin về nhãn hàng, có thể tham khảo điều luật 21CFR phần 1, hoặc liên hệ trực tiếp với FDA, hoặc vào trang web: http://www.cfsan.fda.gov/~dms/foodlab.html.

Đối với những nhà xuất khẩu chưa có kinh nghiệm xuất khẩu thực phẩm sang Hoa Kỳ và chưa nắm chắc các yêu cầu về thông tin trên nhãn hàng, cách tốt nhất để thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu này và tránh những tranh chấp có thể xảy ra sau này giữa hai bên là yêu cầu người mua hướng dẫn và thống nhất bằng văn bản với họ về nội dung nhãn hàng. Trong trường hợp người xuất khẩu đã thực hiện đúng như thống nhất giữa hai bên mà nhãn hàng vẫn không được FDA chấp nhận thì trách nhiệm thuộc về người nhập khẩu chứ không phải người xuất khẩu.

Ví dụ nhãn cung cấp thông tin về dinh dưỡng

Nutrition Facts

Serving Size 1 cup (228g)
Serving Per Container 2

Anount Per Serving	
Calories 250	Calories from Fat 110
	% Daily Value*
Total Fat 12g	**18%**
Saturated Fat 3g	**15%**
Trans Fat 1.5g	
Cholesterol 30mg	**10%**
Sodium 470mg	**20%**
Total Carbohydrate 31g	**10%**
Dietary Fiber 0g	**0%**
Sugars 5g	
Protein 5g	
Vitamin A	4%
Vitamin C	2%
Calcium	20%
Iron	4%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your Daily Values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories:	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Socium	Less than	2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Cielary Fiber		25g	30g

Thực phẩm ăn kiêng

Đối với thực phẩm dành cho người ăn kiêng đặc biệt có các yêu cầu ghi nhãn riêng. Các thực phẩm có yêu cầu đặc biệt chống nhiễm bệnh, chữa bệnh, giảm đau, hoặc chẩn đoán bệnh cần phải phù hợp với các điều khoản của luật FDCA. Người nhập khẩu cần tham khảo các quy định chi tiết theo phần 403(j), 411, 412 của luật trước khi nhập khẩu thực phẩm dành cho ăn kiêng.

Điều kiện vệ sinh

FDCA quy định thực phẩm phải được chế biến tại các cơ sở đảm bảo vệ sinh, không nhiễm bẩn (ví dụ: lông chuột, phân, xác và phân côn trùng, ký sinh trùng). Thực phẩm bị bẩn được coi là hàng kém phẩm chất, bất kể nó có hại cho sức khỏe hay không và các phòng thí nghiệm giám định có phát hiện ra các chất bẩn này hay không. Luật pháp không cho phép lưu thông các loại hàng bất hợp pháp bất kể nguồn gốc từ đâu. Người nhập khẩu phải đảm bảo các sản phẩm của mình được đóng gói và vận chuyển sao cho không bị giảm phẩm chất do bị hư hỏng hoặc bị ô nhiễm trên đường vận chuyển. Nếu bị phát hiện nhiễm bẩn khi đến cảng lô hàng sẽ bị thu giữ. Nếu hàng bị nhiễm bẩn sau khi đã làm thủ tục hải quan và dỡ hàng, lô hàng đó cũng sẽ bị tịch thu hoặc thu hồi như đối với các lô hàng sản xuất trong nước.

Chi tiết các tiêu chuẩn vệ sinh của FDA đối với các cơ sở, phương tiện liên quan đến thực phẩm được công bố trong Current Good Manufacturing Practice Regulations. Trang web của FDA http://www.fda.gov/cder/dmpq/ đăng tải đầy đủ các thông tin về các yêu cầu này.

Xử lý đối với thực phẩm khuyết tật

Không có các qui định cụ thể về độ bẩn cho phép trong thực phẩm. FDCA coi thực phẩm bị kém phẩm chất nếu trong thực phẩm có chất bị nhiễm bẩn, bị phân huỷ, thối rữa

toàn bộ hoặc từng phần. Tuy nhiên, sản phẩm không bị coi là có chất bẩn, nếu các tạp chất này ở dưới mức tối thiểu sau khi đã dùng mọi biện pháp phòng trừ. FDA quy định các mức xử lý đối với khiếm khuyết trong thực phẩm qua mức độ nhiễm bẩn để quản lý an toàn thực phẩm. Các mức này được quy định sao cho không gây hại sức khoẻ và có thể được FDA thay đổi. Bất kỳ sản phẩm nào có thể gây hại cho người tiêu dùng, hoặc được sản xuất trong điều kiện vi phạm các quy định của Current Good Manufacturing Practice Regulations đều sẽ bị xử lý, dù cho có vượt quá mức khiếm khuyết cho phép hay không. Trang web http://vm.cfsan.fda.gov/ của FDA cung cấp đầy đủ các thông tin về lĩnh vực này.

Dư lượng thuốc trừ sâu trong nông sản thô

"Nông sản thô" là bất kỳ thực phẩm nào ở dạng thô và tự nhiên, bao gồm hoa quả, rau, hạt, củ,... chưa qua chế biến. Các thực phẩm đã được rửa, nhuộm phẩm màu, phủ sáp, hoặc đã được xử lý như thế nào đó ở dạng tự nhiên, chưa bóc vỏ, cũng được coi là chưa qua chế biến. Giới hạn cho phép (tolerance) các dư lượng thuốc trừ sâu đối với các sản phẩm cụ thể do Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) quy định, huỷ bỏ hoặc thay đổi tuỳ theo khả năng có thể xác định các giới hạn này. Phần 408 của luật FDCA liệt kê các giới hạn đang hiện hành. Nông sản thô có dư lượng thuốc trừ sâu bị coi là vi phạm luật FDCA, trừ khi: (1) các hóa chất trừ sâu đã được loại trừ ra khỏi danh mục kiểm tra dư lượng; hoặc (2) dư lượng không vượt quá giới hạn cho phép đối với thực phẩm đó.

Thực phẩm chế biến có chứa bất kỳ dư lượng thuốc trừ sâu nào không được loại trừ hoặc chưa có giới hạn nào được quy định đều bị coi là hàng kém phẩm chất. Nếu đã có một giới hạn, dư lượng thuốc trừ sâu không bị coi là làm ảnh hưởng đến phẩm chất của sản phẩm ăn-ngay-được, nếu dư lượng này không vượt quá giới hạn cho phép đối với nông

sản thô đó. Trong trường hợp nhập khẩu thực phẩm có thể còn dư lượng thuốc trừ sâu, người nhập khẩu cần liên hệ với Division of Regulatory Guidance của FDA (xem địa chỉ ở cuối) về các giới hạn thuốc trừ sâu cho phép. Chúng tôi sẽ giới thiệu kỹ hơn về vấn đề này trong mục hướng dẫn xuất khẩu nông sản.

Sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thuỷ sản

FDA cho biết thông thường ở nhiều nước khác trong nuôi trồng thuỷ sản trừ những loại kháng sinh bị cấm còn các loại kháng sinh khác đều được phép sử dụng. Ngược lai, ở Hoa Kỳ, trừ những loại kháng sinh được phép sử dụng còn lại tất cả các loại kháng sinh khác đều bị cấm. ở nước này, hiện nay chỉ có 6 loại kháng sinh được phép sử dụng. FDA còn chỉ rõ các loại kháng sinh đó do công ty dược phẩm nào cung cấp và qui định cụ thể đối tương, điều kiện và cách thức sử dụng của từng loại. Sáu loại kháng sinh đó là: chorionic gonadotropin, formalin solution, tricaine methanesulfonate, oxytetracyline, sulfamerazine và hỗn hợp sulfadimethoxine/ormetoprim.

Ngoài ra, FDA còn có một danh mục 18 thứ khác không phải kháng sinh hiện đang được phép sử dụng trong nuôi trồng thuỷ sản. Danh mục này gồm: axít axêtic, calcium chloride, calcium oxide, carbon dioxide gas, fuller's earth, tỏi (cả củ), hydrogen peroxide, nước đá, magnesium sulfate, hành (cả củ), papain, potassium chloride, povidone iodine, sodium bicarbonate, sodium chloride, sodium sulfite, thiamine hydrochloride, axít urea và tannic.

Trang web http://www.fda.gov/cvm/default.html của FDA có đầy đủ thông tin về các loại thuốc kháng sinh và các thứ khác được phép sử dụng cũng như mục đích, điều kiện và liều lượng sử dụng trong nuôi gia súc, gia cầm và thuỷ sản.

Ngoài những qui định mang tính pháp lý do nhà nước ban hành, còn có một số qui chuẩn tự nguyện do một số tổ chức phi chính phủ có ảnh hưởng đưa ra. Ví dụ, Liên minh nuôi trồng thuỷ sản toàn cầu (Global Aquaculture Alliance - GAA) đã xây dựng Qui tắc thực hành trong nuôi tôm nhằm tăng cường trách nhiệm của người sản xuất đối với an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường (thông tin về Qui tắc này có tại trang web: http://www.gaalliance.org/code.html) hay Marine Stewardship Council (MSC) đã đưa ra nguyên tắc và tiêu chuẩn đối với đánh bắt cá tự nhiên nhằm duy trì sự phát triển bền vững của nguồn thuỷ sản này. Một số tập đoàn bán lẻ thực phẩm như Wal-Mart hay Mc Donald... đã bắt đầu áp dụng những qui tắc này trong nhập khẩu thuỷ sản; do vậy, mặc dù là qui chuẩn tự nguyện song do người nhập khẩu yêu cầu nên những qui chuẩn đó cũng coi như là bắt buộc.

Luật Bảo vệ Chất lượng Thực phẩm

Luật Bảo vệ Chất lượng Thực phẩm (FQPA) 1996 đặt ra các tiêu chuẩn chặt chẽ về dư lượng thuốc trừ sâu trong tất cả các loại thực phẩm để bảo vệ sức khỏe con người. Luật sử dụng nguyên tắc "các chuẩn mực hợp lý không gây nguy hại" làm tiêu chuẩn an toàn chung. FDA có thể phạt dân sự đối với các vi phạm giới hạn cho phép. Theo điều khoản "quyền được biết", Luật công nhận quyền của các bang được yêu cầu cảnh báo hoặc phải ghi trên nhãn là thực phẩm có dùng thuốc trừ sâu. Luật FQPA có ảnh hưởng tới 2 luật liên bang chính mà EPA lấy làm căn cứ để quản lý dư lượng thuốc trừ sâu. Hai luật đó là Luật về thuốc trừ sâu (Federal Insecticide, Fungicide and Rodenticide Act - FIFRA) và Luật liên bang và thực phẩm, dược phẩm, và mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FDCA).

Phụ gia thực phẩm

Theo luật FDCA bất kỳ chất nào được sử dụng trong sản xuất, chế tạo, đóng gói, chế biến, xử lý, bao gói, vận chuyển, hoặc lưu giữ thực phẩm, đều có thể được coi là phụ

gia thực phẩm. Các chất được loại trừ: (1) các chất được các chuyên gia công nhận là an toàn; (2) các chất được sử dụng phù hợp với phê chuẩn trước đó của FDA theo Luật Kiểm tra Sản phẩm Gia cầm (Poultry Products Inspection Act - PPIA), hoặc Luật Kiểm tra Thịt (Meat Inspection Act - MIA); (3) hóa chất trừ sâu có trong hoặc trên nông sản thô; (4) phụ gia màu; hoặc (5) các loại thuốc thú y mới. Các mục 3, 4, 5 được loại trừ khỏi điều luật này vì chúng chịu sự điều tiết của những yêu cầu về an toàn tương tự được qui định trong các điều khác của Luật.

Nếu người nhập khẩu hoặc xuất khẩu nước ngoài không chắc chắn là các hóa chất hoặc các thành phần có trong thực phẩm của mình có phải tuân thủ những yêu cầu an toàn đối với phụ gia thực phẩm hay không, thì có thể liên hệ với FDA để hỏi. Các nguyên tắc chung để chuẩn bị nội dung hỏi về phụ gia thực phẩm được qui định trong điều luật 21CFR171. Việc phê chuẩn của FDA trước khi đưa ra thi trường đối với chất phụ gia được tiến hành qua các nghiên cứu và thí nghiệm khoa học. Khi FDA phê duyệt trước khi đưa hàng vào lưu thông trên thị trường đối với một chất phụ gia, FDA cũng đồng thời đưa ra các quy định cho phép và giới hạn sử dụng chất phụ gia đó trong thực phẩm. Một chất được phép sử dụng theo các quy định về phụ gia thực phẩm vẫn phải tuân thủ tất cả các quy định chung của Luật FDCA.

Quy định về phụ gia thực phẩm (21CFR180) liệt kê các thực phẩm được phép dùng, và liều lượng được dùng chất ngọt nhân tạo. Nếu sản phẩm có dùng chất ngọt nhân tạo thì phải ghi trên nhãn hàng là thực phẩm ăn kiêng đặc biệt. Các sản phẩm có dùng chất saccharine cần có lời cảnh báo: "sử dụng sản phẩm này có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Sản phẩm này có chứa saccharine được thí nghiệm trên động vật là có thể gây ung thư". Muốn biết thêm thông tin về phụ gia thực phẩm, đề nghị liên hệ FDA.

Tiêu chuẩn thực phẩm

Quy định 21CFR 103-169 nêu chi tiết các tiêu chuẩn thực phẩm của FDA. Tiêu chuẩn về phân biệt sản phẩm (standards of identify) định nghĩa các loại thực phẩm, xác định tên gọi, các thành phần và các yêu cầu về nhãn mác. Tiêu chuẩn về chất lượng (standards of quality) là các tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng trên mức yêu cầu theo luật FDCA. Không nên lẫn lộn các tiêu chuẩn chất lượng của FDA với các phẩm cấp sản phẩm nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) và các phẩm cấp thuỷ sản của Bộ Nội Vụ (USDI). Tiêu đóng chai (fill-of-container standards) qui định phải đóng đầy đến mức nào và cách đo như thế nào.

Nếu nhập khẩu một loại thực phẩm đã có tiêu chuẩn phân biệt sản phẩm được ban hành, thì phải tuân theo mọi quy cách nêu trong tiêu chuẩn đó. Nếu thực phẩm nhập khẩu không đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và tiêu chuẩn đóng chai, bạn cần ghi trên nhãn hàng là hàng thấp hơn tiêu chuẩn (substandard). FDA không yêu cầu ghi phẩm cấp của USDA hoặc USDI trên nhãn hàng thực phẩm, nhưng nếu trên nhãn hàng có ghi các phẩm cấp này thì sản phẩm phải phù hợp với các quy cách của phẩm cấp đó. Điều kiện "Funcy" hoặc "Grade A" chỉ được ghi trên nhãn hàng của các sản phẩm thoả mãn các quy cách của USDA đối với phẩm cấp đó. Muốn biết thêm thông tin, đề nghị liên hệ FDA.

Cảnh báo nhập khẩu và tự động giữ hàng

FDA đã áp dụng hình thức "Cảnh báo Nhập khẩu" để cung cấp thông tin và cảnh báo cho các nhân viên của mình ở các cửa khẩu về một số loại sản phẩm có nguy cơ gây hại nhằm quản lý chặt chẽ hơn nhập khẩu. Trong một số trường hợp, các sản phẩm bị nêu trong Cảnh báo Nhập khẩu có thể tự động bị giữ lại tại cảng đến, và không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ cho đến khi người giao hàng hoặc người

nhập khẩu chứng minh là sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn của FDA.

Việc tự động giữ hàng tại cảng đến thường chỉ căn cứ vào tiền sử và/hoặc dựa trên các nguồn thông tin khác là sản phẩm có thể gây hại hoặc vi phạm các quy định của FDA. Có trường hợp FDA đưa tất cả một loại sản phẩm nhập khẩu từ một nước, hoặc nhiều nước, hay một vùng nào đó của một nước vào hệ thống tự động giữ hàng khi nhận thấy các vi phạm an toàn thực phẩm có tính chất phát triển theo địa lý khu vực. Việc giữ tự động theo kiểu này ít khi xảy ra, và chỉ được áp dụng nếu mọi phương cách giải quyết khác đều không mang lại kết quả.

Theo hướng dẫn tác nghiệp của FDA, trong vòng 6 tháng, nếu phát hiện thấy có 12 lô hàng cùng loại nhập khẩu từ một nước vi phạm qui định an toàn thực phẩm của FDA thì tất cả loại hàng đó nhập khẩu từ nước đó sẽ bị đưa vào diện cảnh bảo nhập khẩu và tự động giữ hàng để kiểm tra 100% trước khi quyết định có cho phép nhập khẩu hay không.

Cảnh báo và tự động giữ hàng đã từng xảy ra. Đồ gốm sứ dùng đựng đồ ăn thức uống từ ít nhất 8 nước đã bị tự động giữ lại tại cảng đến do có thể bị nhiễm chất chì. Cá Kiếm từ tất cả các nước đã bị tự động giữ lại do nhiều lần phát hiện có nồng độ thuỷ ngân cao. Nấm đóng hộp từ Trung Quốc bị tự động giữ lại do phát hiện có chứa khuẩn cầu (staphyloccal) đã nhiều lần gây ngộ độc thực phẩm ở Trung Quốc.

Những thông tin về cảnh báo nhập khẩu có đăng trên trang web của FDA (www.fda.gov). Bộ phận có trách nhiệm cung cấp thông tin và giải đáp các thắc mắc liên quan đến tự động giữ hàng, cảnh báo nhập khẩu, hoặc các bản tin về chính sách nhập khẩu là Division of Import Operation (DIOP) của FDA có địa chỉ tại HFC-170, 5600 Fisher Lane, Rockville, MD 20857.

Kiểm tra trước hàng hóa

Về nguyên tắc, FDA không phân tích sản phẩm nhập khẩu trước khi hàng đến cảng đến để cho chủ hàng biết sản phẩm có đảm bảo tiêu chuẩn nhập khẩu theo qui định của pháp luật vào Hoa Kỳ hay không. Để tránh rủi ro hàng đến cảng nhưng không được FDA cho phép nhập khẩu vào thị trường do không đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật, chủ hàng có thể thuê một cơ sở kiểm tra chất lượng hàng hóa tư nhân thông thạo luật lệ của FDA để phân tích sản phẩm trước khi ký hợp đồng.

FDA cũng sẽ không cho chủ hàng biết trước nhãn hàng (label) trên hàng hóa có đảm bảo các yêu cầu của pháp luật hay không. Có rất nhiều yêu cầu về thông tin ghi trên nhãn hàng của sản phẩm như đã giới thiệu ở phần trên; do vậy, đối với những sản phẩm lần đầu nhập khẩu vào Hoa Kỳ, chủ hàng chưa có kinh nghiệm có thể phải sử dụng các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực này.

Lời khuyên: *Để tránh tranh chấp xảy ra giữa người xuất khẩu và người nhập khẩu trong trường hợp hàng đến cảng không đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và bị từ chối nhập khẩu hoặc phải tái chế, trong hợp đồng xuất nhập khẩu cần phải qui định rõ và chi tiết về qui cách, chất lượng, và ghi nhãn hàng hóa. Để đảm bảo lợi ích của người xuất khẩu, trong hợp đồng cũng nên có qui định người xuất khẩu được miễn trách trong trường hợp hàng giao đúng với hợp đồng và/hoặc theo hướng dẫn của người nhập khẩu nhưng vẫn bị FDA từ chối không cho phép nhập khẩu vào thị trường.*

Kiểm nghiệm và cho phép trước khi đưa hàng vào lưu thông trên thị trường

Luật FDCA và PHSA yêu cầu các nhà sản xuất, đối với một số sản phẩm tiêu dùng nhất định, trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường phải chứng minh là đáp ứng các yêu cầu của luật pháp về an toàn, hiệu quả, và có nhãn phù hợp.

Các chất đưa vào chế biến thực phẩm phải "được coi là an toàn", "được thừa nhận" hoặc được phê duyệt phù hợp các quy định của FDA, dựa trên các số liệu khoa học. Mẫu các chất phẩm mầu phải được kiểm nghiểm và chứng nhận tại các phòng thí nghiệm của FDA. Dư lượng các hóa chất trừ sâu trong thực phẩm không được vượt quá tỷ lệ an toàn theo quy định của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) và theo sự quản lý của FDA. Các yêu cầu kiểm tra trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường này, là dựa trên các dữ liệu khoa học do các nhà sản xuất cung cấp và được các nhà khoa học của Chính phủ Hoa Kỳ xem xét và chấp thuận. Nếu cần thêm các thông tin liên quan đến trách nhiệm của người nhập khẩu, bạn có thể liên hệ các chuyên viên Bioresearch Monitoring Staff của FDA.

Lưu thông hàng hóa trên thị trường

Có thể có hàng thực phẩm nhập khẩu nào đó vi phạm các quy định theo luật pháp Hoa Kỳ lọt được vào thị trường không qua kiểm tra của FDA (Trong thực tế FDA chỉ kiểm tra xắc suất chứ không kiểm tra tất cả các lô hàng). Điều này không có nghĩa là lô hàng đó trở thành hợp pháp theo luật Hoa Kỳ. Việc đưa một lô hàng thực phẩm vi phạm các quy định của luật pháp vào lưu thông tại Hoa Kỳ có thể mang lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. FDA định kỳ kiểm tra các cơ sở sản xuất, phân phối và các mặt hàng thực phẩm đang lưu thông trên thị trường, để đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật FDCA. Người vi phạm các quy định của Luật FDCA sẽ bị phạt tiền hoặc bị tù. Các sản phẩm bị phát hiện vi phạm phải được thu hồi ngay lập tức hoặc bị tòa án tịch thu.

Việc thu hồi lô hàng vi phạm có thể là tự nguyện, hoặc có thể theo lệnh của FDA. Người kinh doanh có thể tự đề nghị thu hồi sản phẩm bằng cách liên hệ với văn phòng FDA gần nhất. Các hướng dẫn về trách nhiệm của người sản xuất và các thủ tục đối với việc thu hồi hàng hóa có thể xem trong điều luật 21 CFR7. Tuy nhiên, người vi phạm tự

nguyện thu hồi sản phẩm không có nghĩa là được miễn trách đối với vi phạm đó.

Tịch thu hàng là một hành vi của tòa án dân sự để đưa hàng đó ra khỏi lưu thông phân phối. Nếu hàng bị tịch thu, người kinh doanh có thể (1) từ bỏ hàng để tòa án tuỳ ý giải quyết; (2) khiếu kiện việc tịch thu của chính phủ (tức là khởi kiện một vụ án); hoặc (3) yêu cầu được phép sửa chữa, tái chế hàng để phù hợp với quy định. Hàng hóa bị tịch thu sẽ không được sửa đổi, di chuyển, hoặc sử dụng mà không được phép của tòa án. Đồng thời người kinh doanh phải chịu trách nhiệm đối với các chi phí phát sinh do hàng bị tịch thu.

Ngoài FDA, chính quyền các bang cũng có thể cấm lưu thông trong bang tạm thời và có thời hạn để kiểm tra một loại thực phẩm nào đó khi họ có thông tin loại thực phẩm đó vi phạm qui định an toàn thực phẩm áp dụng tại bang. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy hàng không vi phạm thì lệnh cấm tạm thời sẽ được dỡ bỏ và hàng sẽ được phép lưu thông trở lại bình thường. Ngược lại, nếu hàng vi phạm thì những hàng hóa còn lại trong kho sẽ bị tịch thu và tiêu huỷ, và lệnh cấm sẽ được kéo dài cho đến khi người cung cấp chứng minh được hàng không còn vi phạm nữa.

Tháng 8/2005, sau khi FDA phát hiện một số lô phi lê cá Basa đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam có dư lượng kháng sinh gốc Flouroquinolones, các Bang Lousiana, Mississippi, và Alabama đã ra lệnh cấm lưu thông tạm thời tất cả thủy sản Việt Nam (ở Lousiana) và cá Basa (ở Mississippi và Alabama) để kiểm tra. Sau khi kiểm tra và khẳng định có dư lượng kháng sinh bị cấm, tất cả số phi lê cá Basa của Việt Nam đang được lưu thông trên thị trường các bang này đã bị tịch thu và tiêu hủy.

Phẩm mầu thực phẩm

Phẩm mầu thực phẩm có thể là thuốc nhuộm, chất nhuộm, hoặc các chất khác, được sản xuất tổng hợp hay bào chế từ thực vật, động vật, khóang sản, hoặc các nguồn khác mà tạo ra màu khi được trộn vào hoặc phủ trên thực phẩm. Thực phẩm chứa các chất phẩm màu chưa được xác nhận là an toàn đối với một mục đích sử dụng nhất định theo các điều kiện của FDA thì bị coi là giả, kém phẩm chất theo Luật FDCA. Danh mục các chất phẩm màu đã được phê duyệt và các điều kiện sử dụng an toàn, trong đó có nêu cả liều lượng sử dụng, được nêu trong điều luật 21 CFR 73, 74 và 81.

Trừ những trường hợp được phép đặc biệt, tất cả các loại phẩm mầu phải được FDA kiểm tra và chứng nhận trước khi đưa vào chế biến thực phẩm. Việc chứng nhận của FDA không giới hạn riêng đối với các nhà sản xuất Hoa Kỳ. FDA có thể xem xét chứng nhận theo yêu cầu của nhà sản xuất nước ngoài, nếu có đơn yêu cầu chứng nhận của người sản xuất nước ngoài hoặc của người đại diện tại Hoa Kỳ. Việc chứng nhận chất phẩm mầu do một cơ quan nước ngoài tiến hành không được chấp nhận thay thế cho chứng nhận của FDA. Nếu cần, người kinh doanh có thể gửi yêu cầu chứng nhận phẩm mầu hay yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục chứng nhận cho Phòng kỹ thuật mầu (Division of Color Technology) thuộc FDA.

Thực phẩm đóng hộp

Các cơ sở sản xuất và xuất khẩu nước ngoài nếu muốn xuất khẩu các loại thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axít thấp và thực phẩm axít hóa phải đăng ký và thông báo với FDA về qui trình sản xuất đối với từng loại sản phẩm của mình trước khi giao hàng sang Hoa Kỳ, nếu không hàng đến cảng sẽ không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Sau

khi đăng ký, FDA sẽ cấp cho cơ sở sản xuất Số Đăng ký Cơ sở Đóng hộp Thực phẩm (FCE No) và ghi tên cơ sở trong danh sách các cơ sở nước ngoài đã đăng ký với FDA. Các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ có thể yêu cầu FDA cung cấp danh sách này để họ liên hệ hoặc có căn cứ để ký hợp đồng nhập khẩu.

Tuy nhiên, hàng thuộc diện phải đăng ký theo qui định này vẫn phải chịu sự kiểm tra của FDA tại cảng đến Hoa Kỳ theo Luật FDCA trước khi được phép nhập khẩu vào thị trường.

Thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axít thấp là những sản phẩm như đậu xanh, nấm, và cá ngừ được đóng trong hộp hàn kín có độ pH lớn hơn 4,6 và hoạt nước (water activity) lớn hơn 0,85. Thực phẩm được axít hóa là các loại thực phẩm có hàm lượng axít thấp được bổ xung axít để giảm độ pH xuống 4,6 hoặc thấp hơn. Trong trường hợp cơ sở sản xuất không rõ sản phẩm của mình có phải là sản phẩm có hàm lượng axít thấp hoặc axít hóa hay không thì có thể viết thư hỏi FDA theo địa chỉ: Regulatory Food Procesing and Technology Branch (HFS 617), 200 C Street, SW, Washington, DC. 20204.

Mục đích của việc đăng ký này là nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm tránh tác hại của các loại vi khuẩn gây hại hoặc các độc tố của chúng, đặc biệt là loại khuẩn C (C botulinum) có thể gây chết người. Thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axít thấp là môi trường rất thuận lợi cho khuẩn C phát triển. Thực phẩm được chế biến theo những phương pháp và qui trình thích hợp sẽ tránh được sự phát triển của loại khuẩn này. Theo FDA, khi sản phẩm được axít hóa đến độ pH 4,6 hoặc thấp hơn thì có thể đảm bảo ngăn chặn được sự phát triển của khuẩn C.

Các cơ sở sản xuất nước ngoài có thể tiến hành đăng ký trực tiếp với FDA bằng cách điền các thông tin vào các biểu mẫu của FDA và gửi đến cho FDA hoặc uỷ nhiệm cho người nhập khẩu tại Hoa Kỳ đăng ký với FDA. Trong trường hợp uỷ nhiệm cho đại diện tại Hoa Kỳ đăng ký thì trong bộ hồ sơ đăng ký gửi FDA phải kèm theo thư uỷ nhiệm đăng ký của cơ sở sản xuất nước ngoài. FDA khuyến nghị các cơ sở sản xuất trực tiếp điền các biểu mẫu đăng ký vì đôi khi đại lý không hiểu hết qui trình sản xuất của cơ sở. Trong trường hợp các biểu mẫu do đại lý điền thì cơ sở sản xuất phải kiểm tra và chuẩn y các thông tin điền trong các biểu mẫu trước khi gửi đến cho FDA.

Mẫu đăng ký cơ sở sản xuất số FDA 2541, và các mẫu báo cáo qui trình sản xuất số FDA 2541a (đối với tất cả các phương pháp trừ hệ thống đóng gói axít thấp vô trùng) và số FDA 2541c (đối với hệ thống đóng gói axít thấp vô trùng) có thể in từ trang web của FDA tại địa chỉ: http://www.cfsan.fda.gov/. Các cơ sở cũng có thể gửi email cho Cơ quan đăng ký LACF, (HFS-618), Regulatory Food Procesing and Technology Branch, Division of HACCP programs, Center for Food Safety and applied Nutrition, địa chỉ: 200 C Street, SW, Washington, DC 20204 để yêu cầu cơ quan này gửi các mẫu biểu đăng ký qua đường bưu điện.

Các nhà chế biến và xuất khẩu thực phẩm có hàm lượng axít thấp hoặc axít hóa có thể tránh được bị chậm trễ trong khâu làm thủ tục nhập khẩu vào Hoa Kỳ bằng cách đảm bảo trong hóa đơn, menifest tầu và các chứng từ giao hàng khác có các thông tin sau:

- Tên và địa chỉ của cơ sở chế biến như đã đăng ký với FDA;
- Số đăng ký với FDA của cơ sở;

- (Các) mã số (SID) của (các) mẫu biểu đăng ký qui trình sản xuất liệt kê (các) qui trình đã đăng ký với FDA cho sản phẩm liên quan;
- Tên sản phẩm, hình thức hoặc kiểu, và môi trường đóng gói (như in trên nhãn hộp và liệt kê trên mẫu đăng ký). Ví dụ như: Mushroom (sliced) in butter sauce hoặc Tuna (chunk type) in oil;
- Ghi cả tên tiếng Anh và không phải tiếng Anh (nếu có) giống như trên nhãn hàng;
- Loại hộp đựng;
- Kích thước hộp đối với từng loại hoặc cỡ hộp tính bằng inch và 1/16 inch.

Lời khuyên: *Các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và muốn xuất khẩu sang Hoa Kỳ những mặt hàng thực phẩm đóng hộp có hàm lượng axít thấp và thực phẩm axít hóa phải và nên đăng ký sớm với FDA. Việc đăng ký này không những đảm bảo về mặt pháp lý hàng được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ mà còn là hình thức để giới thiệu cơ sở với người nhập khẩu Hoa Kỳ. Vì như đã nói ở trên, các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ có thể yêu cầu FDA cung cấp danh sách các cơ sở nước ngoài đã đăng ký với FDA để họ liên hệ hoặc có căn cứ để ký hợp đồng nhập khẩu.*

Sơ đồ thủ tục nhập khẩu thực phẩm vào Hoa Kỳ

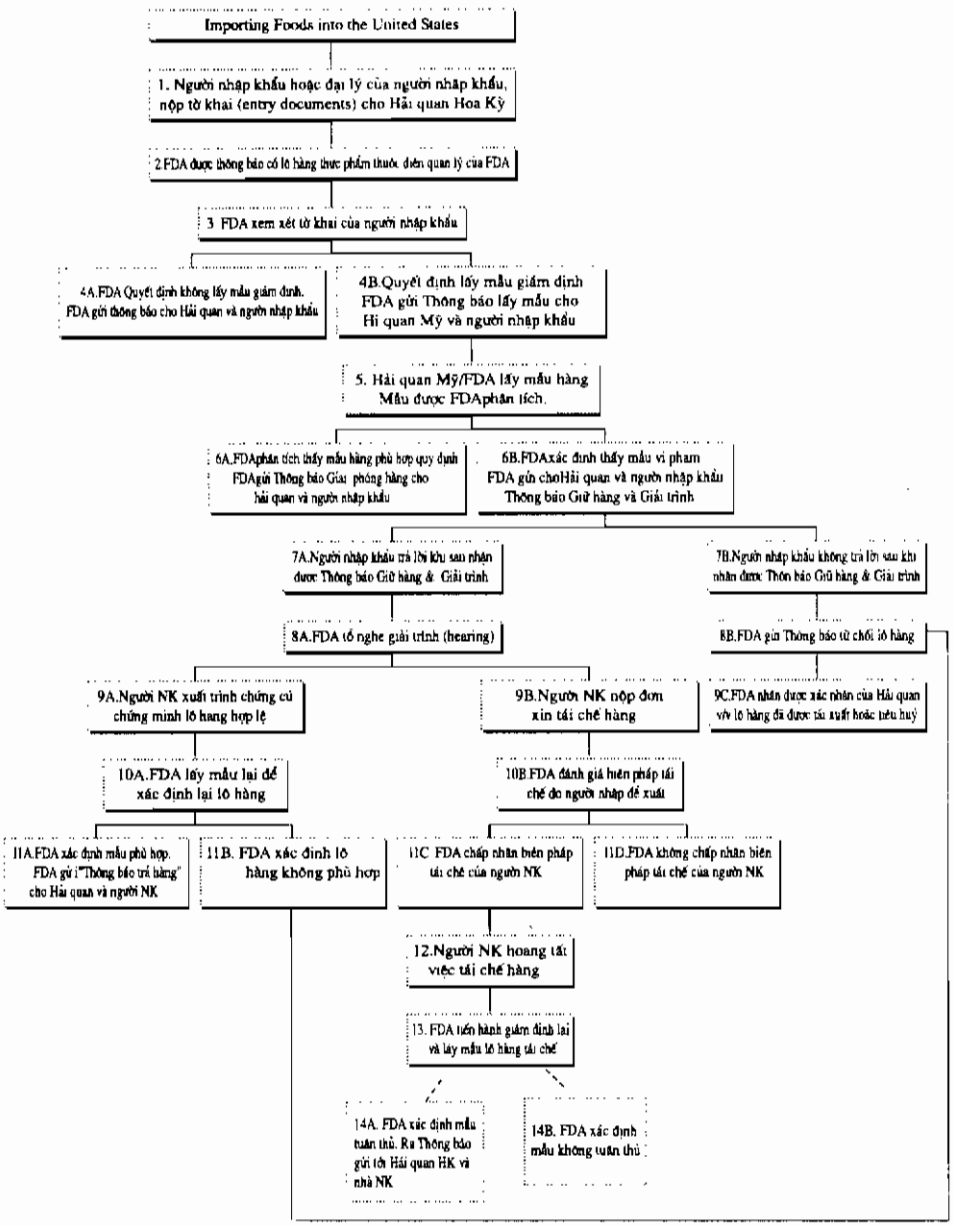

Giải thích sơ đồ thủ tục nhập khẩu thực phẩm

1. Người nhập khẩu hoặc đại lý của người nhập khẩu nộp tờ khai hải quan (entry documents) cho Hải quan trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày hàng đến cảng.

2. Hải quan thông báo cho FDA về lô hàng thực phẩm thuộc diện quản lý của FDA.

3. FDA xem xét tờ khai của người nhập khẩu để xác định xem có cần kiểm tra thực tế, kiểm tra tại cầu cảng, hoặc kiểm tra mẫu hay không.

4. 4A. Nếu FDA quyết định không lấy mẫu kiểm tra, FDA sẽ gửi "Thông báo có thể giải phóng hàng" cho Hải quan và người nhập khẩu. Đến đây thủ tục nhập khẩu đối với FDA coi như là xong.

   4B. FDA quyết định lấy mẫu kiểm tra dựa trên:

   - Bản chất của mặt hàng
   - Sự quan tâm của FDA, và
   - Tiền lệ của mặt hàng đó.

   FDA sẽ gửi Thông báo lấy mẫu cho Hải quan và người nhập khẩu. Lô hàng sẽ được giữ nguyên chờ thông báo tiếp theo của FDA.

5. FDA lấy mẫu hàng. Mẫu sẽ được gửi đến phòng thí nghiệm khu vực của FDA để phân tích.

6. 6A. Nếu kết quả kiểm tra mẫu hàng phù hợp với quy định, FDA sẽ gửi "Thông báo Giải phóng hàng" cho Hải quan và người nhập khẩu.

   6B. Nếu FDA kết luận lô hàng có dấu hiệu vi phạm luật FDCA và các luật có liên quan khác, FDA sẽ gửi cho Hải quan và người nhập khẩu "Thông báo giữ hàng và giải trình", trong đó:

- Nêu rõ tính chất vi phạm, và
- Cho phép người nhập khẩu trong vòng 10 ngày làm việc để giải trình

Giải trình là cơ hội duy nhất để người nhập khẩu đưa ra các chứng cứ chứng minh lô hàng hợp lệ.

7. 7A. Người nhận hàng, chủ hàng, người đứng tên nhập khẩu, hoặc đại diện được uỷ quyền trả lời Thông báo giữ hàng và giải trình. Giải trình có thể qua gặp gỡ và trình bầy trực tiếp hay bằng văn bản.

   7B. Người nhận hàng, chủ hàng, người đứng tên nhập khẩu, hoặc đại diện được uỷ quyền không trả lời Thông báo giữ hàng và giải trình và cũng không xin phép gia hạn thời gian giải trình.

8. 8A. Trong trường hợp 7A, FDA tổ chức nghe hoặc xem giải trình để xem xét việc cho phép nhập lô hàng. Đây là dịp để người nhập khẩu chứng minh lô hàng hợp lệ và đưa ra các tài liệu liên quan.

   8B. Trong trường hợp 7B, FDA sẽ gửi "Thông báo không cho phép nhập hàng" cho người nhập khẩu. Bản sao thông báo này sẽ được gửi tới tất cả các bên có liên quan khác.

9. 9A. Khi giải trình, người nhập khẩu xuất trình các bằng chứng nhằm chứng minh lô hàng phù hợp. Người nhập khẩu có thể xuất trình các kết quả phân tích mẫu có xác nhận của một phòng thí nghiệm tin cậy nào đó chứng minh lô hàng hợp lệ theo các hướng dẫn đã công bố về mức độ nhiễm bẩn và khuyết tật trong thực phẩm dành cho người.

   9B. Nếu thừa nhận hàng có vi phạm, người nhập khẩu có thể nộp đơn xin phép tái chế hoặc sửa chữa để làm cho lô hàng phù hợp với quy định bằng cách dán lại nhãn hoặc có biện pháp xử lý nào đó, hoặc

chuyển đổi thành sản phẩm không dùng làm thực phẩm. Trong đơn xin tái chế phải nêu rõ chi tiết phương pháp tái chế hàng.

9C. Trong trường hợp 8B, FDA sẽ nhận được xác nhận của Hải quan lô hàng đã được tái xuất hoặc tiêu huỷ. Việc tái xuất hoặc tiêu huỷ lô hàng nêu trong "Thông báo không cho phép nhập hàng" phải được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Hải quan.

10. 10A. Trong trường hợp 9A, FDA sẽ lấy thêm mẫu để kiểm tra lại và xác định lô hàng có phù hợp hay không.

10B. Trong trường hợp 9B, FDA đánh giá biện pháp tái chế do người nhập khẩu đề xuất. Người nhập khẩu phải đặt cọc bond để trả các chi phí liên quan đến lô hàng.

11. 11A. Trong trường hợp 10A, sau khi kiểm tra thêm mẫu, nếu FDA xác định mẫu hàng phù hợp. FDA sẽ gửi cho Hải quan và người nhập khẩu "Thông báo giải phóng hàng".

11B. Trong trường hợp 10A, sau khi kiểm tra thêm mẫu, FDA vẫn khẳng định mẫu hàng không phù hợp. Người nhập khẩu có thể nộp đơn xin phép tái chế hoặc xử lý hàng (như ở mục 9B trên), hoặc FDA sẽ gửi "thông báo không cho phép nhập hàng" (như ở mục 8B trên).

11C. FDA chấp nhận biện pháp tái chế của người nhập khẩu. Trong thông báo chấp nhận sẽ ghi "Lô hàng phải được giữ nguyên cho đến khi nhận được thông báo giải phóng hàng của FDA.

11D. FDA không chấp nhận biện pháp tái chế, nếu theo kinh nghiệm trước đó cho thấy biện pháp đó không thành công. Đơn xin tái chế lần thứ hai và

cũng là lần cuối, chỉ được xem xét nếu biện pháp tái chế có những thay đổi đáng kể để đảm bảo khả năng tái chế thành công.

12. Người nhập khẩu hoàn tất tái chế và thông báo FDA là hàng đã sẵn sàng để giám định/ hay lấy mẫu lại.

13. FDA tiến hàng giám định / hoặc lấy mẫu để xác định lô hàng có phù hợp các điều kiện khi xin phép tái chế không.

14. 14A. Phân tích của FDA xác nhận lô hàng phù hợp. FDA sẽ gửi "Thông báo giải phóng hàng" cho người nhập khẩu và Hải quan. Các chi phí liên quan đến việc giám sát của FDA sẽ được gửi cho Hải quan để thu tiền cùng với các chi phí liên quan của Hải quan.

    14B. Phân tích của FDA cho thấy lô hàng vẫn không phù hợp, FDA sẽ ra thông báo không cho phép nhập hàng. Các chi phí liên quan đến việc giám sát của FDA cũng sẽ được gửi cho Hải quan để thu tiền cùng với các chi phí liên quan của Hải quan.

Đăng ký cơ sở sản xuất theo Luật chống khủng bố sinh học

Luật an ninh y tế và sẵn sàng đối phó với khủng bố sinh học năm 2002 (Public Health Security and Bioterrorism Preparedness and Response Act of 2002), thường gọi tắt là Luật chống khủng bố sinh học (the Bioterrorism Act), do Tổng thống Hoa Kỳ G.W. Bush ký ngày 12/6/2002 đã chỉ định và giao quyền cho Bộ trưởng Y tế tiến hành các biện pháp cần thiết để đối phó với nguy cơ khủng bố sinh học nhằm vào nguồn cung thực phẩm cho Hoa Kỳ.

Để thực hiện Luật này, ngày 10/10/2003, FDA đã ban hành quy định tạm thời yêu cầu và hướng dẫn các sở sản

xuất/chế biến, đóng gói, hoặc bảo quản thực phẩm dành cho người và động vật tại Hoa Kỳ đăng ký với FDA. Trong trường hợp có nguy cơ hoặc xảy ra khủng bố sinh học hoặc phát sinh bệnh tật do thực phẩm gây ra, các thông tin đăng ký cơ sở sẽ giúp cho FDA xác định địa điểm và nguồn gốc phát sinh và thông báo nhanh chóng đến các cơ sở có thể bị ảnh hưởng.

Sau một thời gian thực hiện thử, ngày 28/9/05, Bộ Y tế và Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ đã cùng thông qua chính thức hướng dẫn đăng ký cơ sở sản xuất và cung ứng thực phẩm theo Luật chống khủng bố sinh học. Nội dung hướng dẫn chính thức không có gì khác so với nội dung hướng dẫn tạm thời đã ban hành.

Theo các hướng dẫn này, chỉ các cơ sở sản xuất/chế biến, đóng gói, hoặc bảo quản thực phẩm dành cho tiêu dùng ở Hoa Kỳ mới phải đăng ký. Thực phẩm thuộc diện phải đăng ký bao gồm các loại sau:

Tên sản phẩm bằng tiếng Anh	**Tên sản phẩm tạm dịch sang tiếng Việt**
Dietary supplements and dietary ingredients	Các thức để làm đồ ăn
Infant formula	Thức ăn cho trẻ sơ sinh
Beverages (including alcoholic beverages and bottled water)	Đồ uống (kể cả đồ uống có cồn và nước đóng chai)
Fruits and vegetables	Rau quả
Fish and seafood	Cá và các loại thuỷ sản
Dairy products and shell eggs	Các sản phẩm sữa và trứng
Raw agricultural commodities for use as food or components of food	Nông sản chưa chế biến dùng làm thực phẩm hoặc thành phần thực phẩm
Canned and frozen foods	Thực phẩm đóng hộp và đông lạnh
Bakery goods, snack food, and candy (including chewing gum)	Các loại bánh kẹo (kể cả kẹo cao su)
Live food animals	Động vật sống dùng làm thực phẩm
Animal feeds and pet food	Thức ăn gia súc và thực phẩm cho vật nuôi

Các chất có tiếp xúc với thực phẩm và thuốc trừ sâu không thuộc diện phải đăng ký theo qui định này.

Ai phải đăng ký?

Chủ sở hữu, người vận hành hoặc đại lý phụ trách của cơ sở sản xuất/chế biến, đóng gói, và bảo quản các loại thực phẩm dành cho người và gia súc tại Hoa Kỳ và tại các nước ngoài có xuất khẩu vào Hoa Kỳ phải làm thủ tục đăng ký cơ sở của mình với FDA. Cơ sở nước ngoài phải chỉ định một đại lý liên lạc tại Hoa Kỳ.

Những cơ sở nước ngoài nào không phải đăng ký?

- Các cơ sở của nước ngoài có sản phẩm tiêu thụ ở Hoa Kỳ nhưng không trực tiếp giao hàng vào Hoa Kỳ (hàng được chế biến tiếp và đóng gói tại một nước thứ ba trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ) không thuộc diện phải đăng ký.
- Tuy nhiên, nếu cơ sở sản xuất nước ngoài kế tiếp đó chỉ tiến hàng một vài hoạt động tối thiểu (ví dụ dãn nhãn) thì cả hai cơ sở đều phải đăng ký.
- Nếu hàng chuyển qua nước thứ ba trước khi vào Hoa Kỳ nhưng không qua chế biến hay thay đổi nhãn hiệu hàng hóa thì cả chủ cơ sở sản xuất và người giao hàng chuyển tải ở nước thứ ba đều phải đăng ký.

Số đăng ký có nghĩa như thế nào?

Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, FDA sẽ cấp cho cơ sở số đăng ký. Số đăng ký thể hiện chủ cơ sở đã đăng ký với FDA. Việc cấp số đăng ký không có nghĩa là FDA chấp thuận hoặc phê chuẩn cơ sở hoặc sản phẩm của cơ sở đăng ký.

Nội dung đăng ký gồm những gì?

- Tên, địa chỉ và số điện thoại của cơ sở và công ty mẹ (nếu có);
- Tên, địa chỉ số điện thoại của chủ, người vận hành, hoặc đại lý phụ trách;
- Tất cả các tên thương mại mà cơ sở sử dụng;
- Loại sản phẩm như phân loại trong qui định của FDA;
- Lời cam kết những thông tin cung cấp là đúng và chính xác và người nộp đăng ký (nếu không phải là chủ, người vận hành hoặc đại lý phụ trách) là người được ủy quyền;
- Cơ sở nước ngoài còn phải cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại của đại lý liên lạc của mình ở Hoa Kỳ. Cơ sở cũng phải cung cấp số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp cho đại lý trừ phi cơ sở chỉ định người khác phục vụ trong trường hợp khẩn cấp.

Tất cả những thông tin trên đây sẽ được FDA xếp vào nhóm thông tin dữ liệu bắt buộc trong mẫu đăng ký.

Ngoài ra, trong mẫu đăng ký FDA cũng hỏi thêm một số thông tin khác nhưng không phải là bắt buộc. Những thông tin này sẽ giúp FDA liên hệ với các cơ sở một cách có hiệu quả hơn

Đại lý liên lạc tại Hoa Kỳ

Đại lý liên lạc phải là những cá nhân cư trú lâu dài hoặc những cơ sở có địa điểm kinh doanh tại Hoa Kỳ được cơ sở sản xuất/chế biến, đóng gói, bảo quản thực phẩm nước ngoài chỉ định làm đại diện cho mình tại Hoa Kỳ. Mỗi cơ sở nước ngoài chỉ được phép chỉ định một đại lý.

Đại lý tại Hoa Kỳ hoạt động như một mắt xích liên lạc giữa FDA và cơ sở nước ngoài. FDA sẽ coi việc cung cấp thông tin cho đại lý này cũng chính là cung cấp thông tin trực tiếp cho cơ sở. Khi cần liên lạc với cơ sở ở nước ngoài FDA sẽ liên lạc với đại lý.

Đăng ký như thế nào?

Các cơ sở sản xuất nước ngoài có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đại lý của mình tại Hoa Kỳ thay mặt cơ sở đăng ký với FDA.

Việc đăng ký được tiến hành bằng cách điền vào đơn đăng ký theo mẫu 3537 do FDA phát hành. Mẫu 3537 cũng được dùng để cập nhật hồ sơ đăng ký khi có sự thay đổi (ví dụ thông báo dừng kinh doanh, hoặc thay đổi chủ sở hữu cơ sở, hoặc thay đổi đại lý...). Các cơ sơ có thể đăng ký trực tuyến qua mạng Internet tại địa chỉ www.fda.gov/furls vào bất cứ lúc nào kể từ ngày 16/10/2003. FDA khuyến khích đăng ký trực tuyến. Các doanh nghiệp có thể gửi email trực tiếp đến FDA theo địa chỉ furls@fda.gov để được hướng dẫn thủ tục đăng ký.

Tại sao FDA khuyến khích việc đăng ký trực tuyến?

FDA khuyến khích sử dụng hình thức đăng ký này vì đó là cách ít tốn kém và hiệu quả nhất cho cả doanh nghiệp và FDA. Với hình thức đăng ký trựuc tuyến, mọi thông tin bắt buộc phải được khai báo trước khi đơn đăng ký được chấp nhận. Khi đó, người đăng ký sẽ nhận được ngay xác nhận đã đăng ký và số đăng ký. Đăng ký bằng giấy sẽ tốn kém và mất thời gian hơn nhiều vì doanh nghiệp phải gửi qua bưu điện cho FDA đơn đăng ký và FDA phải gửi lại cho doanh nghiệp số đăng ký. Hơn nữa, việc đăng ký bằng giấy có thể xẩy ra điền nhầm hoặc bỏ sót mục trong mẫu đơn đăng ký, nên quá trình đăng ký sẽ mất nhiều thời gian hơn. Đó là chưa kể những trường hợp đơn đăng hoặc giấy báo số đăng ký bị thất lạc.

Có phải đóng phí đăng ký không?

FDA không thu bất kỳ khoản phí nào liên quan đến việc đăng ký này. Tuy nhiên, trong trường hợp cơ sở uỷ nhiệm cho đại lý của mình tại Hoa Kỳ đăng ký với FDA thì có thể cơ sở phải trả tiền dịch vụ đăng ký cho đại lý theo thoả thuận giữa hai bên.

Thông tin đăng ký có được phổ biến rộng rãi không?

Không. Căn cứ theo Luật về Tự do thông tin (FOIA), tất cả danh sách các cơ sở đăng ký, chứng từ đăng ký cũng như các thông tin từ danh sách và chứng từ có thể dẫn đến biết được chi tiết cũng như địa chỉ của doanh nghiệp đều không được phép công bố.

Phải làm gì nếu có thay đổi thông tin đã đăng ký?

Khi có thay đổi, ví dụ như thay đổi người điều hành cơ sở hoặc đại lý ở Hoa Kỳ, thì trong vòng 60 ngày, chủ cơ sở, người điều hành, đại lý phụ trách hoặc người được uỷ nhiệm phải làm thông báo thay đổi gửi qua Internet tới địa chỉ www.fda.gov/furls hoặc bằng đường công văn.

Phải làm gì khi cơ sở đã đăng ký thôi kinh doanh?

Điền vào mẫu 3537a và gửi qua Internet tới địa chỉ www.fda.gov/furls hoặc bằng đường công văn.

Phải làm gì nếu cơ sở đã đăng ký chuyển chủ mới?

Chủ cũ phải thông báo hủy đăng ký cũ trong vòng 60 ngày kể từ ngày chuyển chủ bằng cách điền vào mẫu 3537a, và chủ mới phải đăng ký lại cơ sở bằng cách điền vào mẫu 3537. Cả hai việc: huỷ đăng ký cũ và đăng ký lại đều có thể làm qua mạng hoặc gửi qua bưu điện.

Việc gì sẽ xảy ra nếu cơ sở không đăng ký?

Cơ sở trong nước hoặc nước ngoài không đăng ký, không cập nhật thay đổi hoặc không huỷ đăng ký theo qui định này bị coi là vi phạm Luật Liên bang về Thực phẩm, Thuốc chữa bệnh và Mỹ phẩm. Nếu cơ sở nước ngoài không đăng ký thì thực phẩm của cơ sở này khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ sẽ bị giữ lại ở cảng đến ngoại trừ có chỉ thị khác của FDA hoặc Cục Hải quan và Bảo vệ biên giới (CBP). Mọi chi phí liên quan đến lưu giữ, bảo quản và di chuyển hàng hóa do chủ hàng chịu.

Các doanh nghiệp nếu chưa có hàng xuất khẩu vào Hoa Kỳ thì cũng chưa cần phải đăng ký. Tuy nhiên, việc đăng ký phải được hoàn thành trước khi lô hàng đầu tiên đến cảng Hoa Kỳ, nếu không hàng sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật như đã nói ở trên.

Các doanh nghiệp nên trực tiếp đăng ký trực tuyến hoặc bằng cách gửi đơn đăng ký qua bưu điện đến FDA tốt hơn là uỷ nhiệm cho đại lý đăng ký. Doanh nghiệp đăng ký trực tiếp với FDA có những điểm lợi sau đây:

- *Doanh nghiệp không phải trả tiền dịch vụ đăng ký cho đại lý;*
- *Doanh nghiệp nhận được ngay số đăng ký (Registration Number) và mã số giao dịch (PIN) trực tiếp từ FDA;*
- *Doanh nghiệp có hộp thư (account) liên hệ trực tiếp với FDA và hoàn toàn chủ động trong việc thông báo những thay đổi và cập nhật thông tin đăng ký với FDA, nhất là trong trường hợp thay đổi đại lý tại Hoa Kỳ.*
- *Doanh nghiệp có thể dùng hộp thư và mã số giao dịch nói trên để gửi thông báo về giao hàng*

trước khi hàng đến (Prior Notice) qua mạng vì FDA có thể tiếp nhận thông báo về giao hàng trước khi hàng đến qua mạng giao diện với ACS/ABI của Cục Hải quan và bảo vệ Biên giới (CBP).

Trong trường hợp đăng ký trực tiếp với FDA, doanh nghiệp phải chọn đại lý trước khi tiến hành đăng ký vì trong đơn đăng ký doanh nghiệp phải cung cấp tên và địa chỉ của đại lý của mình tại Hoa Kỳ. Khi nhận được đăng ký của doanh nghiệp FDA sẽ gửi email đến đại lý mà doanh nghiệp đã khai trong đăng ký hỏi xem có đúng họ đã đồng ý làm đại lý cho doanh nghiệp hay không.

Trong trường hợp uỷ nhiệm cho đại lý đăng ký doanh nghiệp cần yêu cầu đại lý cung cấp hộp thư (account) với FDA và mã số giao dịch (PIN) để doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với FDA khi cần thiết.

Khi lựa chọn đại lý doanh nghiệp cũng cần cân nhắc giữa chọn đại lý là bạn hàng nhập khẩu hay một đại lý độc lập. Nếu doanh nghiệp chỉ có một nhà nhập khẩu duy nhất tại Hoa Kỳ thì việc chọn nhà nhập khẩu này làm đại lý liên hệ với FDA có thể là hợp lý. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp có nhiều nhà nhập khẩu khác nhau tại thị trường thì nên chọn một đại lý độc lập.

Đại lý không nhất thiết phải là những pháp nhân có địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ mà có thể là những cá nhân cư trú ổn định và lâu dài tại Hoa Kỳ. Do vậy, những cá nhân người Mỹ gốc Việt hoặc người Việt cư trú ổn định lâu dài tại Mỹ (có thẻ xanh) cũng có thể là những đối tượng để các doanh nghiệp chọn làm đại lý cho mình. Việc chọn đại lý là người Việt hoặc công ty của người Việt có thể có thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam ở chỗ: (1) các đại lý này có thể giao dịch dễ dàng với các doanh nghiệp Việt Nam bằng tiếng Việt; (2) Giá dịch vụ đại lý có xu hướng rẻ hơn. Tuy nhiên, khi chọn đại lý là cá nhân cũng

phải chọn những người có hiểu biết về thương mại quốc tế, có địa chỉ ổn định, có thời gian, phương tiện (phone, fax, email) và khả năng giao dịch tốt bằng tiếng Anh với các cơ quan chức năng của Hoa Kỳ.

Các cơ sở chào dịch vụ đại lý có thể là những công ty môi giới thương mại, các công ty môi giới hải quan. Có những công ty được thành lập mới hoàn toàn chỉ để làm dịch vụ đại lý này. Giá dịch vụ đại lý cũng rất khác nhau. Do vậy, trước khi quyết định chọn đại lý các doanh nghiệp nên tìm hiểu kỹ đối tác và xác định rõ ràng phạm vi trách nhiệm đại lý để từ đó có mức giá dịch vụ đại lý hợp lý. Quyền và các điều khoản liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng đại lý cần phải được qui định rõ ràng trong hợp đồng.

Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ là cơ quan ngoại giao; do vậy, không được phép làm đại lý cho các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký với FDA và hoặc tìm đại lý có thể liên hệ với Thương vụ theo địa chỉ email vinatrade@vietnam-ustrade.org hoặc số fax 202 463 9439 để được hướng dẫn thêm.

Rau quả tươi sống và khô

Mục 8e Luật Điều chỉnh Nông nghiệp năm 1937 đã được sửa đổi cấm nhập khẩu một số loại rau quả nếu chúng không đáp ứng các yêu cầu theo phẩm cấp tiêu thụ (marketing order) do Bộ Nông nghiệp đặt ra đang có hiệu lực đối với sản phẩm trong nước cùng loại về cấp, kích cỡ, chất lượng, hoặc độ chín. Danh mục các sản phẩm thuộc diện phải đáp ứng các yêu cầu phẩm cấp tiêu thụ này có thể thay đổi. Hiện nay, danh mục này bao gồm: quả avocados (tương tự như quả cóc) chà là (trừ chà là để chế biến), quả phỉ (filberts), bưởi, table grapes, quả kiwi, ô liu (khác với ô liu xanh kiểu Tây ban nha), hành, cam, mận, mận khô, khoai tây Ailen, cà chua, nho khô, và hạnh nhân.

Hạt và các sản phẩm hạt có chứa aflatoxin vượt quá mức cho phép do FDA qui định sẽ không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Mức cho phép tối đa hiện hành đối với hạt Brazil, thực phẩm, lạc và các sản phẩm lạc, và hạt Pistachio là 20 PPB (20 mg/kg).

Trang web www.ams.usda.gov/ của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ cung cấp đầy đủ các thông tin về phẩm cấp tiêu thụ hàng rau quả tại Hoa Kỳ như giới thiệu sơ bộ ở trên.

Rau quả chế biến

Quả và nước quả đóng hộp. Quả và nước quả đóng hộp nhập khẩu vào Hoa kỳ phải đáp ứng các tiêu chuẩn của FDA về phân biệt sản phẩm, chất lượng, và độ đầy. Các tiêu chuẩn này được hướng dẫn chi tiết ở mục 21 CFR 145 và 146.

FDA có qui định cụ thể về tiêu chuẩn độ đầy đối với quả đóng hộp. Tiêu chuẩn độ đầy đối với đào, lê, mơ, và chêri yêu cầu phải đóng với số lượng tối đa có thể nhưng không được quá chặt để sau khi đóng hộp và xử lý bằng nhiệt hoa quả trong hộp vẫn giữ nguyên được hình thù và không bị nát hoặc vỡ. Tiêu chuẩn độ đầy đối với hỗn hợp các loại quả, bưởi, và mận qui định cụ thể trọng lượng không nước tối thiểu đối với hoa quả trong hộp được thể hiện bằng tỷ lệ phần chứa nước của hộp. Ví dụ, yêu cầu trọng lượng không nước đối với hỗn hợp các loại quả là 65%; bưởi và mận nguyên quả là 50%; mận bổ đôi là 55%... Đối với các loại quả không có qui định cụ thể về tiêu chuẩn độ đầy thì yêu cầu chung là hộp phải đầy. Nếu hộp được đóng vơi một cách cố ý để gian lận thì có thể bị từ chối nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Rau đóng hộp. FDA có những qui định cụ thể về tiêu chuẩn phân biệt sản phẩm, chất lượng, và độ đầy đối với nhiều loại rau đóng hộp. FDA thiết lập những qui cách tối

thiểu đối với các loại rau đóng hộp về độ mềm, mầu sắc v.v. Hàng không đạt những tiêu chuẩn này vẫn có thể được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ nhưng với điều kiện vẫn tốt cho sức khỏe và trên hộp phải có ghi chú đậm "Chất lượng không đạt tiêu chuẩn" và tiếp theo đó là dòng chữ "Thực phẩm tốt - Không phải là chất lượng cao", hoặc có ghi chú giải thích rõ hàng không đạt tiêu chuẩn ở điểm nào ví dụ như "quá vụn" chẳng hạn.

Rau đóng hộp phải đáp ứng tiêu chuẩn về độ đầy do FDA qui định. Ví dụ, đối với cà chua và ngô đóng hộp cả cái và nước phải chiếm không dưới 90% tổng dung tích của hộp, hoặc trọng lượng không nước tối thiểu của cái cà chua là 50% dung lượng chứa nước của hộp. Đối với những loại rau không có tiêu chuẩn cụ thể về độ đầy thì nguyên tắc chung là phải đóng đầy hộp.

Các sản phẩm cà chua. Các tiêu chuẩn để phân biệt các sản phẩm cà chua (cà chua hộp, nước cà chua, sáp cà chua, bột cà chua, và cát up) được FDA hướng dẫn chi tiết ở mục 21 CFR 155. Không được phép cho thêm mầu nhân tạo hoặc các chất bảo quản vào các sản phẩm cà chua. Nước cà chua (tomato juice) có thể không được phép cô đặc. Bột cà chua (tomato puree) không được chứa ít hơn 8%, và sáp cà chua (tomato paste) không được chứa ít hơn 24% cái cà chua không muối. Các sản phẩm cà chua có chứa bẩn, ruồi, và sâu bị coi là sản phẩm kém chất lượng và sẽ không được nhập khẩu vào Hoa Kỳ. FDA thường dùng phương pháp thử đếm nấm mốc Howard để xác định xem các sản phẩm cà chua có được chế biến theo đúng qui trình hay không. Các lô hàng có chứa tơ nấm mốc vượt qúa mức cho phép không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Các hộp thực phẩm bị phồng cũng không được phép nhập khẩu.

Pho mát, sữa, và các sản phẩm sữa

Nhóm hàng này chịu sự quản lý chặt chẽ của Cục Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) về tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm, và của Bộ Nông nghiệp về hạn ngạch. Hầu hết các mặt hàng thuộc nhóm hàng này cần giấy phép nhập khẩu và bị hạn chế bởi hạn ngạch do Bộ Nông nghiệp cấp.

Nhập khẩu sữa và cream (chất béo trong sữa) chịu sự điều tiết của Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm và Luật nhập khẩu sữa. Chỉ những công ty có giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế và hạn ngạch của Bộ Nông nghiệp cấp mới có thể nhập khẩu sữa và cream.

Gia súc và động vật

Những sản phẩm sau đây phải chịu sự kiểm tra và và kiểm dịch của Cơ quan kiểm dịch động thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ: động vật nhai lại như: gia súc, cừu , nai, linh dương, lạc đà, hươu cao cổ; (2) lợn kể cả các loại lợn rừng và thịt của chúng; (3) ngựa, lừa, la, ngựa vằn; (4) các loài chim kể cả gia cầm và chim quý; (5) các sản phẩm phụ của động vật như: da chưa thuộc, len, lông, xương, bột xương, các tuyến, các bộ phận, chiết xuất từ các động vật nhai lai và lợn (nếu các sản phẩm phụ động vật dùng để chế biến thực phẩm, dược phẩm, hay mỹ phẩm phải tuân thủ các quy định của FDA); (6) các mầm nguyên sinh của động vật kể cả phôi thai và tinh dịch; và (7) cỏ và rơm. Các mặt hàng này phải có giấy phép nhập khẩu chuyến do APHIS cấp trước khi hàng hoá được giao đi từ nước xuất khẩu.

Ngoài ra, nhập khẩu động vật phải có giấy chứng nhận thú y. Thủ tục nhập khẩu gia súc và động vật từ Mehico và Canada (trừ chim từ Mehico) không chặt chẽ như từ các nước khác. Nhập khẩu động vật được giới hạn qua một số cảng nhất định nơi có trạm kiểm dịch. Các loại động vật không phải là vật nuôi phải phù hợp với quy định của Cơ quan kiểm soát động vật hoang dã và thuỷ sản.

Thịt và các sản phẩm thịt

Hạn chế và qui định của Cơ quan kiểm dịch động thực vật (APHIS)

APHIS hạn chế nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt từ các nước đã xẩy ra các loại bệnh được liệt kê ví dụ bệnh bò điên, bệnh lở mồm long móng chẳng hạn. **APHIS** cũng hạn chế nhập khẩu từ những nước tuy không có bệnh nhưng (1) đã nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm động vật từ những nước có bệnh; (2) có qui định không chặt chẽ như qui định của Hoa Kỳ về nhập khẩu thịt hoặc động vật sống có tiềm năng lây nhiễm bệnh; hoặc (3) tiếp giáp với những nước có bệnh.

Những hạn chế và qui định của APHIS liên quan đến nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt vào Hoa Kỳ rất nhiều và rất phức tạp. Dưới đây là một vài ví dụ về những hạn chế và qui định đó:

Ví dụ 1: Các lô hàng có xuất xứ từ những nước không có bệnh nhưng được chuyển tải qua nước có bệnh cũng bị hạn chế nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Trong trường hợp này các công ten nơ đựng hàng phải được kẹp chì tại nước xuất xứ. Kẹp chì phải được APHIS chấp thuận và phải có số. Số kẹp chì phải được ghi trên giấy chứng nhận kiểm nghiệm do nước xuất khẩu cấp. Công ten nơ không được mở trước khi đến cảng Hoa Kỳ. APHIS sẽ kiểm tra không những chỉ hàng hóa mà còn cả kẹp chì và giấy chứng nhận để đảm bảo hàng không bị nhiễm bệnh khi chuyển tải qua nước có bệnh.

Ví dụ 2: Nhập khẩu thịt đã qua xử lý có xuất xứ từ nước có bệnh lở mồm long móng phải đáp ứng các điều kiện (1) tất cả xương phải được lọc bỏ ở nước xuất xứ; (2) Thịt phải được giữ trong điều kiện không đông lạnh, tươi trong thời gian ít nhất là 3 ngày sau khi giết mổ; và (3) thịt phải được xử lý kỹ và sấy khô hoàn toàn sao cho có thể lưu kho và vận chuyển không cần thiết bị làm lạnh. Nếu nhân viên kiểm

định tại cảng đến thấy hàng vi phạm tỷ lệ nước-protein qui định đối với thịt đã qua xử lý thì hàng sẽ phải được kiểm nghiệm bởi APHIS và lô hàng sẽ bị giữ lại chờ kết quả kiểm nghiệm.

Ví dụ 3: Nhập khẩu thịt động vật nhai lại, hoặc thịt lợn tươi, hoặc đông lạnh từ những nước không bị bệnh lở mồm long móng nhưng có những qui định không chặt chẽ bằng những qui định của Hoa Kỳ về nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm từ những nước có bệnh được đưa vào diện hạn chế đặc biệt. Ở những nước bị đưa vào diện hạn chế này, chỉ những cơ sở đã được kiểm nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật kiểm nghiệm thịt liên bang của Hoa Kỳ mới được cung cấp thịt và sản phẩm thịt chưa nấu để xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Những sản phẩm này phải có giấy chứng nhận kiểm nghiệm thịt được Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ phê chuẩn và một số loại giấy chứng nhận khác nữa.

Ngoài ra, một số nước cụ thể còn bị hạn chế đối với một số sản phẩm cụ thể.

APHIS kiểm soát việc tuân thủ các qui định về nhập khẩu chủ yếu thông qua giấy chứng nhận sản phẩm do các cơ sở thú y có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp. Trong một số trường hợp cần phải có giấy phép nhập khẩu chuyến.

Yêu cầu của Cơ quan kiểm nghiệm an toàn thịt (FSIS)

Luật liên bang về kiểm nghiệm thịt và Luật kiểm nghiệm các sản phẩm gia cầm đòi hỏi các nước xuất khẩu thịt và gia cầm, và các sản phẩm này vào Hoa Kỳ phải có các qui định kiểm nghiệm trong nước chặt chẽ như các qui định của Hoa Kỳ. FSIS sẽ kiểm tra các hệ thống kiểm nghiệm ở nước ngoài để đảm bảo chắc chắn những hệ thống này tương đương với hệ thống kiểm nghiệm ở Hoa Kỳ. Chỉ những nước được FSIS cấp quyền được xuất khẩu thịt vào Hoa Kỳ mới có thể xuất khẩu vào nước này.

Bộ chứng từ giao hàng thịt và gia cầm phải có giấy chứng nhận kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp. Giấy chứng nhận này phải nêu rõ nước xuất xứ và cơ sở đóng gói, nơi đến, ký mã hiệu giao hàng, và số lượng. Giấy chứng nhận kiểm nghiệm phải chứng nhận hàng đã được kiểm nghiệm xác nhận hàng đã được kiểm nghiệm trước và sau khi giết mổ; hàng tươi, không bị mất chất, và xếp loại đúng qui định; và phù hợp với các qui định của Hoa Kỳ.

Kiểm nghiệm tại cảng đến

Tại cảng đến, nhà nhập khẩu phải xuất trình cho nhân viên giám định APHIS giấy chứng nhận thú y do nước xuất khẩu cấp cho tất cả các lô hàng thịt và các sản phẩm thịt có nguồn gốc từ gia súc, cừu, lợn, dê, và ngựa. APHIS giám định mọi lô hàng để xác nhận phù hợp với các qui định về nhập khẩu.

Sau khi APHIS giám định xong, FSIS sẽ giám định tiếp bằng cách lấy mẫu. FSIS có thể kiểm tra xem hàng có bị hư hại trong quá trình vận chuyển hay không, nội dung nhãn có đúng và có tuân thủ qui định hay không, tình trạng chung của hàng hóa, và hàng có được chứng nhận đúng qui định hay không. FSIS cũng có thể kiểm tra trọng lượng tịnh có chính xác hay không và tình trạng chung của công ten nơ; và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm . Đôi khi FSIS còn kiểm tra xem chủng loại hàng thực tế có đúng với tờ khai hay không. Nội dung và qui mô kiểm nghiệm thực tế căn cứ vào bản chất của hàng hóa và lịch sử giao hàng của cơ sở đóng gói và nước xuất xứ.

Hàng sẽ không được thông quan cho đến khi cả APHIS và FSIS giám định xong và cho phép nhập khẩu. Hàng không đủ điều kiện nhập khẩu sẽ phải tái xuất hoặc tiêu huỷ. Trong một số trường hợp, hàng có thể được phép chuyển thành thực phẩm cho động vật. Một khi hàng đã bị từ chối nhập khẩu thì các lô hàng sau cùng loại của cùng cơ

sở, và đôi khi tất cả các lô hàng thịt từ nước đó sẽ bị kiểm tra và kiểm nghiệm kỹ lưỡng hơn.

Thẩm quyền của FDA và Cơ quan quản lý động vật hoang dã và thuỷ sản

Các sản phẩm từ thịt có nguồn gốc khác (kể cả nhưng không giới hạn trong các loài động vật hoang dã) muốn nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải tuân theo các quy định của APHIS và các quy định của Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm, và Mỹ phẩm do FDA và Cơ quan quản lý động vật hoang dã và thuỷ sản thực thi.

Đồ uống

Thông thường, các loại đồ uống có chứa cồn từ 0,5% khối lượng trở xuống được coi là đồ uống không cồn. Tuy nhiên, về khía cạnh thuế và quản lý nhập khẩu, theo qui định ở Hoa Kỳ, đồ uống và các sản phẩm khác có cồn từ 7% khối lượng trở xuống không được coi là đồ uống có cồn.

Nhập khẩu các loại đồ uống không cồn, và các loại đồ uống và các sản phẩm khác có chứa cồn từ 7% khối lượng trở xuống hoàn toàn thuộc quyền quản lý của FDA thuộc Bộ Y tế và không cần xin giấy phép nhập khẩu của Cục Rượu, Thuốc lá, và Vũ khí (ATF) thuộc Bộ Tài chính. ATF chịu trách nhiệm cấp giấy phép nhập khẩu các loại đồ uống có cồn trên 7% khối lượng.

Tùy từng mặt hàng cụ thể, đồ uống nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải đáp ứng một số hoặc tất cả các yêu cầu:

- Có giấy phép của ATF (đối với các loại đồ uống và sản phẩm khác có cồn trên 7% khối lượng;
- Phù hợp với các tiêu chuẩn đóng chai và kiện (đối với rượu mạnh chưng cất và rượu vang), và tiêu chuẩn phân biệt sản phẩm;

- Có giấy chứng nhận số năm và xuất xứ (chỉ đối với rượu mạnh chưng cất), hoặc giấy chứng nhận xuất xứ (chỉ đối với rượu vang)
- Phải đáp ứng nhiều yêu cầu về nhãn hàng, kể cả phải xin ATF phê chuẩn trước nhãn hàng (lables);
- Đối với các loại đồ uống có cồn trên 7% khối lượng, ngoài thuế nhập khẩu, phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt liên bang;
- Phải phù hợp với các qui định khác có liên quan của liên bang, bang và thành phố về sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ thực phẩm nói chung và đồ uống nói riêng.

Người xuất khẩu phải đặc biệt lưu ý đến phân loại và tiêu chuẩn phân biệt sản phẩm, và nội dung nhãn hàng của các loại đồ uống.

Nước quả. Các sản phẩm được bán với tên gọi là nước quả (fruit juices) có thể cho thêm đường hoặc chất ngọt có dinh dưỡng được phép khác để làm ngọt thêm với điều kiện nhãn hàng phải ghi rõ có cho thêm đường hoặc chất ngọt đó. Sản phẩm là nước quả được cho thêm nước thì không còn được gọi là nước quả nữa. Đồ uống là nước quả có cho thêm nước phải tuân theo các yêu cầu đối với các loại thực phẩm không tiêu chuẩn, đặc biệt là việc sử dụng tên chung thông thường. Nhãn hàng của các loại sản phẩm này phải nói rõ tỷ lệ phần trăm của các chất thành phần có ảnh hưởng đến giá của sản phẩm hoặc sự chấp nhận của người tiêu dùng.

Đồ uống không các bon. Theo qui định, các loại đồ uống không các bon không có nước quả hoặc rau phải có tên. Nếu nhãn hàng có thể làm người tiêu dùng hiểu nhầm là có nước quả hoặc rau thì trên nhãn phải có thêm dòng chữ như là "không có nước ... " (tên loại quả hoặc rau mà hương

vị, mầu sắc, hoặc nhãn hàng của sản phẩm có thể làm người tiêu dùng hiểu là có nước loại quả hoặc rau đó trong sản phẩm).

Đồ uống có các bon. Các loại đồ uống có các bon không cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn qui định đối với "nước soda". Cafêin chiết suất từ hạt cô la hoặc từ các loại hạt có chứa cafêin tự nhiên khác có thể được sử dụng trong nước soda nhưng không được quá 0,02% trọng lượng thực phẩm thành phẩm. Tất cả các chất thành phần khác có trong sản phẩm phải được liệt kê trên nhãn hàng.

Nước uống đóng chai. FDA có qui định tiêu chuẩn chất lượng cho nước uống đóng chai. Tất cả nước uống đóng chai không phải là nước khoáng đều phải tuân thủ những qui định này. FDA cho rằng nước khoáng tự nhiên, do chính bản chất của nó, sẽ vượt các mức giới hạn lý hóa qui định trong tiêu chuẩn nước uống đóng chai. Do vậy, nước khoáng được miễn tuân thủ những tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, FDA sẽ không cho phép có trong nước khoáng tự nhiên đóng chai bất kỳ chất nào ở mức được coi là độc hại. FDA cũng đã thiết lập qui chuẩn chế biến và đóng chai nước uống mà các sản phẩm muốn tiêu thụ tại Hoa Kỳ phải tuân thủ.

Tất cả nước uống đóng chai nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải đảm bảo các điều kiện như: (1) được khai thác từ các nguồn không bị ô nhiễm; (2) chế biến và đóng chai trong điều kiện đảm bảo vệ sinh; (3) không có vi sinh vật thuộc nhóm coliform; (4) có chất lượng vệ sinh tốt được đánh giá bằng kết quả kiểm tra để xác định số lượng vi khuẩn phát triển trên gêlatin ở 20 độ C và trên agar ở 37 độ C; và (5) có chất lượng vệ sinh tốt được đánh giá bằng kết quả phân tích hóa vệ sinh.

Nhãn hàng phải tuân theo qui định của FDA. Không được liệt kê trên nhãn hàng các chất khoáng có trong sản phẩm với số lượng không có ý nghĩa. Nếu trên nhãn có ghi

sản phẩm có dinh dưỡng hoặc có tác dụng đối với sức khỏe thì nhãn hàng phải tuân thủ đầy đủ các qui định đối với các sản phẩm dinh dưỡng. Sản phẩm dán nhãn gây nhầm lẫn sẽ không được nhập khẩu vào Hoa Kỳ và người nhập khẩu phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Những lỗi thường gặp đối với nhãn nước khoáng đóng chai là: (1) quảng cáo tác dụng chữa bệnh không được chấp nhận; (2) quảng cáo sai hoặc gây nhầm lẫn khác ngoài tác dụng chữa bệnh; (3) ghi không đúng hoặc gây nhầm lẫn kết quả phân tích; (4) không ghi các chất cho thêm vào sản phẩm như muối, điôxit carbon v.v.; và (5) ghi nước khoáng nhân tạo thành "nước khoáng tự nhiên".

Đồ uống có cồn. Đồ uống có cồn được chia làm ba loại chính là rượu mạnh chưng cất, rượu vang, và đồ uống làm từ men. Rượu mạnh chưng cất và rượu vang được chia làm nhiều loại riêng vì mục đích tính thuế nhập khẩu. Đồ uống làm từ men cũng được chia thành nhiều loại nhưng không phải vì mục đích tính thuế nhập khẩu mà để ghi nhãn hàng cho chính xác.

Qui chế quản lý nhập khẩu đồ uống có cồn rất phức tạp và khác nhau tùy thuộc vào chủng loại liên quan. Ví dụ, có loại phải cần giấy phép nhập khẩu của ATF có loại không; các loại khác nhau có thể có yêu cầu về chứng từ khác nhau hoặc cách đóng chai hoặc ghi nhãn hàng khác nhau...

Phê duyệt trước nhãn hàng. ATF có những qui định cụ thể đối với việc ghi nhãn hàng trên các bao bì cuối cùng của đồ uống có cồn. Các qui định về ghi nhãn hàng khác nhau tùy thuộc vào loại đồ uống. Người nhập khẩu phải nộp đơn và mẫu in nhãn hàng cho ATF để phê duyệt trước, và phải nộp giấy chứng nhận phê duyệt nhãn hàng của ATF cho Hải quan để nhận hàng. Do vậy, người xuất khẩu đặc biệt phải chú ý để đảm bảo nhãn hàng trên sản phẩm đúng như mẫu đã được ATF phê duyệt do người nhập khẩu cung cấp.

Nhãn rượu mạnh chưng cất. Nói chung, nhãn rượu mạnh chưng cất phải có các thông tin sau: tên nhãn hiệu sản phẩm, cấp và loại, hàm lượng cồn, trọng lượng tịnh, tên và địa chỉ của người nhập khẩu, nước xuất xứ, mầu hoặc hương vị (đối với những trường hợp có áp dụng), tỷ lệ phần trăm cồn trung tính (đối với những trường hợp có áp dụng), và số năm (nếu yêu cầu).

Nhãn rượu vang. Nói chung, nhãn rượu vang phải có các thông tin sau: tên nhãn hiệu sản phẩm; cấp, loại, hoặc sự phân biệt khác theo luật; tỷ lệ phần trăm chính xác vang nước ngoài nếu là hỗn hợp giữa vang nước ngoài và vang trong nước; trọng lượng tịnh; hàm lượng cồn - hoặc từ như "table" (chỉ loại rượu vang dùng để uống khi ăn) hoặc "light" (chỉ loại vang nhẹ) nếu hàm lượng cồn dưới 14%; tên và địa chỉ kinh doanh của người nhập khẩu.

Nhãn đồ uống làm từ men. Nói chung, nhãn đồ uống làm từ men phải gồm các thông tin: tên nhãn hiệu sản phẩm, cấp và loại, trọng lượng tịnh, tên và địa chỉ của người nhập khẩu, tên của cơ sở đóng chai hoặc đóng gói nếu có yêu cầu của luật bang hoặc luật nước ngoài, và hàm lượng cồn nếu luật bang yêu cầu.

Nhãn cảnh báo và nhãn cấm. ATF cũng qui định đối với một số loại đồ uống nhãn hàng còn phải có nội dung cảnh báo người tiêu dùng, ví dụ như "uống rượu có thể có hại cho sức khỏe" chẳng hạn. Ngoài việc qui định nội dung phải có trên nhãn hàng như nói ở trên, ATF còn qui định cấm một số nội dung trên nhãn hàng, ví dụ như những nội dung sai hoặc gây hiểu nhầm, làm ảnh hưởng đến uy tín của đối thủ cạnh tranh, không phù hợp với các kiểm nghiệm khoa học...

Nút chai làm từ thân cây. Nút chai đồ uống làm bằng thân cây khô đều chịu sự kiểm dịch thực vật của Cơ quan kiểm dịch động thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ.

Đối với hàng dệt may

Luật phân biệt sản phẩm sợi dệt

Luật phân biệt sản phẩm sợi dệt (Textile Fiber Products Identification Act - TFPIA) và các quy định của Uỷ ban Thương mại Liên bang (FTC) quy định các sản phẩm sợi dệt nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải được dán tem hoặc gắn nhãn hoặc đánh dấu cung cấp những thông tin liên quan đến loại sợi (trừ khi được miễn trừ theo mục 12 của luật này). Trong trường hợp không phải là sản phẩm để bán hoặc phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng thì hóa đơn hay các giấy tờ khác có những thông tin yêu cầu có thể sử dụng thay cho tem hoặc nhãn.

Những thông tin phải cung cấp theo yêu cầu của Luật TFPIA gồm:

(1) Tên và tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng của các loại sợi cấu thành sản phẩm dệt (không kể sợi trang trí cho phép) với trọng lượng lớn hơn 5% trong sản phẩm, theo thứ tự tỷ lệ trọng lượng giảm dần. Các sợi thành phần có trọng lượng từ 5% trở xuống được ghi là "sợi khác" hoặc "các sợi khác" ở cuối cùng.

(2) Tên của nhà sản xuất hoặc tên hoặc số đăng ký (do FTC cấp) của một hoặc nhiều người bán hoặc giao dịch sản phẩm sợi này. Tên thương hiệu (trademark) đã được đăng ký tại Cơ quan đăng ký sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ có thể được ghi trên tem hoặc nhãn thay cho các tên khác, nếu chủ của thương hiệu này trước đó đã cung cấp cho FTC một bản sao thương hiệu.

(3) Tên của nước gia công hoặc sản xuất.

Luật này đòi hỏi các lô hàng có trị giá trên 500 USD phải có hóa đơn thương mại, và phù hợp với quy định về nhãn hàng.

Những yêu cầu nói trên chỉ là một số trong nhiều yêu cầu của Luật TFPIA. Luật này qui định cả những chi tiết như các loại nhãn hàng, cách gắn, vị trí nhãn hàng trên sản phẩm, cách ghi nhãn hàng trên bao gói, cách sắp xếp thông tin trên nhãn hàngv.v.

Ngoài những quy định về nhãn (labeling), nhập khẩu hàng dệt và các sản phẩm dệt vào Hoa Kỳ còn phải tuân theo các quy định tại mục 204 của Đạo Luật Nông nghiệp 1956. Mục 204 quy định về hạn ngạch (quota), visa hoặc giấy phép xuất khẩu và các quy định về hàng đến, kể cả việc kê khai các thành phần sợi.

Thông thường, người nhập khẩu sẽ hướng dẫn người xuất khẩu các thông tin liên quan đến hàm lượng sợi cần ghi và cách ghi trên hóa đơn và nhãn hàng. Nếu người nhập khẩu không hướng dẫn, thì người xuất khẩu nên chủ động hỏi những nội dung này. Khi nhập khẩu nguyên liệu, người sản xuất cũng phải nắm chắc và lưu giữ thông tin về thành phần các loại sợi trong vải dùng để sản xuất để sau này ghi vào nhãn hàng cho chính xác.

Hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ không tuân thủ các qui định cung cấp thông tin liên quan đến thành phần sợi của sản phẩm sẽ bị Hải quan Hoa Kỳ giữ hàng lại và tiến trình giao hàng do vậy có thể bị chậm lại.

Luật nhãn hàng sản phẩm len (WPLA)

Tất cả các sản phẩm có chứa sợi len khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ (trừ thảm, chiếu và các sản phẩm đã được sản xuất từ hơn 20 năm trước khi nhập khẩu) đều phải có tem hoặc gắn nhãn với những thông tin theo yêu cầu của Luật nhãn sản phẩm len năm 1939 (Wool Products Labeling Act

1939) và các quy định dưới luật do FTC ban hành. Những yêu cầu và quy định này được áp dụng đối với cả các sản phẩm len được sản xuất tại Hoa Kỳ. Những thông tin cần có là:

(1) Tỷ lệ trọng lượng các sợi thành phần của sản phẩm len (trừ các thành phần trang trí dưới 5% tổng trọng lượng) gồm len mới, len tái chế, các sợi khác không phải len (nếu lớn hơn 5%), và tổng số các sợi khác không phải len.

(2) Tỷ lệ tối đa tổng trọng lượng len, các thành phần không phải sợi (nonfibrous), các chất phụ khác.

(3) Tên nhà sản xuất hoặc tên người đưa sản phẩm vào lưu thông tại Hoa Kỳ (tức là nhà nhập khẩu). Nếu người nhập khẩu đã có số đăng ký do FTC cấp, có thể ghi số đăng ký thay cho tên.

Luật WPLA cũng yêu cầu xuất trình hóa đơn thương mại cho các lô hàng nhập khẩu có trị giá trên 500 USD. Hóa đơn thương mại phải có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của luật này.

Các thông tin thêm về luật này có thể liên hệ với Uỷ ban Thương mại Liên bang (FTC).

Quy định về hướng dẫn sử dụng

Quy định về hướng dẫn sử dụng (Care Labelling) yêu cầu các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu quần áo và một số sản phẩm dệt phải cung cấp những chỉ dẫn thông thường về bảo quản sản phẩm tại thời điểm những sản phẩm đó được bán cho người mua hay thông qua việc sử dụng các ký hiệu về bảo quản hay các cách khác được mô tả trong quy định này.

Các mặt hàng phải tuân thủ luật này gồm: quần áo mặc để che hay bảo vệ thân thể. Các mặt hàng được miễn trừ áp

dụng qui định này gồm giày dép, găng tay, mũ, khăn mùi xoa, thắt lưng, dây nịt tất, ca vát. Các loại quần áo không thuộc loại dệt và được làm ra chỉ để dùng một lần thì không phải có chỉ dẫn sử dụng thông thường.

Các hàng đơn chiếc bán để may quần áo tại nhà (trừ vải lẻ có đánh dấu của nhà sản xuất tới 10 yard khi hàm lượng sợi không biết và không thể xác định được dễ dàng; vải trang trí có bề rộng tới 5 inch).

Theo qui định của luật này các nhà sản xuất và nhập khẩu phải:

- Cung cấp đầy đủ những chỉ dẫn về bảo quản thông thường đối với quần áo, hay cung cấp những cảnh báo nếu như quần áo có thể bị hỏng khi giặt.
- Đảm bảo những chỉ dẫn bảo quản, nếu được tuân thủ, sẽ không gây thiệt hại đáng kể đối với sản phẩm.
- Cảnh báo người tiêu dùng về một số quy trình mà họ cho rằng có thể phù hợp với những chỉ dẫn trên nhãn nhưng vẫn có thể gây ảnh hưởng đến sản phẩm. Ví dụ, một chiếc quần có thể bị hỏng khi là, và nhãn phải ghi chữ: "không được là".
- Đảm bảo nhãn hướng dẫn sử dụng sẽ tồn tại rõ ràng trong suốt quá trình sử dụng của sản phẩm.

Nhà sản xuất hay nhà nhập khẩu phải có cơ sở hợp lý cho những chỉ dẫn sử dụng và bảo quản ghi trên nhãn hướng dẫn sử dụng. Điều đó có nghĩa là phải có chứng cớ xác thực để biện minh cho những chỉ dẫn bảo quản của mình. Ví dụ, nhà sản xuất không thể nói "Chỉ được giặt khô" trừ phi họ có lý do để chứng minh rằng giặt nước thông thường sẽ làm hỏng sản phẩm.

Khi nào cần phải dán nhãn hướng dẫn sử dụng vào sản phẩm quần áo:

- Nguyên tắc chung là hướng dẫn sử dụng phải được gắn vào sản phẩm trước khi đem bán cho người sử dụng. Theo nguyên tắc này, hướng dẫn sử dụng không nhất thiết phải được gắn vào sản phẩm trước khi chúng được nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên, trên thực tế hướng dẫn sử dụng thường được may vào sản phẩm tại nơi sản xuất.

Các nội dung cơ bản cần có trong hướng dẫn sử dung là:

- Giặt bằng tay hay bằng máy;
- Tẩy sử dụng chlorine hay chất tẩy thông thường;
- Làm khô bằng máy hay bằng phương pháp khác;
- Là: có được là hay không, nếu có thì nhiệt độ là bao nhiêu thì vừa?
- Cảnh báo khác như: giặt với các đồ cùng màu, giặt riêng, có được vắt hay không. Phơi treo hay trải...
- Những chỉ dẫn về giặt khô.

Nói chung, các nhà xuất khẩu phải chủ động liên hệ với người mua để biết những thông tin cần ghi trong hóa đơn, đánh dấu trên bao bì đóng gói của hàng hóa cũng như là ghi trên nhãn đính trên hàng hóa, tránh những chi phí phát sinh và thiệt hai do hiểu sai và không đầy đủ những quy định của Hoa Kỳ về tất cả những vấn đề trên. Cũng có trường hợp các nhà nhập khẩu mới không nắm bắt được những quy định trên đây, trong trường hợp đó, nên đề nghị nhà nhập khẩu liên lạc với đại lý môi giới hải quan của nhà nhập khẩu để có nhữnng chỉ dẫn cụ thể và cung cấp cho nhà sản xuất/nhà xuất khẩu để có thể đáp ứng ngay trong khi sản xuất hàng hóa.

Mã số nhà sản xuất hàng dệt may (MID)

Theo qui định của Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CPB), kể từ ngày 5/10/2005, các nhà nhập khẩu

hàng dệt may Hoa Kỳ phải khai báo mã số của nhà sản xuất nước ngoài (Manufacturer Identification Code viết tắt là MID). Mã MID là cơ sở để CPB xác định xuất xứ hàng hóa và ngăn chặn hàng hóa khai sai xuất xứ nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Mã MID chỉ dành cho các nhà sản xuất, chứ không dành cho các công ty kinh doanh hoặc công ty bán hàng không phải là nhà sản xuất. Nếu nghi ngờ mã MID không phải là của nhà sản xuất, Hải quan cảng có thể yêu cầu sửa đổi thông tin sau khi hàng đã qua cửa khẩu. Lỗi lặp lại trong khai báo mã MID khi nhập khẩu có thể dẫn đến tăng mức phạt đối với công ty nhập khẩu hoặc công ty môi giới hải quan.

Nếu chứng từ vận chuyển không cung cấp mã MID hoặc cung cấp thông tin không chính xác (ví dụ cung cấp thông tin của người vận chuyển thay cho thông tin của nhà sản xuất) sẽ dẫn đến khả năng Hải quan từ chối không cho nhập khẩu lô hàng. Hải quan cảng có quyền yêu cầu công ty nhập khẩu hoặc công ty môi giới hải quan cung cấp thêm thông tin.

Mã MID sẽ được sử dụng trên tất cả các chứng từ làm thủ tục nhập khẩu các lô hàng dệt may và trong tất cả các giao dịch điện tử.

Ngày 23/12/2005, CPB đã ra văn bản nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ các quy định về mã số MID như sau:

- Phải ghi mã số MID trong mọi khai báo hải quan (Form 3461 và Form 7501). Quy định này áp dụng đối với tất cả các khai báo nhập hàng kể cả chính thức và không chính thức. Mã MID này phải là mã số của nhà sản xuất đã thực hiện quá

trình chuyển đổi xuất xứ hàng hóa. Đối với hàng chịu hạn ngạch, nếu nhà nhập khẩu không cung cấp được tên của nhà sản xuất, hàng hóa có thể bị loại trừ khỏi diện được xem xét cho phép nhập khẩu.

- Nếu Hải quan phát hiện mã số MID không phải là mã số của nhà sản xuất, công ty nhập khẩu và công ty môi giới hải quan có thể sẽ bị phạt. Các công ty nhập khẩu cần phải chứng minh mình đã có sự cẩn trọng hợp lý bằng cách thông báo bằng văn bản cho công ty môi giới hải quan tên của nhà sản xuất hàng hóa hoặc ghi tên của nhà sản xuất trên hóa đơn. Công ty nhập khẩu cần phải yêu cầu đại diện/đại lý của mình thông báo bằng văn bản tên và địa chỉ của nhà máy đã sản xuất hàng hóa.

Những nguyên tắc tạo mã MID

Mã số của nhà sản xuất có thể được xây dựng theo những nguyên tắc và chỉ dẫn dưới đây. Mã số có thể dài tới 15 ký tự liền (không có khoảng trống giữa các ký tự).

MID bao gồm 4 thành phần cơ bản như bảng dưới đây:

Nước	Tên công ty	Số nhà/phòng	Tên thành phố
2 ký tự từ tên nước	Tối đa 6 ký tự từ tên công ty.	Tối đa 4 ký tự của số nhà/hoặc số phòng	3 ký tự đầu của tên thành phố

1. Đối với hai ký tự đầu tiên, sử dụng mã số chuẩn quốc tế ISO cho nước xuất xứ thực sự của sản phẩm. Ví dụ, đối với Việt Nam là VN. Có một số ngoại lệ trong quy định với Canada vì mã số CA

không phải là mã số nước cho Canada, có một bảng ký tự riêng cho các tỉnh của Canada.

2. Sử dụng ba ký tự đầu tiên của mỗi từ trong hai từ đầu tiên của tên công ty. Nếu tên công ty chỉ có một từ thì chỉ sử dụng 3 ký tự đầu tiên của từ đó. Ví dụ: Tên công ty gồm nhiều từ như Amalgamated Plastics Corp. thì ký tự tên sẽ là AMAPLA. Tên công ty gồm một từ là Bergstrom thì ký tự tên sẽ là BER

   Nếu trong tên công ty có viết tắt từ hai chữ trở lên, thì tất cả các chữ viết tắt đó được gộp lại coi là một từ. Ví dụ: Tên công ty là A B C Company thì ký tự tên công ty sẽ là ABCCOM hoặc O.A.S.I.S. Corp. sẽ là OASCOR

   Trong tên nhà sản xuất, các từ tiếng Anh như: a, an, and, of, và the được bỏ qua. Ví dụ: The Garment and Textiles Company Co. Ltd sẽ có ký tự tên là GARTEX. Các phần của tên công ty có dấu gạch ngang được coi như một từ. Ví dụ: Rawles-Aden Corp. sẽ là RAWCOR

   Một số tên sẽ bao gồm cả số. Tên công ty là 20th Century Fox sẽ có ký tự tên là: 20TCEN hoặc Concept 2000 sẽ là CON200.

   Một số từ trong tên là danh từ chung, hoặc chỉ chức năng hoặc tính chất của nhà sản xuất thì không được dùng để tạo MID. Ví dụ hầu hết các nhà máy dệt ở Macao đều bắt đầu bằng từ Fabrica de Artigos de Vestuario có nghĩa là Factory of Clothing. Đối với một nhà máy tên là Fabrica de Artigos de Vestuario JUMP HIGH Ltd, thì chỉ dùng các từ JUMP HIGH để xây dưng MID.

3. Đối với ký tự số nhà/phòng thì tìm số lớn nhất trong dòng địa chỉ và sử dụng tới 4 số đầu tiên. Ví

dụ: số nhà/ phòng là: 11455 Main Street, Suite 78972 thì ký tự sẽ là: 1145.

Số phòng hay số hộp thư bưu điện (PO Box) sẽ được sử dụng làm số ký tự nếu nó là chữ số lớn nhất trong dòng địa chỉ. Ví dụ địa chỉ là: 232 Main Street, Suite 1234 thì ký tự số nhà/phòng sẽ là 1234. Trong trường hợp này lấy 1234 chứ không lấy 232 vì 1234 là số lớn nhất trong dòng địa chỉ.

Nếu số trong địa chỉ được đánh vần ra, như là One Thousand Century Plaza thì sẽ không có số nào trong phần này của MID. Tuy nhiên, nếu địa chỉ là: One Thousand Century Plaza, Suite 345 thì con số sử dụng để tạo MID sẽ là 345

Nếu có dấu phẩy hay dấu gạch ngang giữa các số, thì hãy bỏ qua các dấu ngắt đoạn đó và sử dụng số còn lại. Ví dụ: 12,34,56 Alaska Road hoặc 12-34-56 Alaska Road sẽ thành 1234.

Nếu các số được phân chia bởi một khoảng trống, thì khoảng trống là một khoảng phân chia ranh giới và phần lớn hơn trong hai số sẽ được sử dụng. Ví dụ: Apt. 509 2727 Cleveland Street sẽ có ký tự là: 2727.

4. Đối với ký tự thành phố, sử dụng 3 ký tự chữ cái đầu tiên từ tên của thành phố. Ví dụ: Tokyo sẽ có ký tự là: TOK; St. Michel sẽ là: STM; 18-Mile High sẽ là MIL (chú ý rằng tất cả các con số trong dòng thành phố sẽ bị loại bỏ); và The Hague sẽ là HAG.

   Đối với các quốc gia là một thành phố, tên của nước cũng gồm ba chữ cái đầu tiên, Ví dụ: Hồng Kông sẽ thành HON, Singapore sẽ thành SIN, và Macau sẽ thành MAC.

5. Những nguyên tắc chung khác:

Bỏ qua tất cả những dấu cách ngắt câu như dấu phẩy, dấu móc và các ký hiệu (ví dụ như &).

Bỏ qua tất cả các chữ viết tắt một chữ như chữ S trong Thomas S. Delvaux Company.

Bỏ qua tất cả những khoảng chỉ dẫn trước bất kỳ một tên hay địa chỉ nào.

Dưới đây là một số ví dụ về tên các nhà sản xuất, địa chỉ và mã số MID tương ứng của họ.

Tên và địa chỉ của nhà sản xuất	**Mã MID tương ứng**
LA VIE DE FRANCE 243 Rue de la Payees 62591 Bremond, France	FRLAVIE243BRE
20TH CENTURY TECHNOLOGIES 5 Ricardo Munoz, Suite 5880 Caracas, Venezucla	VE20TCEN5880CAR
THE E.K. RODGERS COMPANIES One Hawthorne Lane London, England SW1Y5HO	GBEKRODLON
THE GREENHOUSE 45 Royal Crescent Birmingham, Alabama 35204	
CARDUCCIO AND JONES AUCARJON88SID 88 Canberra Avenue Sidney, Australia	
N. MINAMI & CO., LTD. 2-6, 8-Chome Isogami-Dori Fukiai-Ku, Kobe, Japan	JPMINCO26KOB

Đồ gốm sứ và thuỷ tinh đựng thực phẩm

Hàm lượng chì hoặc cadmium (một loại kim loại mềm, trắng xanh như thiếc) có thể thôi ra từ các đồ gốm sứ và thủy tinh dùng để đựng thức ăn và đồ uống hoặc làm đồ nấu nướng không được vượt quá mức cho phép của FDA.

Khi hàng đến cảng FDA có thể (1) chấp nhận bộ chứng từ của người nhập khẩu là bằng chứng hàng phù hợp với qui định và cho giải phóng hàng; (2) lấy mẫu để kiểm tra và giải phóng hàng tạm thời trong khi chờ kết quả kiểm tra; (3) lấy mẫu kiểm tra và giữ hàng trong kho hải quan chờ kết quả kiểm tra. Nếu phát hiện thấy hàng nhập khẩu vi phạm qui định, FDA sẽ gửi cảnh báo nhập khẩu tới tất cả các văn phòng quản lý nhập khẩu của mình ở các khu vực yêu cầu giữ lại tại cảng tất cả các chuyến hàng có liên quan. Đối với hàng nhập khẩu đã được giải phóng để đưa vào lưu thông trên thị trường Hoa Kỳ, nếu sau đó phát hiện thấy vi phạm, ví dụ như qua kiểm tra các lô hàng sau, FDA sẽ ra lệnh thu hồi tất cả các hàng đó và người nhập khẩu phải thực hiên ngay.

Hàng vi phạm có thể được FDA cho phép tái chế hoặc dán lại nhãn dưới sự giám sát của nhân viên FDA. Cho phép tái chế hoặc dán lại nhãn là ưu đãi mà FDA có thể giành cho người nhập khẩu chứ không phải là quyền của người nhập khẩu. Vì vậy, nếu vi phạm nhiều lần đối với cùng một loại sản phẩm có thể dẫn đến người nhập khẩu không được phép tái chế hoặc dán lại nhãn hàng mà phải hủy hoặc tái xuất hàng. FDA kiểm tra đặc biệt chặt chẽ đối với đồ bát, đĩa, chén dùng để ăn uống hàng ngày. Tất cả các chi phí thu hồi, dán lại nhãn, hoặc tái xuất hàng không phù hợp đều do người nhập khẩu và người phân phối chịu.

Những mặt hàng gốm sứ và thủy tinh trang trí và không dùng với thực phẩm không phải tuân thủ qui định này; tuy nhiên, chúng phải được phân biệt rõ bằng ghi chú tồn tại lâu

trên vải): hóa đơn phải ghi rõ chiều dài của vòng (nếu được xâu thành vòng), kích cỡ của hạt bằng mm, và chất liệu làm hạt.

Đồ chơi

Nhập khẩu đồ chơi vào Hoa Kỳ chịu sự điều tiết của các luật sau:

- Luật Liên bang về các chất nguy hiểm (Federal Hazardous Substance Acts) và các sửa đổi của luật này;
- Luật Bảo vệ Trẻ em và An toàn Đồ chơi 1969 (Child Protection and Toy Safety Act of 1969); và
- Luật An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSA).

Các cơ quan quản lý an toàn đồ chơi gồm:

- Uỷ ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSC) đối với các loại đồ chơi thông thường;
- Cực An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đối với các loại đồ chơi phát xạ;
- Uỷ ban Viễn thông Liên bang (FCC) đối với các loại đồ chơi có sóng radio.

Các cơ quan giám sát nhập khẩu và lưu thông đồ chơi gồm:

- Cục Hải quan và bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ sẽ là cơ quan đầu tiên kiểm tra sự tuân thủ pháp luật của các sản phẩm đồ chơi nhập khẩu.
- CPSC là cơ quan liên bang chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát và thi hành luật liên quan đến

Có một số hàng tiêu dùng nguy hiểm bị cấm nhập khẩu theo Luật liên bang về các chất nguy hiểm. Có một số mặt hàng tiêu dùng có thể bị coi là nguy hiểm nhưng chưa đến mức bị cấm.

Ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng không yêu cầu giấy phép nhập khẩu, hóa đơn đặc biệt, hạn chế nhập khẩu, giấy phép kinh doanh hoặc bất cứ sự cho phép đặc biệt nào đối với việc nhập khẩu những mặt này. Tuy nhiên, những hàng hóa này khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải đảm bảo các yêu cầu của Luật liên bang về các chất nguy hiểm (ví dụ như yêu cầu về thử nghiệm, ghi ký mã hiệu và dán nhãn các sản phẩm nguy hiểm) và Luật an toàn sản phẩm tiêu dùng (ví dụ như yêu cầu thông báo khuyết tật đối với các loại sản phẩm thuộc diện phải thông báo theo luật này.

Sản phẩm nhập khẩu bị coi là nguy hiểm và không được dán nhãn đúng theo qui định của Luật bị coi là hàng nhập khẩu phi pháp.

Yêu cầu về hóa đơn: Đối với một số mặt hàng nhựa, hóa đơn nhập hàng phải cung cấp bổ sung một số thông tin sau:

- Đối với các loại màng mỏng, tấm, băng nhựa thuộc mã 3920 và 3921, hóa đơn phải nói rõ: (1) có xen lu lô (cellular) hay không có xen lu lô (non-cellular); (2) qui cách của loại nhựa; (3) cho biết nhựa có nhiệt dẻo (flexible) hay không nhiệt dẻo (inflexible) và có kết hợp với vải hoặc vật liệu khác không.

- Đối với các mặt hàng được sản xuất bằng nguyên liệu dệt và được phủ hoặc tráng nhựa: hóa đơn phải mô tả cho biết vải được phủ hoặc tráng nhựa cả hai mặt hoặc chỉ mặt ngoài hay chỉ mặt trong.

- Đối với túi sản xuất bằng tấm nhựa không tráng: hóa đơn phải cho biết kích cỡ của tấm nhựa.

- Đối với hạt nhựa có lỗ (để làm vòng hoặc đính trên vải): hóa đơn phải ghi rõ chiều dài của vòng (nếu được xâu thành vòng), kích cỡ của hạt bằng mm, và chất liệu làm hạt.

Đồ chơi

Nhập khẩu đồ chơi vào Hoa Kỳ chịu sự điều tiết của các luật sau:

- Luật Liên bang về các chất nguy hiểm (Federal Hazardous Substance Acts) và các sửa đổi của luật này;
- Luật Bảo vệ Trẻ em và An toàn Đồ chơi 1969 (Child Protection and Toy Safety Act of 1969); và
- Luật An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSA).

Các cơ quan quản lý an toàn đồ chơi gồm:

- Uỷ ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSC) đối với các loại đồ chơi thông thường;
- Cục An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đối với các loại đồ chơi phát xạ;
- Uỷ ban Viễn thông Liên bang (FCC) đối với các loại đồ chơi có sóng radio.

Các cơ quan giám sát nhập khẩu và lưu thông đồ chơi gồm:

- Cục Hải quan và bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ sẽ là cơ quan đầu tiên kiểm tra sự tuân thủ pháp luật của các sản phẩm đồ chơi nhập khẩu.
- CPSC là cơ quan liên bang chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát và thi hành luật liên quan đến

đồ chơi trên cơ sở luật CPSA đã được đề cập ở trên.

- Ngoài ra, đối với một số loại đồ chơi, có thể có FDA hoặc FCC cùng phối hợp quản lý.

CPSC tổ chức các đội giám định hiện trường để giám sát thị trường đối với cả các loại đồ chơi sản xuất trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài mà có thể gây nguy hiểm do điện, nhiệt, cơ, hoá học, hay do dễ cháy.

Nội dung giám sát của CPSC là ban hành những quy định, tiêu chí và biện pháp thử nghiệm đồ chơi về:

- Sơn và các nguyên liệu phủ bề mặt tương tự;
- Các loại núm vú giả và xúc xắc;
- Mức độ âm thanh của các đồ chơi có nắp đậy;
- Các đồ chơi nhiệt - điện;
- Các bộ phận hóa học;
- Các cạnh và điểm sắc nhọn;
- Các bộ phận nhỏ, có thể nuốt hay hít vào;
- Thử nghiệm trong điều kiện sử dụng bình thường và sử dụng quá mức;
- Độ bắt cháy;
- Các nguyên liệu mỹ thuật.

Các nhà sản xuất có thể tìm hiểu và cập nhật thông tin liên quan đến an toàn đồ chơi tại trang web của Hiệp hội đồ chơi Hoa Kỳ www.toy-tia.org và trang web của CPSC: www.cpsc.gov/cpscpub/pubs/toy_sfy.html.

Yêu cầu chi tiết đối với nhập khẩu đồ chơi

Các yêu cầu được chia thành các nhóm chính sau: yêu cầu về chứng từ; yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn và nhãn hàng; yêu cầu chung; và yêu cầu về bản quyền và thương hiệu.

Các yêu cầu liên quan đến chứng từ chủ yếu liên quan đến thủ tục khai báo nhập khẩu.

Những yêu cầu về an toàn. Theo Luật An toàn Sản phẩm Tiêu dùng, tất cả các loại đồ chơi phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn. Có một số loại đồ chơi trẻ em nguy hiểm đến mức bị cấm nhập khẩu hoàn toàn như mũi tên, phi tiêu... Các loại đồ chơi có thể gây nguy hiểm nhưng chưa đến mức bị cấm hoàn toàn phải đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn qui định cụ thể định đối với từng loại.

Để đề phòng nguy hiểm có thể xẩy ra đối với trẻ em khi sử dụng đồ chơi, các luật liên quan có hướng dẫn kỹ lưỡng các biện pháp thử nghiệm an toàn đối với các loại đồ chơi có thể gây nguy hiểm. Những yêu cầu về an toàn và biện pháp thử nghiệm cũng rất khác nhau tuỳ theo bản chất của đồ chơi và nhóm tuổi trẻ em sử dụng đồ chơi.

Đồ chơi được chia thành các nhóm tuổi sử dụng như sau: đồ chơi dành cho trẻ em từ 18 tháng tuổi trở xuống, từ 18 đến 36 tháng tuổi, và từ 36 đến 96 tháng tuổi. Nếu nhà sản xuất không chỉ rõ là đồ chơi dành cho nhóm tuổi nào thì các đồ chơi đó sẽ chịu sự thử nghiệm chặt chẽ nhất gồm có tất cả các quy trình cho mọi lứa tuổi.

Về tính chất nguy hiểm, đồ chơi được chia thành các loại: đồ chơi có thể gây nguy hiểm mang tính cơ học, đồ chơi điện hay các sản phẩm có thể gây nguy hiểm về điện, và đồ chơi có thể nguy hiểm về nhiệt.

Những yêu cầu về nhãn hàng.

Nhãn hàng phải rõ ràng, nổi bật để dễ nhìn thấy, và phù hợp với việc mua bán, lưu giữ, và sử dụng của từng loại sản phẩm. Ngôn ngữ sử dụng trên nhãn hàng bắt buộc phải bằng tiếng Anh (các ngôn ngữ khác có thể được ghi kèm nếu thấy cần thiết). Các lời cảnh báo nguy hiểm phải rõ

ràng, phải đặt trên chính đồ chơi, và không thể giặt tẩy sạch bằng bất cứ cách nào. Hàng sản xuất ở nước ngoài không có nhãn phù hợp với qui định của Hoa Kỳ sẽ không được nhập khẩu.

Theo yêu cầu của FDA, tất cả các thiết bị điện có khả năng phát xạ mà đã có tiêu chuẩn của liên bang thì phải có chứng thực sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn đó. Nhà sản xuất phải gắn nhãn trên từng sản phẩm nói rõ sản phẩm tuân thủ tiêu chuẩn đang áp dụng. Các sản phẩm có sóng radio thuộc quyền quản lý của Uỷ ban Viễn thông Liên bang phải tuân thủ các qui định riêng của Uỷ ban về nhãn hàng.

Nhãn hàng phải cảnh báo về khả năng gây nguy hiểm của đồ chơi: Ví dụ: Hộp đựng vú giả dùng cho trẻ em bắt buộc phải có dòng chữ: "Cảnh báo: Không buộc vú giả vòng quanh cổ trẻ em vì rất nguy hiểm." Cảnh báo này cũng phải có trên từng bao bì đóng gói của từng chiếc vú giả; Nắp súng bằng giấy và nhựa dự định để dùng trong súng trò chơi phải có dòng chữ sau trên thùng carton và trong tài liệu sử dụng kèm theo: "Cảnh báo: Bắn không gần dưới 1 foot (33 cm) và không sử dụng trong nhà"; Các đồ chơi bằng điện phải có dòng chữ "Chú ý: đồ chơi điện, không dùng cho trẻ em dưới ... tuổi". Đối với đồ chơi nguy hiểm về nhiệt, cần phải ghi rõ: "Nóng - không chạm vào".

Những quy định về bản quyền và thương hiệu

Một số sản phẩm như trò chơi video hay đồ chơi có thương hiệu có thể phải tuân thủ các qui định về thương hiệu và đăng ký bản quyền. Chi nhánh quyền sở hữu trí tuệ (IPR) của cơ quan Hải quan Hoa Kỳ chịu trách nhiệm thực thi luật này. Các nhà nhập khẩu phải xuất trình giấy uỷ quyền còn hiệu lực của người sở hữu bản quyền hay thương hiệu. Những sản phẩm vi phạm về bản quyền và thương hiệu sẽ bị phạt rất nặng và tịch thu.

Yêu cầu lưu giữ chứng từ

Các nhà nhập khẩu đồ chơi phải chịu trách nhiệm về mức độ tuân thủ luật của hàng nhập khẩu và phải lưu giữ trong 3 năm sau khi nhập khẩu các chứng từ sau:

- Quy cách phẩm chất của nguyên liệu và sản phẩm;
- Kết quả thử nghiệm đã tiến hành; và
- Các chứng từ bán và phân phối hàng.

Các chứng từ này phải được xuất trình cho các nhân viên của CPSC hoặc người được SPSC chỉ định trong thời gian hợp lý khi có yêu cầu để kiểm tra.

Hàng mây tre lá

Các mặt hàng mây tre lá nói ở đây bao gồm các sản phẩm như: chiếu, mành, rổ, giỏ, làn xách tay, khay, thùng và các đồ dùng khác được đan hoặc bện hoặc làm từ rơm, tre, mây, song, thanh gỗ mỏng, thân thảo, dây băng nhựa... Nhập khẩu những mặt hàng này vào Hoa Kỳ phải tuân theo những luật lệ và quy định sau:

- Quy định của Bộ Nông Nghiệp (USDA) về giám định xác xuất hàng tại cảng đến và các quy định về nhập khẩu và kiểm dịch;
- Luật liên bang về sâu bệnh ở cây (FPPA);
- Luật kiểm dịch thực vật (PQA);
- Các quy định của Cơ quan bảo tồn thuỷ sản và động vật hoang dã (FWS) về giấy phép nhập khẩu, giấy phép xuất khẩu của nước xuất xứ, các quy định về tài liệu giao hàng và hồ sơ theo dõi (nếu sản phẩm được làm từ các loài quý hiếm).

Theo Luật kiểm dịch thực vật (PQA), Luật về các loài quý hiếm (SEA) và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã quý hiếm (CITES), Cơ quan kiểm dịch động thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ và Cơ quan bảo tồn thuỷ sản và động vật hoang dã (FWS) sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra để đảm bảo những lô hàng nhập khẩu không được sản xuất từ những loài thực vật có nguy cơ diệt chủng (như cây dương xỉ) hay không chứa những loại sâu bệnh có hại cho ngành nông nghiệp Hoa Kỳ. Nếu việc giám định xác suất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ phát hiện có côn trùng trong hàng nhập khẩu thì toàn bộ lô hàng đó phải được xông khói để khử trùng. Trong trường hợp không xử lý được loại côn trùng đó thì lô hàng sẽ bị từ chối nhập khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế hầu hết những lô hàng có côn trùng đều có thể xử lý khử trùng và được phép nhập khẩu.

Các loại rổ, rá, giỏ làm từ rơm để dùng ngoài trời sẽ không được nhập khẩu nhưng nếu để dùng trong nhà sẽ được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Các loại rổ, rá, giỏ.... làm từ các vật liệu từ cây ngô không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Những lô hàng làm từ các loài cây quý hiếm chỉ được nhập vào tại cửa khẩu/cảng theo chỉ định của FWS và phù hợp các quy định của FWS và Hải quan về việc phải thông báo hàng đến và giám định hàng tại cảng đến. Các lô hàng làm từ các loại cây quý hiếm còn phải được dán nhãn bên ngoài container với tên và địa chỉ của người xuất khẩu và người nhập khẩu, và mô tả chính xác chủng loại và số lượng của các loài trong container đó.

Xe đạp

Nhập khẩu xe đạp và phụ tùng xe đạp vào Hoa Kỳ chịu sự quản lý của Uỷ ban an toàn sản phẩm tiêu dùng liên bang (CPSC) theo các quy định của Luật an toàn sản phẩm tiêu

dùng (CPSA). Nhập khẩu các mặt hàng này không đòi hỏi giấy phép kinh doanh nhập khẩu hoặc giấy phép nhập khẩu chuyến cũng như các giấy tờ đặc biệt khác. Tuy nhiên, sản phẩm nhập khẩu phải phù hợp với rất nhiều tiêu chuẩn an toàn bắt buộc do CPSC qui định tại Mục số 16 CFR 1512. Để đảm bảo hàng nhập khẩu phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn qui định, CPSC có thể kiểm tra ngẫu nhiên các lô hàng nhập khẩu tại cảng đến Hoa Kỳ.

Các tiêu chuẩn an toàn đối với xe đạp và phụ tùng được chia làm 2 loại chính: (1) các tiêu chuẩn về cơ khí nói chung và (2) các tiêu chuẩn cụ thể đối với một số loại phụ tùng. CPSC cũng qui định cách thức kiểm tra an toàn cụ thể đối với tay lái, bánh xe, bàn đạp, cổ phuốc, và hệ thống phanh.

- Các tiêu chuẩn về cơ khí nói chung đối với xe đạp: Xe phải được thiết kế và sản xuất để người trưởng thành bình thường có thể lắp ráp được. Xe không được có những gờ/cạnh bằng kim loại chưa hoàn chỉnh hoặc những phần sắc có thể gây thương tích cho người sủ dụng. Các gờ/cạnh kim loại sắc sau khi cắt rập phải được gọt rũa và loại bỏ. Khung xe hoặc những phụ tùng khác sau quá trình kiểm tra theo qui định không được có các vết rạn, nứt. Những dụng cụ cơ khí gắn vào xe cũng không được hư hỏng sau khi kiểm tra.

- Các quy định đối với phụ tùng cụ thể: Hoa Kỳ có những quy định tiêu chuẩn cụ thể áp dụng cho: hệ thống phanh, tay lái, bàn đạp, xích, chắn bùn, lốp, vành xe, trục bánh xe, càng xe phía trước, các bộ phận của khung xe, yên xe, và đèn phản chiếu hậu. Ví dụ, theo qui định của CPSC, hệ thống phanh xe đạp có thể gồm cả phanh bánh trước và phanh bánh sau hoặc chỉ có phanh bánh sau. Đối với xe chỉ có phanh tay, hệ thống phanh phải đảm

bảo cho xe dừng lại trong vòng không quá 15 phít (4,57m) kể từ khi phanh đối với người đi xe nặng ít nhất 150 pound (68,1 kg) đang đi với tốc độ ít nhất 16 km/giờ.

CPSC có trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn này. Hàng không tuân thủ các tiêu chuẩn quy định có thể bị từ chối nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Thậm chí, hàng đã nhập khẩu hoặc đưa vào lưu thông nhưng sau đó bị phát hiện không tuân theo tiêu chuẩn quy định thì vẫn bị thu hồi.

- Xe đạp nằm trong các mặt hàng phải thông báo khuyết tật sản phẩm nếu có theo quy định của Luật an toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSA). Theo luật này, bất kỳ nhà sản xuất, phân phối, hoặc bán lẻ sản phẩm nào nếu có những thông tin hợp lý để kết luận rằng sản phẩm đó không tuân theo quy định hiện hành về an toàn sản phẩm tiêu dùng hoặc có khuyết tật sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho người tiêu dùng, phải thông báo ngay lập tức cho CPSC những khuyết tật hoặc vi phạm về an toàn sản phẩm. Việc cố tình không thông báo những vi phạm hoặc khuyết tật sản phẩm có thể bị CPSC khởi kiện.

- Quy định về nhãn hàng đối với xe đạp. Xe đạp nhập khẩu phải có hướng dẫn sử dụng gắn vào khung xe hoặc để trong thùng đóng gói xe. Hướng dẫn sử dụng phải có tối thiểu những thông tin sau: (1) hướng dẫn sử dụng và an toàn, miêu tả hoạt động của phanh và hộp số, những cẩn trọng khi sử dụng vào ban đêm hoặc thời tiết xấu, hướng dẫn sử dụng an toàn những lúc đi ngoài đường cũng như lúc để xe cố định; (2) hướng dẫn lắp ráp; (3)

hướng dẫn bảo dưỡng phanh, giây cáp điều khiển, điều chỉnh vòng bi, ổ bi, điều chỉnh bánh xe, tra dầu mỡ, đèn phản quang, lốp, điều chỉnh tay lái và yên xe. Nếu việc bảo dưỡng đó vượt quá khả năng của một người sử dụng bình thường thì hướng dẫn sử dụng phải ghi địa điểm dịch vụ bảo dưỡng.

Nếu xe chưa được lắp ráp hoàn chỉnh để có thể sử dụng, thì trên các tài liệu giới thiệu hàng và trên mặt ngoài của thùng cát-tông đóng hàng phải có những thông tin sau: (1) tên các dụng cụ cần thiết để lắp ráp và điều chỉnh xe; (2) hình vẽ minh họa kích cỡ tối thiểu theo chiều dài của chân người đi xe, và phương pháp để đo kích cỡ này.

Các loại xe nhập khẩu phải được dán hoặc gắn nhãn chặt vào xe hoặc khung xe. Việc dán hoặc gắn nhãn phải đảm bảo nhãn sẽ bị phá hủy hoặc mất dấu khi tháo ra. Nhãn phải có tên của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối. Trên nhãn cũng phải có các thông tin để từ đó nhà sản xuất có thể biết được tháng và năm sản xuất, hoặc người phân phối có thể biết được nhà sản xuất và tháng và năm sản xuất.

Toàn văn các tiêu chuẩn an toàn đối với xe đạp và phụ tùng có tại trang web của Uỷ ban an toàn sản phẩm tiêu dùng: http://www.access.gpo.gov/.

Đồ nội thất

Nhìn chung, việc nhập khẩu đồ nội thất vào Hoa Kỳ tương đối dễ, không cần xin giấy phép nhập khẩu hay một loại giấy tờ đặc biệt nào. Tuy nhiên, cũng có một số quy định khá chặt chẽ đối với các sản phẩm nội thất dành cho trẻ em, đồ nội thất có thành phần dệt, và đồ nội thất chiếu sáng.

Sản phẩm nội thất dành cho trẻ em

Loại sản phẩm này phải tuân theo các quy định của Luật an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng (CPSA) của ủy ban an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng (CPSC). Ví dụ, đối với các loại giường cũi cho trẻ em, có những quy định rất chặt chẽ liên quan đến chiều cao của thanh bao quanh, khoảng cách giữa các bộ phận của cũi, kích cỡ bên trong, chi tiết hoàn thiện, các linh kiện bằng kim loại, và phải có hướng dẫn tháo lắp đối với những bộ phận tháo ghép. Các loại cũi bằng lưới, hoặc có cấu tạo không chắc chắn, nôi, võng, ghế đu, nôi trẻ em trong ôtô, xe đẩy có mui bằng mây đan không phải tuân theo các quy định trên.

Ngoài ra, nhà nhập khẩu các loại cũi cho trẻ em phải duy trì hồ sơ lưu trữ trong vòng 3 năm kể từ ngày sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm này liên quan đến: (1) việc bán hàng, (2) phân phối, (3) kết quả kiểm tra sản phẩm theo quy định của luật CPSA. Nhà nhập khẩu phải cho phép bất kỳ nhân viên nào của CPSC tiếp cận hoặc xác minh các số liệu trên khi họ có yêu cầu. *(Xem thêm phần Luật bảo vệ người tiêu dùng).*

Quy định về nhãn mác đối với các loại cũi trẻ em cũng tương đối khắt khe. Hộp carton đóng gói cũi và trên cũi phải dãn nhãn với những thông tin: (1) tên và địa điểm kinh doanh của nhà sản xuất, nhập khẩu, phân phối và/hoặc bán hàng; (2) số kiểu, số kho, số catolog hoặc số sản phẩm để phân biệt với những sản phẩm cùng cấu trúc, thành phần và kích cỡ. Nhãn hàng phải lưu ý người sử dụng dùng các loại đệm với kích cỡ cụ thể cao bao nhiêu, dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu và lưu ý này phải viết bằng chữ hoa với chiều cao ít nhất là 1/4 inch và phải rõ ràng, dễ đọc và tương phản với nền chữ. Nhãn phải đảm bảo không dễ bị tẩy xóa, mất dấu, và tồn tại lâu dài cùng với sản phẩm.

Đồ nội thất có sử dụng nguyên liệu dệt

Đồ nội thất có thành phần dệt không bị hạn chế bởi hạn ngạch dệt may và các quy định của các hiệp định đa sợi (MFA). Tuy nhiên, những sản phẩm nội thất đó phải được dán nhãn theo các quy định của Luật nhận dạng sản phẩm sợi dệt (TFPIA) được giám sát bởi Uỷ ban thương mại liên bang (FTC). Theo đó, sản phẩm phải được đóng dấu, dãn nhãn, hoặc ghi mác với những thông tin: (1) tên và tỷ lệ phần trăm trọng lượng của các loại sợi có chiếm trên 5% trọng lượng theo thứ tự giảm dần; phần trăm của các loại sợi theo quy định được ghi là "các loại sợi khác" (bao gồm các loại sợi có khối lượng bằng hoặc dưới 5%) được ghi ở cuối; (2) tên nhà sản xuất hoặc tên hay số chứng minh do FTC cấp cho người tiếp thị hay sử dụng sản phẩm dệt; (3) tên nước sản xuất hoặc chế tạo. Một nhãn hiệu bằng chữ, đã đăng ký với cơ quan bằng sáng chế của Hoa Kỳ, có thể được sử dụng trên mác thay cho tên nhà sản xuất, nếu chủ sở hữu nhãn hiệu đó cung cấp cho FTC một bản copy trước khi sử dụng.

Ngoài ra, luật TFPIA cũng quy định rất cụ thể về loại nhãn mác, cách dán, vị trí nhãn mác trên sản phẩm, dán nhãn bao bì, sắp xếp thông tin trên nhãn mác; dấu hiệu nước xuất xứ; sử dụng tên thương mại và thương hiệu. Nếu lô hàng nhập khẩu đồ nội thất chứa thành phần dệt có giá trị trên 500 USD, thì trên hóa đơn cũng phải chứa những thông tin tương tự như quy định ghi trên nhãn mác.

Ngoài những quy định trên, đồ nội thất có chứa thành phần dệt cũng chịu sự quy định của Luật vải dễ cháy (FFA) được CPSC giám sát. Theo đó, nếu CPSC cho rằng sản phẩm không tuân theo một tiêu chuẩn về dễ cháy, cơ quan này có quyền tiến hành các biện pháp trừng phạt về mặt pháp lý như tịch thu, không cho bán hàng phân phối sản phẩm đó. Thêm vào đó, theo quy định của Luật nâng cao an

toàn sản phẩm cho người tiêu dùng năm 1990 (CPSIA), CPSC cũng có quyền phạt dân sự bất cứ người nào cố tình vi phạm FFA với mức phạt lên tới 5.000 USD/1 sản phẩm hoặc tối đa tới 1,25 triệu USD. *(Xem thêm phần Luật bảo vệ người tiêu dùng)*

Thiết bị nội thất chiếu sáng

Đối với các loại sản phẩm này, Hải quan Hoa Kỳ yêu cầu phải ghi rõ số lượng các loại nguyên liệu cấu thành sản phẩm (bao nhiêu gỗ, bao nhiêu kim loại, bao nhiêu thủy tinh...) để phục vụ cho việc phân loại mã thuế. Các thông số này có thể ghi trên hóa đơn khi làm thủ tục hải quan hoặc có thể ghi riêng và đính kèm trong bộ hồ sơ giao nhận hàng.

Mặc dù Hoa Kỳ không có quy định pháp lý bắt buộc về tiêu chuẩn an toàn sản phẩm đối với các loại đồ nội thất chiếu sáng, song gần như tất cả các sản phẩm nội thất chiếu sáng được tiêu thụ ở thị trường này đều tuân theo các tiêu chuẩn tự nguyện của tổ chức giám định chất lượng sản phẩm Underwriters' Laboratory (UL) Hoa Kỳ (UL là tổ chức phi chính phủ và không vì mục đích lợi nhuận) đã được thiết lập đối với các thiết bị chiếu sáng trong nhà và ngoài trời. Những sản phẩm được UL kiểm nghiệm và dán nhãn chứng nhận an toàn dễ được người tiêu dùng chấp nhận hơn tại thị trường Hoa Kỳ.

Bật lửa dùng để hút thuốc

Bật lửa đồ chơi và bật lửa vứt hỏ sau khi dùng không được nhập khẩu vào Hoa Kỳ nếu không đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn không gây hại cho trẻ em được quy định trong Luật an toàn các sản phẩm tiêu ding. Tất cả bật lửa ga không thể nạp lại hoặc có thể nạp lại với trị giá hải quan dưới 2 USD được coi là bật lửa vứt bỏ sau khi sử dụng và chịu sự điều tiết của quy định trên. Bật lửa đồ chơi là bật lửa

(sử dụng bất kỳ loại nhiên liệu nào) có chức năng giải trí bằng âm thanh hoặc hình ảnh hoặc những loại thường được coi là dành cho trẻ em dưới 5 tuổi.

Các nhà sản xuất phải thử nghiệm sản phẩm, lưu hồ sơ và báo cáo kết quả cho Uỷ ban an toàn sản phẩm tiêu dùng. Chứng từ giao hàng phải có giấy chứng nhận hợp chuẩn, hoặc nếu không phải được gửi cho nhà phân phối hoặc người bán lẻ sẽ nhận hàng.

Một số qui định đối với vật liệu gỗ đóng gói hàng nhập khẩu

Kể từ ngày 16/9/05, tất cả vật liệu gỗ đóng gói (WPM - viết tắt của wood packing materials) hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ đều phải được xử lý nhiệt hoặc hun trùng. Qui định này áp dụng đối với tất cả các lô hàng có bao bì là WPM như: kệ (pallet), thùng thưa (crate), thùng kín (box), lót (dunnage), khối (block), vật liệu chèn (skid).

Những yêu cầu về xử lý và ghi ký mã hiệu: Quy định này do Cơ quan kiểm dịch động thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ ban hành cuối năm 2004 theo tiêu chuẩn quốc tế yêu cầu bao bì gỗ 1) phải được xử lý nhiệt hoặc hun trùng 2) và có ký mã hiệu quốc tế xác nhận đã xử lý. Cụ thể, qui định của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ yêu cầu gỗ dùng làm bao bì sử dụng trong thương mại quốc tế hoặc phải được 1) xử lý nhiệt tới nhiệt độ tối thiểu cho gỗ là 56 độ C trong khoảng thời gian tối thiểu là 30 phút hoặc 2) được hun trùng bằng metyl bromua khoảng 16 tiếng.

Ngoài ra, bao bì bằng gỗ phải có ký hiệu lô gô của Công ước bảo vệ cây trồng quốc tế (IPPC) và mã 2 chữ cái theo qui định của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO) đối với nước đã xử lý gỗ bao bì. Ký mã hiệu cũng phải bao gồm cả số riêng mà tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia cấp cho công ty

chịu trách nhiệm đảm bảo WPM được xử lý đúng qui định, cùng với chữ viết tắt HT (heat treatment) hoặc MB (metyl bromua). Không cần phải có giấy chứng nhận xử lý.

Trường hợp được miễn trừ: Các loại bao bì gỗ sau đây được miễn thực hiện qui định này: 1) hoàn toàn là gỗ chế tạo (ví dụ: ván ép, gỗ dán) và thùng rượu vang và wít ki, 2) những miếng gỗ mỏng (dày từ 6 mm trở xuống) hay gỗ có xuất xứ từ Canada. Bao bì bằng gỗ đến từ Canada được phép vào Hoa Kỳ không cần ký hiệu IPPC, nhưng sẽ được kiểm dịch sâu bọ.

Bao bì gỗ không có ký mã hiệu có thể tách khỏi hàng hoá nhập khẩu nếu nhân viên kiểm dịch xác định rằng việc tách đó có thể thực hiện được mà không để phát tán sâu bọ gây hại. Tuy nhiên, một số cảng đã cho biết họ sẽ yêu cầu tái xuất toàn bộ lô hàng vi phạm đóng trong container bởi vì các phương tiện ở cảng không đủ để tránh phát tán sâu bọ, trong khi đó các lô hàng rời sẽ được xem xét từng trường hợp một. Chủ hàng phải nộp cho Cơ quan kiểm dịch phí giám sát tách hàng. Cơ quan kiểm dịch sẽ cho phép tái chế hàng nếu sâu bọ gây hại không xuất phát từ gỗ được khoanh lại bằng bao bì gỗ có ký mã hiệu IPPC.

Lộ trình thực hiện: Quy định mới này của Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 16/9/05. Tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện cho các nhà xuất khẩu nước ngoài có thêm thời gian để thực hiện tốt các qui định này, ngày 14/9/05, Cục Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ đã ban hành lộ trình thực hiện chia làm 3 giai đoạn như sau:

Giai đoạn I: Bắt đầu từ ngày 16/9/2005 đến ngày 1/2/2006, Hải quan sẽ giám sát và thông báo cho các chủ hàng biết bao bì bằng gỗ có phù hợp với qui định hay không. Trong giai đoạn này hàng có bao bi vi phạm qui định vẫn được nhập khẩu bình thường vào Hoa Kỳ.

Giai đoạn II: Kể từ ngày 1/2/2006, hàng đóng gói bằng kệ gỗ (pallet) hoặc thùng gỗ thưa (crate) nếu vi phạm quy định sẽ không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Hàng được đóng gói bằng các loại bao bì gỗ khác nếu vi phạm sẽ được Hải quan cảnh báo nhưng vẫn được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Giai đoạn III: Kể từ ngày 5/7/2006, tất cả hàng hóa có bao bì gỗ không đúng qui định đều không được phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ, trừ những trường hợp giám đốc cảng xét thấy có thể tách riêng hàng hoá khỏi bao bì gỗ vi phạm như đã qui định.